

PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19

- SỨC MẠNH CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VÀ CỦA TOÀN DÂN

ThS. NGUYỄN HỮU THÁNH

Bí thư Đảng ủy - Hiệu trưởng

Cách đây ngót 45 năm, từ những năm tháng “cả nước ra trận” chống giặc ngoại xâm, giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, thời điểm này cả nước lại tiếp tục đoàn kết chống dịch COVID-19. Ngay từ ngày 23/01/2020 xuất hiện hai trường hợp đầu tiên ở thành phố Hồ Chí Minh là hai cha con người Trung Quốc nhiễm dịch bệnh, Đảng và Nhà nước ta đã có những quyết sách đúng đắn đó là huy động toàn Đảng, toàn quân, toàn dân đoàn kết một lòng, chung sức cùng nhau chiến thắng đại dịch.

Từ tháng 12 năm 2019, ca bệnh đầu tiên ở Vũ Hán, Hồ Bắc, Trung Quốc đến nay đã có 200 quốc gia và vùng lãnh thổ bị dịch bệnh. Đêm 11/3/2020 Tổ chức Y tế thế giới (WHO) đã tuyên bố Covid-19 là đại dịch toàn cầu, là kẻ thù chống lại nhân loại. Khi tôi viết bài viết này (06/4) số người lây nhiễm toàn cầu là 1.282.041 người, số người tử vong lên đến con số 70.172 người. Lần đầu tiên, trong bối cảnh quốc tế hóa, toàn cầu hóa mà hầu hết tất cả các quốc gia đều đóng cửa biên giới. Thế giới đang đứng trước sự sụt giảm lớn về tiêu dùng, dịch vụ, giảm nhu cầu về vật chất và tinh thần và những hệ quả không thể đoán định trước được.

Sự mất mát lớn nhất đó là dịch bệnh đã cướp đi sinh mệnh của hàng chục ngàn người đồng thời, tổn thất cả về kinh tế, chính trị, tinh thần... và đặc biệt là suy giảm, tổn thất nghiêm trọng lòng tin, niềm tin đối với chính quyền và thể chế chính trị khi chưa có những biện pháp kịp thời, hiệu quả bảo đảm an toàn

cho người dân. Đại dịch này, đang đặt ra cho thế giới chúng ta đang sống những suy nghĩ mới, cách làm mới.

Tính đến 6 giờ sáng ngày mùng 6 tháng 4 năm 2020, Việt Nam có 241 người bị nhiễm bệnh, trong đó đã có 91 người chữa khỏi không có ca tử vong nào. Hầu hết tất cả các ca lây nhiễm đều đến từ các vùng dịch trên thế giới, chủ yếu từ Châu Âu. Thời điểm xuất hiện và bùng phát dịch trong bối cảnh mọi người dân Việt Nam đang hồ hởi, tất bật chuẩn bị đón tết cổ truyền của dân tộc.

Ngay từ ngày đầu phát hiện dịch đã có hàng loạt văn bản chỉ đạo của Đảng, Chính phủ đề ra các phương án, biện pháp phòng, chống dịch bệnh. Chúng ta đã chủ động trong ban hành chính sách, quyết đoán trong hành động phòng chống dịch. Bằng những biện pháp đơn giản nhưng triệt để và hiệu quả với trách nhiệm chung của toàn xã hội “mọi người dân đeo khẩu trang”, giãn cách xã hội, lập các khu cách ly miễn phí mọi dịch vụ... trong điều kiện nguồn lực của quốc gia còn hạn chế. Cùng với tinh thần cảnh giác giác, tự giám sát cao độ của mỗi người dân trong việc phát hiện, ngăn chặn phòng chống dịch. Các ban chỉ đạo phòng chống dịch từ Trung ương đến địa phương được thành lập. Bộ Ngoại Giao, Quân đội, Công an thành lập Ban Chỉ đạo theo ngành dọc. Với tinh thần “*chống dịch như chống giặc*”, “*minh bạch, công khai, không dấu dịch*” cả hệ thống chính trị vào cuộc. Lại một lần nữa sau 45 năm, cả dân tộc “ra trận”. Phát huy truyền thống “*xe chưa*

qua, nhà không tiếc”, Đảng, Chính phủ đã có chủ trương dành mọi ưu tiên tốt nhất để bảo đảm sức khỏe, tính mạng của người dân; đồng thời bảo đảm tốt an sinh xã hội không ai bị bỏ lại phía sau. Tổng Bí thư, Chủ tịch nước ra Lời kêu gọi toàn dân chung sức chống dịch COVID-19 vì sinh mệnh của đồng bào. Tổng Bí thư đã khẳng định: “Chúng ta phản ứng rất nhanh, rất kịp thời và chính xác, bước đầu đã đạt kết quả tốt, nhân dân ghi nhận, thể giới hoan nghênh”.

Để thắng đại dịch, Đảng, Chính phủ yêu cầu kiên quyết, triệt để nhưng phải bình tĩnh, đồng bộ, bám sát tình hình song song với giữ ổn định không để xảy ra hoang mang trong xã hội. Xử lý kịp thời những hành vi lợi dụng dịch bệnh để tung tin giả, tin sai sự thật nhằm kích động, gây hoang mang trong xã hội. Chiến dịch này cũng phải thực hiện tốt 4 tại chỗ “chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ, phương tiện tại chỗ, hậu cần tại chỗ”. Chúng ta đã chú trọng công tác thông tin, tuyên truyền, vận động, hướng dẫn người dân bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng, đơn giản, dễ hiểu.

Đặc biệt, ngay từ ban đầu với những hoạt động mau lẹ, quyết định kịp thời và đã có các biện pháp cách ly, phong tỏa khu có dịch, đóng cửa trường học, hoãn các hoạt động đông người, triển khai làm việc online, thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ “Về thực hiện các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch COVID-19”. Dự báo tình hình khó khăn xảy ra nhất là việc cung cấp đủ lương thực, thực phẩm, thiết bị y tế, nhu yếu phẩm thiết yếu cho người dân, Chính phủ đã có những chủ trương sát đúng như hạn chế xuất khẩu gạo nhằm đáp ứng kịp thời, đầy đủ bảo đảm an ninh lương thực và có biện pháp ngăn chặn chống tăng giá trong mùa dịch bệnh.

Bên cạnh đó, ngành y tế của Việt Nam đã có phác đồ điều trị hiệu quả ngay từ đầu và Việt Nam luôn đi trước khuyến cáo WHO về dịch bệnh này. Các ngành ngoại giao, quân đội, công an đã vào cuộc từ những ngày đầu tiên xuất hiện dịch. Tất cả những lực lượng này ngày đêm quên mình cống hiến cho sự bình an của nhân dân; những người dân khắp mọi miền nhường cơm, sẻ áo dành từng mớ rau, quả bí để hỗ trợ các khu cách ly; các ATM gạo được đặt miễn phí ở nhiều nơi và những siêu thị 0 đồng hỗ trợ bà con gặp khó khăn trong dịch bệnh... Chiến dịch phòng chống dịch đã được triển khai đến từng khu phố, bản làng với phương châm “đi từng ngõ, gõ từng nhà, rà từng đối tượng” để kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý một cách có hiệu quả. Trong cuộc chiến cam go này không thể không đánh giá cao vai trò to lớn của công tác tuyên truyền, thông tấn, truyền thông qua nhiều kênh thông tin, nhiều phương tiện thông tin đại chúng khác đã góp phần đắc lực cho cuộc chiến chống dịch COVID-19.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, cả hệ thống chính trị vào cuộc hợp đồng chặt chẽ, trách nhiệm, sâu sát từ Trung ương đến cơ sở với mục tiêu cao nhất là chiến thắng dịch bệnh vì sức khỏe và tính mạng của nhân dân. Khẳng định và thể hiện rõ tính ưu việt của hệ thống chính trị Việt Nam, sự nhân văn của chế độ, sự quan tâm sâu sắc, hiệu quả của Đảng, Nhà nước đối với người dân trong nước cũng như kiều bào, học sinh, sinh viên, người lao động của Việt Nam ở nước ngoài. Chính vì vậy, nhiều du khách đã đánh giá “*Việt Nam là đất nước của những con người tuyệt vời với trái tim đẹp*”. Không ngẫu nhiên gì mà báo chí Anh ra ngày 6/4/2020 cho rằng Việt Nam “*là ngọn hải đăng*” trong phòng chống dịch của thế giới và báo chí của Mỹ xem sự thành công trong

phòng, chống đại dịch của Việt Nam là bài học cho nước Mỹ. Các hành động kịp thời của những người đứng đầu đất nước, sự tham gia chủ động, tích cực, quyết liệt, hiệu quả của ban ngành, chính quyền các cấp đã tạo được niềm tin, sự yên tâm trong xã hội và đại đa số người dân, tạo nên tâm thế chủ động trong phòng tránh dịch bệnh. Qua những giải pháp xử lý vấn đề, bằng lời nói và hành động của những người có trách nhiệm, cho thấy sự gắn kết bền chặt giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân, nói lên bản chất tốt đẹp của Nhà nước ta: Nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân, luôn hướng về dân để phục vụ với tinh thần tận tụy; sẵn sàng chấp nhận những thiệt hại trước mắt về kinh tế để đảm bảo sức khỏe, tính mạng và sự bình yên của nhân dân. Cuộc chiến đấu chống dịch này một lần nữa khẳng định “*khó vạn lần, dân liệu cũng xong*” của sức mạnh toàn dân.

Cũng qua cuộc chiến chống đại dịch này, một lần nữa chứng tỏ rằng, dù trong khó khăn nhưng với thể chế chính trị bằng cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ là một cơ chế đúng đắn nên đã tạo thành sức mạnh đoàn kết, ý chí, niềm tin cũng như tính nhân văn, bản chất tốt đẹp của xã hội ta. Sự đồng thuận của nhân dân cùng cả hệ thống chính trị vào cuộc là nhân tố đặc biệt quan trọng tạo thành sức mạnh của dân tộc. Chúng ta đã có một đường lối chính trị sáng suốt, đúng đắn của Đảng, sự quản trị đất nước phù hợp của chính quyền và sâu xa hơn là một nền luân lý đặt sinh mạng con người ở mức tối thượng.

Những việc làm đầy ý nghĩa nhân văn, những ứng xử có trách nhiệm cao trong “chiến dịch” phòng chống COVID-19 những ngày qua, đã giúp mỗi chúng ta vững tin hơn vào sự lãnh đạo, điều hành của Đảng và Nhà nước; gia tăng sức mạnh, niềm tin, tạo động

lực lớn để mỗi người vượt qua khó khăn, hướng đến một cuộc sống khỏe mạnh, an toàn, bình an và hạnh phúc.

Đây là hành động thiết thực, hiệu quả nhất để chứng minh sự sai trái của các thế lực thù địch, phản động với những lời lẽ cũ rích, nguy hiểm, rêu rao, chỉ trích nhằm bôi nhọ hệ thống chính trị Việt Nam, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Mới đây, ngày 11/3/2020, Bộ Ngoại giao Mỹ công bố “*Báo cáo nhân quyền quốc gia năm 2019*”. Không quá bất ngờ khi trong bản báo cáo này, Bộ Ngoại giao Mỹ tiếp tục “điệp khúc”: Việt Nam “vi phạm nhân quyền”.

Chưa cần điểm xuyết lại những điều to lớn khác mà Việt Nam đã đạt được, nhưng chỉ nhìn vào việc Việt Nam chống dịch COVID-19 thời gian qua để thấy một Việt Nam tôn trọng và đảm bảo quyền con người như thế nào. Toàn bộ hệ thống chính trị Việt Nam vào cuộc chống dịch COVID-19, để đảm bảo quyền cơ bản nhất của người dân là quyền *được sống*. Liên Hiệp Quốc cách đây hai hôm cũng đã đánh giá rằng, Việt Nam là nước ở châu Á có chỉ số niềm tin của người dân đối với chính quyền xếp vào hàng thứ nhất thế giới.

Chính phủ chỉ đạo quyết liệt việc chống dịch. Những lực lượng như Y tế, Công an, Quân đội luôn ở tuyến đầu. Hãy nhìn những anh bộ đội nhường doanh trại cho người cách ly, ra rừng dựng lán trại, ăn mỳ gói, uống nước suối, ngủ giữa rừng. Dù đất nước đang khó khăn nhưng Chính phủ Việt Nam bao dung, miễn phí điều trị COVID-19 cho những người mắc bệnh, bất kể đó là người Việt Nam hay người nước ngoài, để thấy hết cái tình, cái nhân văn, cho con người, vì con người của Việt Nam lớn lao đến thế nào. Thế giới đang quay cuồng trong “con bão” COVID-19 nhưng người dân Việt Nam thực sự an tâm

và biết ơn một Chính phủ đã quan tâm lo cho dân, vì dân. Và kết quả rất tích cực, Việt Nam đến ngày 06/4/2020 vẫn chưa có bất kỳ ca tử vong nào vì COVID-19.

Trong khi đó, thật đau lòng và xót xa bởi nhiều nước trên thế giới, kể cả những nước phát triển, những nước được xem là “đồng minh thân cận” của Mỹ lại bị động trong vấn đề phòng, chống dịch, khiến số người nhiễm lên đến con số hàng trăm, hàng triệu, số người chết lên đến con số hàng chục, hàng trăm nghìn. Ngay tại nước Mỹ, đến thời điểm này (06/4) có 336.830 người nhiễm COVID-19 đứng hàng đầu thế giới về số ca mắc bệnh và đứng thứ hai thế giới số người tử vong với 9618 người, sau Italia và vượt xa Trung Quốc.

Thực tiễn là tiêu chuẩn của chân lý. Hãy nhìn vào những gì Việt Nam đã và đang làm sẽ dễ dàng cho chúng ta câu trả lời sống động. Không phải vô cớ mà Việt Nam lại được bầu vào Hội đồng Nhân quyền, vào Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc với số phiếu cao như vậy (192/193 phiếu bầu).

Thiết nghĩ rằng, Bộ Ngoại giao Mỹ cần có cách nhìn đầy đủ, khách quan hơn về tình hình nhân quyền ở Việt Nam, tránh những định kiến, nhất là trong xu thế Việt Nam - Hoa Kỳ đang tăng cường hợp tác toàn diện, vì lợi ích nhân dân hai nước.

Cùng chung sức, đồng lòng với cả nước nói chung và tỉnh Quảng Trị nói riêng trong cuộc chiến chống dịch COVID-19, thực hiện Quyết định số 848/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2020 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt địa điểm cách ly tập trung tại các cơ quan, đơn vị, trong đó có Trường Chính trị Lê Duẩn. Phát huy truyền thống 75 năm (1945-2020) một mái trường cách mạng được vinh dự mang tên Tổng Bí thư Lê Duẩn kính mến, những ngày qua Trường Chính trị Lê Duẩn tỉnh Quảng Trị đã phối

hợp đầy trách nhiệm với các lực lượng Quân đội, Công an, Y tế thiết lập khu cách ly tập trung tại Trường để đón bà con lao động từ nước bạn Lào trở về.

Với bọn bề công việc phải tiến hành trong thời gian gấp rút nhất, từ khâu sắp xếp lại dụng cụ của học viên ở ký túc xá, điện, nước... bảo đảm trên 100 chỗ ở sạch sẽ, an toàn đến việc bố trí khu lưu trú cho gần 20 sỹ quan, chiến sỹ quân đội, công an, y tế, dân phòng ở lại trường phục vụ khu cách ly. Bằng tinh thần trách nhiệm cao, thái độ đúng đắn, tình cảm với đồng bào, đội ngũ cán bộ, giảng viên nhà trường đã tích cực tham gia chiến đấu với dịch bệnh theo tinh thần “*chống dịch như chống giặc*”. Đến tối ngày 30/3/2020 đã đón 101 người dân từ nước bạn Lào về khu cách ly tại Trường một cách an toàn, đúng quy định. Để phục vụ một cách tốt nhất trong điều kiện tối đa của Nhà trường, Ban Giám hiệu thường xuyên trao đổi thông tin kịp thời với các lực lượng chức năng phục vụ khu cách ly nhằm khắc phục những tình huống hoặc sự cố xảy ra trong suốt 20 ngày cách ly của đồng bào.

Trong thời gian từ ngày 30/3 đến hết ngày 25/4, toàn thể cán bộ, giảng viên làm việc tại nhà thông qua môi trường mạng để hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn của mình đồng thời, chuẩn bị mọi phương án học bù, làm bù vào tháng hè (tháng 7/2020) và các ngày thứ bảy, chủ nhật sau khi dịch bệnh đã bị đẩy lùi.

Tin tưởng rằng, dưới sự lãnh đạo của các cấp bộ Đảng, chính quyền địa phương cùng sự nỗ lực, đoàn kết với tinh thần yêu nước, tinh thần trách nhiệm cao của toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân, chắc chắn chúng ta sẽ chiến thắng dịch bệnh như đã chiến thắng quân thù cách đây vừa tròn 45 năm./.

ĐỊNH HƯỚNG XÂY DỰNG TRƯỜNG CHÍNH TRỊ LÊ DUẨN ĐẠT TRƯỜNG CHÍNH TRỊ CHUẨN THEO KẾT LUẬN SỐ 479-KL/HVCTQG

TS. DƯƠNG HƯƠNG SƠN
Phó Hiệu trưởng

Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định *“Cán bộ là cái gốc của mọi công việc. Vì vậy, huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng”*. Với truyền thống 75 năm xây dựng và trưởng thành, Trường Chính trị Lê Duẩn đã đào tạo, bồi dưỡng nhiều thế hệ cán bộ của tỉnh, góp phần cùng tỉnh hoàn thành nhiệm vụ được giao. Tuy vậy, trước yêu cầu của tình hình mới, nhiệm vụ mới Trường Chính trị Lê Duẩn nói riêng, trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là trường chính trị tỉnh) nói chung vẫn còn nhiều bất cập, hạn chế. Điều này thể hiện khá rõ nét trong tổng kết 10 năm thực hiện Quyết định 184-QĐ/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa X ngày 03/9/2008 *“về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”*. Nhằm nâng cao vị thế, khẳng định vị trí, vai trò của trường chính trị tỉnh, ngày 13/11/2018, Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XII đã ban hành Quy định số 09-QĐi/TW *“về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”* thay Quyết định số 184-QĐ/TW. Quy định số 09-QĐi/TW đã thay đổi một cách có hệ thống và nhất quán trong việc xác định vị trí, vai trò; quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của trường chính trị tỉnh. Có thể xem Quy định 09-QĐi/TW là cơ sở pháp lý quan trọng để xây dựng trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc

Trung ương đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

Trên cơ sở Quy định 09-QĐi/TW của Ban Bí thư Khóa XII, Quy định số 30 - QĐ/TU, ngày 02/7/2019 của Tỉnh ủy Quảng Trị *“về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn tổ chức bộ máy của Trường Chính trị Lê Duẩn tỉnh Quảng Trị”*, Trường Chính trị Lê Duẩn đã tiến hành kiện toàn bộ máy từ 07 khoa, phòng xuống còn 05 khoa, phòng và sắp xếp bố trí nhân sự các khoa phòng hoàn thành từ 03/9/2019; thay đổi thể thức văn bản (từ thể thức văn bản Nhà nước sang thể thức văn bản của Đảng) và thay đổi con dấu từ trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh sang trực thuộc Tỉnh ủy từ ngày 19/9/2019. Cho đến nay, Nhà trường đã ổn định về tư tưởng, tổ chức bộ máy, nhân sự; hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ các khoa, phòng; xây dựng và hoàn thiện nhiều quy chế, quy định để quản lý và điều hành.

Nhằm triển khai xây dựng Trường Chính trị Lê Duẩn đạt chuẩn (trường chính trị chuẩn) theo Kết luận số 479-KL/HVCTQG ngày 26-9-2019 của đồng chí Bí thư Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội đồng lý luận Trung ương, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh tại Hội thảo khoa học cấp Bộ với chủ đề *“Xây dựng trường chính trị chuẩn đáp ứng yêu cầu đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và nghiên cứu khoa học trong giai đoạn hiện nay”* (sau đây gọi là Kết luận số 479-KL/HVCTQG), trên cơ sở phân tích những nội dung cơ bản các văn bản liên quan trong việc

xây dựng trường chính trị chuẩn, tôi xin có một số đề xuất và kiến nghị như sau:

1. Một số nội dung cơ bản xây dựng trường chính trị chuẩn theo Kết luận số 479-KL/HVCTQG

Trước hết cần xác định rõ vai trò của trường chính trị theo Kết luận số 479, đó là xây dựng *“trường chính trị thực sự là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đồng thời là cơ quan nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn phục vụ giảng dạy, nghiên cứu, hoạch định chủ trương, chính sách và tư vấn phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng hệ thống chính trị của địa phương”* và có thể hiểu theo Kết luận số 479 để thể hiện được vai trò đó, đòi hỏi các trường chính trị phải xây dựng và đạt được:

- Chuẩn hóa chương trình, giáo trình, tài liệu phục vụ đào tạo, bồi dưỡng với các nội dung cơ bản: Chương trình phải đảm bảo tính cơ bản, hệ thống, hiện đại, thực tiễn, phù hợp với các đối tượng đào tạo, bồi dưỡng. Nội dung phải đảm bảo tính khoa học, cập nhật chủ trương đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Chuẩn hóa phương pháp đào tạo, bồi dưỡng: Áp dụng phương pháp giảng dạy tích cực, hiện đại, lấy cả người dạy và người học làm trung tâm. Phải phát huy được tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học. Phải kết hợp hiệu quả giữa lên lớp với quá trình tự học, tự nghiên cứu của học viên. Đồng thời chuẩn hóa quy chế quản lý đào tạo, bồi dưỡng; chuẩn hóa kết quả đào tạo, bồi dưỡng giúp các trường hoàn thành nhiệm vụ được giao, giữ vững kỷ cương, kỷ luật trong mọi hoạt động; xây dựng được môi trường văn hóa công vụ, văn hóa trường Đảng.

- Chuẩn hóa và nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn: Đây không chỉ là nhiệm vụ mà còn là chức năng cơ bản của trường chính trị tỉnh. Nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn không chỉ phục vụ cho

công tác giảng dạy, nâng cao chất lượng dạy học mà còn là trách nhiệm của trường chính trị tỉnh trong việc tư vấn cho cấp ủy, chính quyền địa phương hoạch định các chính sách phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh. Do đó, việc chuẩn hóa và nâng cao chất lượng là trách nhiệm của Nhà trường và mỗi giảng viên.

- Chuẩn hóa và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý và giảng viên: Trước yêu cầu ngày càng cao trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, đòi hỏi chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, đội ngũ giảng viên và viên chức của trường chính trị tỉnh phải không ngừng nâng cao cả về bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức; trình độ chuyên môn nghiệp vụ; năng lực lãnh đạo, quản lý; năng lực thực tiễn và kỹ năng, phương pháp giảng dạy;... do đó việc chuẩn hóa đội ngũ công chức, viên chức Nhà trường qua các giai đoạn là một tất yếu khách quan.

- Chuẩn hóa và hoàn thiện cơ sở vật chất – kỹ thuật, tài chính để đáp ứng yêu cầu phục vụ thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các trường chính trị trong tình hình mới.

2. Định hướng xây dựng Trường Chính trị Lê Duẩn đạt chuẩn qua các giai đoạn

Hiện nay, tuy chưa có quy định của Ban Bí thư Trung ương Đảng về trường chính trị chuẩn, song việc xây dựng đề án phát triển trường chính trị có thể dựa trên cơ sở các văn bản được ban hành để định hướng xây dựng. Đó là Quyết định 705/QĐ-TTg ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ *“Phê duyệt đề án sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc các cơ quan trong hệ thống chính trị đến năm 2030”* (sau đây gọi là Quyết định 705/QĐ-TTg); Quyết định số 587/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 17/5/2019 *“Phê duyệt đề án nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức Học viện Chính trị*

quốc gia Hồ Chí Minh và các trường Chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giai đoạn 2019 – 2030” (sau đây gọi là Quyết định 587/QĐ-TTg); Kết luận số 479-KL/HVCTQG ngày 26-9-2019 của Đồng chí Bí thư Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội đồng lý luận Trung ương, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh tại Hội thảo khoa học cấp Bộ với chủ đề “*Xây dựng trường chính trị chuẩn đáp ứng yêu cầu đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và nghiên cứu khoa học trong giai đoạn hiện nay*”. Trên cơ sở nội dung các quy định, kết luận, Trường Chính trị Lê Duẩn định hướng xây dựng Đề án phát triển đến năm 2030 và cho những năm tiếp theo. Trong đó, các mục tiêu theo các quy định, kết luận phải đạt được qua các giai đoạn là:

2.1. Về tổ chức bộ máy

Phải nhất quán, chủ động và kiên trì thực hiện quan điểm theo Quyết định 705/QĐ-TTg là: “*Kiến toàn tổ chức và hoạt động của trường chính trị tỉnh, thành phố; sáp nhập hoặc chuyển nhiệm vụ của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng khác (nếu có) về trường chính trị tỉnh, thành phố. Thống nhất ở cấp tỉnh chỉ có 01 cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức là trường chính trị*”. Giai đoạn từ năm 2019 đến năm 2025: Trường Chính trị Lê Duẩn phải tổ chức, sắp xếp bộ máy tinh gọn, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức. Đáp ứng nhu cầu đào tạo cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh Quảng Trị.

2.2. Về chất lượng đội ngũ lãnh đạo, quản lý, giảng viên và viên chức phục vụ

* Đẩy mạnh thực hiện cơ chế tự chủ phân đấu đến năm 2025 bảo đảm tự chủ về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự.

- Đội ngũ giảng viên có cơ cấu 4 độ tuổi, bảo đảm sự kế thừa liên lục:

- + Dưới 40 tuổi chiếm 15%;
- + Từ 40 - 50 tuổi chiếm 35 - 40%;

+ Từ 50 - 60 tuổi chiếm 35 - 40%;

+ Trên 60 tuổi chiếm 5 - 10%.

- Đội ngũ cán bộ lãnh đạo: Trong quy trình bổ nhiệm Ban Giám hiệu phải có ý kiến của của Học viện;

* Giai đoạn từ năm 2026 đến năm 2030 và những năm tiếp theo: Nhà trường phải có cơ cấu đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức hợp lý, đáp ứng yêu cầu cải cách chế độ công vụ, công chức.

Trong đó:

Đội ngũ giảng viên

+ Giảng viên chiếm tỷ lệ tối thiểu 75% công chức, viên chức;

+ Tối thiểu 70% trở lên giảng viên được chuẩn hóa, có trình độ chuyên môn phù hợp chức danh, vị trí việc làm, thành thạo phương pháp nghiên cứu khoa học và phương pháp giảng dạy hiện đại;

+ Tối thiểu 50% cán bộ khoa học dưới 40 tuổi sử dụng trực tiếp ngoại ngữ (tiếng Anh) trong nghiên cứu và giảng dạy; đủ giảng viên thành thạo tiếng Lào trực tiếp dịch, tham gia đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học.

+ 70% giảng viên có trình độ thạc sĩ trở lên. Hiệu trưởng có trình độ tiến sĩ; phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn và các trường khoa có trình độ thạc sĩ trở lên.

Đội ngũ lãnh đạo, quản lý

Đến năm 2030, 100% cán bộ lãnh đạo, quản lý được trang bị kiến thức, kỹ năng lãnh đạo, quản lý tiên tiến; có khả năng tổ chức, quản lý, điều hành hiệu quả các hoạt động của Nhà trường, nhất là quản lý hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học.

Đội ngũ viên chức tham mưu, giúp việc

Đến năm 2030, 100% viên chức được đào tạo, bồi dưỡng về kỹ năng, nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm; sử dụng thành thạo các ứng dụng công nghệ thông tin và các phương tiện hiện đại, nâng cao hiệu quả các mặt công tác; có ý thức trách

nhiệm, tinh thần thái độ phục vụ văn minh, hiện đại.

2.3. Về cơ chế tài chính

Đảm bảo thực hiện các chương trình đào tạo, bồi dưỡng; nghiên cứu khoa học; nghiên cứu thực tế tổng kết thực tiễn của Nhà trường. Trong đó:

*Thực hiện cơ chế tự chủ phân đầu đến năm 2025: bảo đảm tự chủ một phần chi thường xuyên.

* Giai đoạn từ năm 2026 đến năm 2030: nâng dần mức tự chủ chi thường xuyên đến năm 2030 đảm bảo tự chủ tối thiểu 50% chi thường xuyên và tiến tới tự chủ hoàn toàn về chi thường xuyên cho những năm tiếp theo.

2.4. Về cơ sở vật chất - kỹ thuật, phương tiện

Diện tích khuôn viên từ 02 ha trở lên, độc lập trong vị trí đảm bảo môi trường giáo dục, văn hóa trường đảng; có hệ thống các khối kiến trúc phục vụ dạy - học; điều hành, tác nghiệp, phối hợp; ăn, ở, sinh hoạt; thể thao, văn nghệ; thông tin, nghiên cứu;.. bao gồm:

a) Phòng làm việc; phòng họp (bao gồm cả họp trực tuyến); phòng học, phòng thảo luận, xêmina; hội trường; thư viện; ký túc xá (học viên trong tỉnh và học viên nước bạn Lào - nếu có); phòng truyền thống; phòng khách (đón tiếp khách đến làm việc và lưu trú); nhà ăn (học viên Việt Nam và học viên nước bạn Lào); nhà để xe (cán bộ, giảng viên và học viên); hệ thống cung cấp điện, nước, thoát nước; các thiết chế sinh hoạt văn hoá như nhà thi đấu đa năng; sân bãi tổ chức các hội thao, rèn luyện sức khỏe (trong nhà và ngoài trời); khuôn viên, cảnh quan;..

b) Hệ thống trang thiết bị, phương tiện: Phục vụ công tác dạy học (máy chiếu, máy tính,.. các công cụ, phương tiện điện tử khác); phục vụ tác nghiệp, điều hành, phối hợp (mạng LAN, trang web; Ipad, máy tính nối mạng internet; nối mạng với cơ quan hữu quan trong phục vụ công tác thông tin, văn thư, lưu trữ;

máy Scan văn bản; hệ thống lưu trữ văn bản, khai thác văn bản được chuyên môn hoá;..); phục vụ nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn (hệ thống thư viện điện tử; đầu sách quy chuẩn - sách tham khảo, sách nghiên cứu, giáo trình, tài liệu, bản tin;..); phục vụ đi lại (phương tiện chuyên dùng phục vụ giảng viên thực tế; phương tiện phục vụ cán bộ lãnh đạo, quản lý thực hiện công tác);...

3. Đề xuất và kiến nghị nhằm xây dựng Trường Chính trị Lê Duẩn đạt chuẩn

Để hoàn thành các mục tiêu mà các đề án của Chính phủ và Kết luận của đồng chí Bí thư Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội đồng lý luận Trung ương, Giám đốc Học viện đặt ra, Nhà trường cần phải:

Một là, đẩy mạnh công tác tư tưởng chính trị. Xác định việc xây dựng Trường Chính trị Lê Duẩn đạt chuẩn là một yêu cầu bức thiết và đòi hỏi phải có sự tham gia đầy trách nhiệm, tích cực của Đảng ủy, Ban Giám hiệu và toàn thể cán bộ, viên chức Nhà trường.

Hai là, tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng Đề án phát triển Trường Chính trị Lê Duẩn từ nay đến năm 2030 và cho những năm tiếp theo. Việc xây dựng Đề án phát triển Nhà trường cần có sự khảo sát cụ thể các nội dung xây dựng; xác định rõ lộ trình để hoàn thành nhiệm vụ cụ thể, đảm bảo tính khả thi, phù hợp với điều kiện của Nhà trường và tình hình địa phương. Trong đó phải chú trọng việc xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý và giảng viên của Nhà trường đáp ứng yêu cầu, tiêu chuẩn. Đồng thời tham mưu xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật đảm bảo để thực hiện nhiệm vụ được giao.

Ba là, chủ động tham mưu đề xuất với Thường vụ Tỉnh ủy về việc tiếp nhận các chương trình, nội dung đào tạo, bồi dưỡng được phân cấp cho trường chính trị; nghiêm túc thực hiện quy chế quản lý đào tạo, bồi dưỡng do cấp có thẩm quyền ban hành. Nghiên cứu và từng bước áp dụng bộ tiêu

chuẩn ISO 9001-2015 vào quá trình quản lý đào tạo, bồi dưỡng.

Bốn là, không ngừng nâng cao chất lượng và đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn. Chú trọng các vấn đề nghiên cứu, tổng kết phải mang tính thời sự, đáp ứng nhu cầu giải quyết các vấn đề thực tiễn đặt ra của địa phương. Chất lọc các kết quả nghiên cứu để tham mưu, tư vấn cho cấp ủy, chính quyền địa phương liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh.

Nhằm tạo điều kiện cho Trường Chính trị Lê Duẩn đạt chuẩn, thực hiện hoàn thành các mục tiêu đề ra, xin có một số kiến nghị, đề xuất như sau:

- Đối với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh cần sớm hoàn thiện việc xây dựng các tiêu chí trường chính trị chuẩn để trình Ban Bí thư phê chuẩn. Tiêu chí trường chính trị chuẩn là cơ sở pháp lý quan trọng để các trường chính trị định hướng, xây dựng và kiện toàn từ tổ chức bộ máy, nguồn nhân lực đến cơ sở vật chất, tài chính trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ.

- Đối với Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Trị, tiếp tục quan tâm và chỉ đạo các cơ quan hữu quan phối hợp với Trường Chính trị Lê Duẩn hoàn thành việc xây dựng Đề án, tổ chức triển khai thực hiện khi Đề án phát triển Nhà trường được thông qua. Tăng cường chỉ đạo đối với sự tham mưu, tư vấn của Nhà trường về các chính sách của Tỉnh; có cơ chế đặt hàng nghiên cứu khoa học, hoặc tham gia tổng kết thực tiễn của Nhà trường trong các vấn đề mà Tỉnh ủy quan tâm.

- Đối với UBND tỉnh Quảng Trị, cần có sự chỉ đạo quyết liệt và nhất quán trong việc thực hiện các Quyết định 587/QĐ-TTg và Quyết định 705/QĐ-TTg. Nhất là quan điểm xây dựng Trường Chính trị Lê Duẩn thành cơ sở đào tạo, bồi dưỡng duy nhất của Tỉnh theo hướng “*tiền gọn, khắc phục tình trạng manh*

mún, phân tán, chồng chéo và trùng lặp, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính và hội nhập quốc tế”. Nghiên cứu, xây dựng các chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện Nhà trường đẩy mạnh các hoạt động thuộc về chức năng, nhiệm vụ của mình. Trong đó, cần giao nhiệm vụ cơ quan chức năng chủ trì hoặc phối hợp với Trường Chính trị Lê Duẩn và các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng trên địa bàn tỉnh rà soát, khảo sát, đánh giá việc thực hiện các chương trình, nội dung, quy trình quản lý đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức để có những biện pháp, đề xuất cụ thể.

- Nhằm tạo điều kiện cho các trường chính trị nói chung thực hiện lộ trình tự chủ về tài chính, Bộ tài chính cần có quy định về khung giá dịch vụ đối với hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức. Nghiên cứu giao dự toán ngân sách theo phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng.

Trên là một số nội dung cơ bản trong xây dựng Trường Chính trị Lê Duẩn đạt chuẩn. Việc xây dựng Nhà trường đạt chuẩn, hoàn thành các mục tiêu trong đề án phát triển Nhà trường là một nhiệm vụ bức thiết và quan trọng nhằm đáp ứng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của hệ thống chính trị trong tình hình mới. Do đó, để xây dựng, hoàn thiện và triển khai có hiệu quả Đề án phát triển Trường Chính trị Lê Duẩn, ngoài nỗ lực của Đảng ủy, Ban Giám hiệu, các tổ chức đoàn thể và toàn thể cán bộ, viên chức của Nhà trường, thì sự quan tâm hơn nữa trong lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và sự phối hợp nhiệt tình, trách nhiệm của các cơ quan hữu quan là quan trọng. Với quyết tâm và tin tưởng vào sự lãnh đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Nhà trường hy vọng sẽ hoàn thành các mục tiêu trong kế hoạch xây dựng và phát triển Nhà trường, xứng đáng với ngôi trường được mang tên Tổng Bí thư Lê Duẩn./.

ĐẢNG BỘ TRƯỜNG CHÍNH TRỊ LÊ DUẨN PHÁT HUY TỐT VAI TRÒ LÃNH ĐẠO CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG NHIỆM KỲ 2015 - 2020

ThS. NGUYỄN QUỐC THANH
Phó Bí thư Đảng ủy

Nhiệm kỳ 2015 - 2020, Đảng bộ Trường Chính trị Lê Duẩn đã thực hiện tốt vai trò lãnh đạo toàn diện trong thực hiện nhiệm vụ chính trị, công tác xây dựng Đảng của Nhà trường. Trong đó, nổi bật nhất là lãnh đạo đơn vị giữ vững bản lĩnh chính trị, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, hoàn thành tốt các mục tiêu, chỉ tiêu và kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học đã đề ra.

Trường Chính trị Lê Duẩn là trung tâm đào tạo cán bộ lãnh đạo, quản lý của hệ thống chính trị cấp cơ sở; cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh về lý luận chính trị - hành chính; đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về công tác xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội và bồi dưỡng kiến thức về pháp luật, quản lý nhà nước và một số lĩnh vực khác do Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh giao. Đồng thời, Nhà trường tham gia tổng kết thực tiễn ở địa phương, cơ sở, tổ chức nghiên cứu khoa học phục vụ giảng dạy, học tập.

Để tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được giao, nhiệm kỳ vừa qua, Đảng bộ Trường Chính trị Lê Duẩn đã phát huy tốt vai trò lãnh đạo của mình. Đảng ủy cùng với Ban Giám hiệu và cấp ủy các chi bộ đã động viên toàn thể cán bộ, giảng viên đảng viên, quần chúng hoàn thành tốt nhiệm vụ của Thường vụ Tỉnh ủy giao. Số lớp thực hiện hàng năm đúng kế hoạch, loại hình lớp đúng với quy định của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Cụ thể, đã mở 48 lớp trung cấp lý luận chính trị - hành chính (LLCT - HC) với 3.280 học viên, 34 lớp bồi dưỡng với 2.602 học viên. Ngoài ra, Nhà trường phối hợp với Học viện Chính trị Khu vực III mở các lớp

cao cấp lý luận chính trị tại Trường. Cán bộ, học viên được đào tạo, bồi dưỡng ở Nhà trường đã đáp ứng được nhu cầu, nâng cao trình độ, kiến thức lý luận chính trị - hành chính và quản lý nhà nước (ngạch chuyên viên và chuyên viên chính) góp phần chuẩn hóa đội ngũ cán bộ của tỉnh.

Đặc biệt, trong nhiệm kỳ Nhà trường đã khắc phục nhiều khó khăn để thực hiện thành công việc đào tạo 05 lớp Trung cấp lý luận chính trị - hành chính cho 235 cán bộ chủ chốt của 2 tỉnh Savannakhet, Salavan của nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào (tổng số lớp từ 2008-2019 là 9 lớp với 415 học viên). Năm 2018, Nhà trường tổ chức tổng kết 10 năm đào tạo cán bộ cho nước bạn Lào. Đây là dịp Nhà trường đánh giá lại những kết quả đã đạt được, đồng thời rút ra những hạn chế cần khắc phục để phục vụ tốt hơn trong thời gian tới. Ghi nhận những nỗ lực và kết quả đạt được trong 10 năm đào tạo cán bộ cho nước bạn Lào, Nhà trường được Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh tặng Bằng khen, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Trị ghi nhận, tặng Bằng khen “*Có thành tích xuất sắc về đào tạo cán bộ cho nước bạn Lào*”, qua đó góp phần thắt chặt tình hữu nghị giữa Quảng Trị và Salavan-Savannakhet nói riêng và hai nước Việt Nam - Lào nói chung.

Thực hiện Quy định số 09-QĐi/TW ngày 13/11/2018 của Ban Bí thư Trung ương Đảng

đi đào tạo, bồi dưỡng. Đến nay, Nhà trường có 1 tiến sỹ; 21 thạc sỹ; 13 giảng viên chính; 01 chuyên viên chính; 12 giảng viên có trình độ Cao cấp chính trị, 1 giảng viên cử nhân chính trị; 02 giảng viên đang học Cao cấp chính trị; 01 giảng viên đang học cao học. Nhiều giảng viên hoàn thành chương trình bồi dưỡng ngạch chuyên viên và chuyên viên chính. Nhà trường cử giảng viên đi tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ đầy đủ theo Quy định của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Cùng với đó, Đảng ủy đã lãnh đạo các đoàn thể hoạt động tích cực và có hiệu quả. Công đoàn đã tích cực chăm lo đời sống vật chất tinh thần cho công đoàn viên, thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị. Đoàn Thanh niên đã có nhiều hoạt động sôi nổi, thiết thực, tham gia tốt các cuộc vận động “*Tuổi trẻ học tập và làm theo lời Bác*”, phong trào thanh niên tình nguyện, hoạt động đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn... Những thành tích nổi bật trên đây tạo tiền đề và động lực để Đảng bộ Nhà trường tiếp tục phát huy, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cho các năm sau, xây dựng Nhà trường không ngừng lớn mạnh về mọi mặt.

Xứng đáng là trung tâm đào tạo cán bộ cho tỉnh nhà, năm 2017 Nhà trường đã vinh dự đón Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng về thăm và nói chuyện với cán bộ, giảng viên và học viên. Đây là niềm vinh dự, tự hào cũng là nguồn cổ vũ, động viên tinh thần rất lớn để cán bộ, giảng viên và học viên nhà trường tiếp tục phấn đấu vươn lên. Nhà trường vinh dự đón GS.TS Nguyễn Xuân Thắng, Bí thư Trung ương Đảng, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Chủ tịch Hội đồng lý luận Trung ương thăm và nói chuyện với cán bộ, giảng viên nhà trường. Năm 2018, đồng chí Nguyễn Văn Hùng - Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh đã có buổi làm việc với Nhà trường và kết luận một số vấn đề về vai trò đào tạo cán bộ, tạo điều kiện cho trường

trong trang bị cơ sở vật chất phục vụ cho việc dạy học tốt hơn.

Bên cạnh những kết quả đạt được, Đảng ủy nhận thấy vẫn còn những hạn chế, khuyết điểm như: chất lượng sinh hoạt ở các chi bộ trực thuộc còn hạn chế, tinh thần đấu tranh tự phê bình và phê bình chưa cao, còn tồn tại tình trạng nể nang hoặc ít tham gia ý kiến trong sinh hoạt chi bộ. Công tác kiểm tra giám sát chưa chủ động, sâu sát; việc tiến hành kiểm tra, giám sát đảng viên ở các chi bộ chưa được tiến hành thường xuyên. Cơ sở vật chất còn gặp nhiều khó khăn nên ảnh hưởng đến các hoạt động của phong trào văn hóa thể thao trong nhà trường.

Trong thời gian tới, để tiếp tục phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng bộ trong thực hiện nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng, Đảng ủy Nhà trường chú trọng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các chi bộ trực thuộc và của đảng bộ; xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên vững mạnh về quản lý và chuyên môn, nghiệp vụ; lãnh đạo nâng cao chất lượng hoạt động của các đoàn thể, khoa, phòng, nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của nhà trường trong giai đoạn mới; chú trọng kết hợp giữa giữ vững nguyên tắc Đảng và linh hoạt về cách thức triển khai, tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương và nhiệm vụ được cấp ủy trên giao. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Những kết quả đó là sự nỗ lực phấn đấu của Đảng bộ, của tập thể lãnh đạo và ý thức trách nhiệm của người đảng viên ở Trường Chính trị vinh dự được mang tên Tổng Bí thư Lê Duẩn kính mến, tin tưởng rằng với sự đoàn kết và quyết tâm cao của toàn thể đảng viên những chỉ tiêu, nhiệm vụ nhiệm kỳ tới được Đại hội Đảng bộ thông qua sẽ trở thành hiện thực, góp phần quan trọng vào sự trưởng thành về mọi mặt của đảng bộ và của Nhà trường.

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TỔ CHỨC HỘI THI GIẢNG VIÊN DẠY GIỎI Ở TRƯỜNG CHÍNH TRỊ LÊ DUẨN

ThS. NGÔ THỊ THU HÀ
Phó Hiệu trưởng

Hội thi giảng viên dạy giỏi là một hoạt động chuyên môn mang tính thường xuyên được tổ chức ở trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Hội thi nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của giảng viên, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế sâu rộng hiện nay. Thông qua hội thi, Nhà trường có dịp khẳng định và tôn vinh những giảng viên dạy giỏi, tạo điều kiện để giảng viên thể hiện năng lực, học tập, trao đổi kinh nghiệm về giảng dạy và tổ chức quản lý lớp học; khai thác sử dụng sáng tạo, hiệu quả phương tiện, đồ dùng dạy học và phương pháp giảng dạy hiện đại. Thông qua hội thi nhằm tạo điều kiện bồi dưỡng những giảng viên này trở thành những “cánh chim đầu đàn” của các khoa và các bộ môn trong chương trình đào tạo, bồi dưỡng của trường chính trị tỉnh. Đồng thời, hội thi là một trong những căn cứ để đánh giá thực trạng chất lượng giảng dạy của đội ngũ giảng viên, từ đó xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho giảng viên.

Trong phạm vi bài viết này, tôi đề cập một số nội dung sau:

Những tiêu chí để được công nhận là giảng viên dạy giỏi

Trước hết, giảng viên dạy giỏi phải là người vững vàng về chuyên môn, giỏi về kiến thức. Theo đó, người giảng viên dạy giỏi phải vững vàng về kiến thức truyền thụ cho học viên, nắm vững được những kiến thức khác có liên quan để truyền tải cả về chiều rộng lẫn chiều sâu. Giảng viên dạy giỏi luôn có sự đào sâu trong tư duy, cập nhật những kiến thức mới, nhất là kiến thức về thực tiễn để luận giải những vấn đề cần trình bày.

Thứ hai, để được công nhận giảng viên dạy giỏi, bên cạnh truyền đạt tri thức đến người học, thì giảng viên phải luôn sáng tạo trong phương pháp giảng dạy. Đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học, giúp học

viên tiếp tục tự học, tự bổ sung, mở rộng và nâng cao kiến thức, rèn luyện về phương pháp tư duy, khả năng vận dụng giải quyết tình huống thực tiễn.

Giảng viên dạy giỏi cũng cần có những kỹ năng cần thiết trong xử lý các tình huống xảy ra trong quá trình giảng dạy. Vì học viên ở trường chính trị là những người lớn tuổi, có trình độ, có kinh nghiệm thực tiễn nên người học luôn đòi hỏi giảng viên phải luận giải những vấn đề mà bài học hay thực tiễn cuộc sống đặt ra.

Thứ ba, một giảng viên dạy giỏi thật sự là người không chỉ truyền đạt kiến thức đối với học viên, mà còn truyền cảm hứng đến người học, giúp học viên có thái độ, động cơ đúng đắn khi thực hiện nhiệm vụ được giao. Vì vậy, để đánh giá giảng viên dạy giỏi cần đánh giá cả hiệu quả giờ giảng và sự hài lòng của người học.

Giảng viên dạy giỏi phải vững vàng về bản lĩnh chính trị, có đạo đức trong sáng, luôn tận tụy với nghề. Một giảng viên dạy giỏi luôn phải hội tụ đầy đủ cả ba yếu tố tâm, trí, đức. Bởi vì tâm đức, trí tuệ, trình độ và cả nhiệt huyết của người thầy luôn để lại dấu ấn đậm nét trong mỗi học viên.

Những kết quả đạt được của Trường Chính trị Lê Duẩn về tổ chức Hội thi giảng viên dạy giỏi cấp trường

Từ năm 2000 đến nay, Đảng ủy, Ban Giám hiệu Trường Chính trị Lê Duẩn đã quan tâm chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện hội thi giảng viên dạy giỏi. Hội thi được các khoa, phòng và đội ngũ giảng viên thực hiện khá nghiêm túc với nhiều hình thức và nội dung phong phú. Chẳng hạn hội thi giảng viên dạy giỏi cấp khoa, hội thi giảng viên dạy giỏi cấp trường theo định kỳ hằng năm.

Đồng thời với việc tổ chức hội thi giảng viên dạy giỏi, Nhà trường còn tiến hành tổ chức phong trào thi đua “Dạy tốt - học tốt” nhân kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam 20 tháng 11, kỷ niệm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5), ngày thành lập Trường Chính trị Lê Duẩn (10/9). Tổ chức những giờ giảng mẫu của giảng viên đã đạt danh hiệu giảng viên dạy giỏi và có kinh nghiệm, kỹ năng để giảng trước hội đồng giảng viên. Nhà trường tiến hành thực hiện “đôi bạn

cùng tiền” giữa giảng viên có kiến thức, kinh nghiệm với giảng viên trẻ.

Với nhiều hình thức tổ chức đa dạng như vậy để nhằm một mục đích xuyên suốt là nâng cao chất lượng giảng dạy của đội ngũ giảng viên đáp ứng nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng ngày càng cao của tỉnh Quảng Trị.

Có thể khẳng định, hội thi giảng viên dạy giỏi ở Trường Chính trị Lê Duẩn cơ bản đã đạt được mục đích, yêu cầu, nội dung. Kết quả đến nay, Nhà trường đã tham gia đầy đủ 06 “Hội thi giảng viên dạy giỏi toàn quốc”, và đã có 09 giảng viên đạt danh hiệu Giảng viên dạy giỏi cấp Học viện. Đặc biệt trong năm 2014, có 01 giảng viên đạt danh hiệu Giảng viên dạy giỏi xuất sắc. Đây là kết quả của quá trình chuẩn bị, rèn luyện, nỗ lực phấn đấu của mỗi giảng viên và trên hết là sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, Ban Giám hiệu và lãnh đạo các khoa phòng có giảng viên tham gia hội thi. Hội thi đã góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy và nghiên cứu khoa học của giảng viên. Nhiều giảng viên đã khẳng định được năng lực giảng dạy và có uy tín cao đối với người học. Vì vậy, trong những năm qua, Trường Chính trị Lê Duẩn đã được Thường vụ Tỉnh ủy, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và lãnh đạo hai tỉnh Savanakheth và Salavan nước bạn Lào tặng nhiều bằng khen về thành tích đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho tỉnh Quảng Trị và hai tỉnh bạn.

Một số hạn chế trong quá trình tổ chức hội thi giảng viên dạy giỏi

Bên cạnh những kết quả đạt được, Hội thi giảng viên dạy giỏi ở Trường Chính trị Lê Duẩn vẫn còn một số hạn chế.

Thứ nhất, một số giảng viên phương pháp giảng dạy còn chưa thực sự phong phú, sự vận dụng và kết hợp các phương pháp giảng dạy tích cực chưa nhuần nhuyễn. Một số giảng viên chỉ sử dụng phương pháp thuyết trình là chủ yếu nên hạn chế đến chất lượng của giờ giảng. Ngoại trừ những giảng viên có kinh nghiệm, phương pháp giảng dạy phù hợp với yêu cầu của công tác đổi mới giảng dạy lý luận chính trị, có sức hấp dẫn, lôi cuốn người học.

Thứ hai, số lượng giảng viên những năm qua có sự biến động lớn. Số giảng viên có kinh nghiệm, kỹ năng giảng dạy lâu năm đã nghỉ hưu khá nhiều (07 giảng viên). Nhà trường tiếp nhận nhiều giảng viên trẻ (10 giảng viên), số giảng viên trẻ được đào tạo chính quy, có kiến thức

về chuyên ngành được phân công giảng dạy. Tuy nhiên, những giảng viên này còn có những hạn chế về phương pháp giảng dạy, còn thiếu một số kỹ năng trong quá trình xử lý các tình huống trên lớp. Thời gian qua, số giảng viên trẻ đã và đang học cao học ở Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Học viện Hành chính quốc gia nhằm đáp ứng tiêu chuẩn của giảng viên theo quy chế của Học viện. Vì vậy, trong 06 lần Học viện tổ chức Hội thi giảng viên dạy giỏi, Nhà trường cử đủ số lượng giảng viên tham gia theo quy định (02 giảng viên) trong Hội thi lần I, Hội thi lần II, Hội thi lần III, ba lần kế tiếp chỉ cử được 01 giảng viên tham gia.

Thứ ba, một số giảng viên có kiến thức và kỹ năng giảng dạy nhưng e ngại trong việc tham gia Hội thi giảng viên dạy giỏi vì nhiều nguyên nhân khác nhau.

Thứ tư, Nhà trường vẫn chưa có quy định cụ thể, chặt chẽ đối với giảng viên tham gia hội thi giảng viên dạy giỏi, chưa gắn trách nhiệm, nghĩa vụ với quyền lợi mà chỉ đang dừng lại ở động viên. Mặc dù Nhà trường đã động viên, hỗ trợ về tinh thần và vật chất đối với giảng viên khi tham gia dự thi và những giảng viên đạt kết quả cao, nhưng chưa đủ sức thuyết phục và tạo nên sức hút đối với giảng viên.

Một số giải pháp cơ bản để nâng cao chất lượng hội thi giảng viên dạy giỏi ở Trường Chính trị Lê Duẩn

Một là, các khoa, phòng và giảng viên cần quán triệt và thực hiện theo sự chỉ đạo của Hiệu trưởng về kế hoạch tổ chức “Hội thi giảng viên dạy giỏi cấp trường năm 2020” theo kế hoạch và quy chế của Học viện đã quy định.

Các khoa tổ chức triển khai hội thi giảng viên dạy giỏi cấp khoa đối với giảng viên cơ hữu và giảng viên kiêm nhiệm để bồi dưỡng và lựa chọn những giảng viên tham dự hội thi giảng viên dạy giỏi cấp trường. Mỗi khoa có ít nhất 02 giảng viên tham gia.

Các khoa và Phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học phối hợp chặt chẽ để tạo điều kiện về thời gian và các yếu tố khác nhằm tạo thuận lợi nhất cho giảng viên rèn luyện và tham gia Hội thi.

Ban Tổ chức Hội thi, Ban Giám khảo và các bộ phận liên quan thực hiện các nhiệm vụ đã được Hiệu trưởng phân công.

Hai là, đội ngũ giảng viên nhà trường cần nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của hội thi giảng viên dạy

giỏi. Trên cơ sở đó, mỗi giảng viên xây dựng động cơ đúng đắn và hành động thiết thực phù hợp. Mỗi giảng viên phải nhận thức được tham dự hội thi giảng viên dạy giỏi là nhu cầu tự thân của mỗi người. Khi giảng viên tham gia hội thi sẽ là dịp để được rèn luyện về kiến thức chuyên môn, kỹ năng, phương pháp sư phạm và khả năng xử lý các tình huống trên lớp, đồng thời là dịp để đồng nghiệp góp ý thẳng thắn, khách quan những mặt được và chưa được của mình trong quá trình đứng lớp.

Hội thi giảng viên dạy giỏi toàn quốc là hoạt động quan trọng được tổ chức ba năm một lần. Vì vậy, được tham gia hội thi và phần đầu đạt kết quả cao là vinh dự cũng là trách nhiệm của giảng viên đối với nghề nghiệp của mình và Nhà trường.

Ba là, mỗi giảng viên có kế hoạch cụ thể để tự rèn luyện nâng cao tay nghề của mình với nhiều hình thức khác nhau. Giảng viên muốn giảng sâu một bài thì phải nghiên cứu kỹ giáo trình của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Đây là cơ sở pháp lý để bài giảng đảm bảo tính khoa học, tính Đảng. Tuy nhiên, giáo trình là khung sườn để trên cơ sở đó giảng viên phân tích, luận giải các luận điểm, luận chứng một cách khách quan, khoa học. Nhằm thuyết phục người học, giảng viên còn phải tự nghiên cứu các tác phẩm kinh điển để luận giải sâu hơn những vấn đề đã đặt ra, nghiên cứu Tạp chí Cộng sản, Báo Nhân dân, Tạp chí Xây dựng Đảng và những tạp chí chính thống khác để có những tư liệu phong phú bổ sung làm cho bài giảng sinh động hơn. Bên cạnh tri thức thì kỹ năng rất quan trọng để giảng viên trở thành giảng viên dạy giỏi hay không. Vì vậy, mỗi giảng viên phải luôn tập luyện với những hình thức như tập một mình, tập trước nhóm nhỏ, tập mô phỏng... để tự mình nhận thấy những ưu điểm để phát huy, những hạn chế để khắc phục dần.

Bốn là, tiếp tục thực hiện và phát huy “đôi bạn cùng tiến” với những hình thức cụ thể và thiết thực hơn. Thời gian qua, việc thực hiện “đôi bạn cùng tiến” đã đạt được những kết quả bước đầu. Khi giảng viên có kinh nghiệm và kỹ năng trong nghiên cứu, giảng dạy kèm cặp, giúp đỡ những giảng viên phù hợp theo chuyên ngành. Như vậy, sẽ có sự giúp đỡ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình giảng dạy cả về nội dung và phương pháp lên lớp.

Năm là, thực hiện nghiêm túc việc đi nghiên cứu thực tế của giảng viên với nhiều hình thức khác nhau. Hiện nay, một số ít giảng viên nắm chắc lý luận nhưng thiếu kiến thức thực tiễn nên một số bài giảng, giờ giảng nặng về lý thuyết và nghèo nàn thực tiễn dẫn đến sự khô khan, không hấp dẫn người học. Vì vậy, Nhà trường sẽ tổ chức cho giảng viên đi thực tế với nhiều hình thức, như đi thực tế theo kế hoạch của các khoa mỗi năm hai địa điểm ở các địa phương cơ sở, các doanh nghiệp, các sở, ban, ngành. Giảng viên đi thực tế cùng học viên các lớp theo kế hoạch được quy định trong chương trình trung cấp lý luận chính trị - hành chính 05 ngày, đi thực tế theo chuyên đề của cá nhân giảng viên từ 10-15 ngày/năm. Bên cạnh đó, kết hợp đi thực tế khi được cử đi tập huấn, đi tham quan nghiên cứu ở nước ngoài theo phương châm xã hội hóa là chủ yếu. Với nhiều hình thức, cách thức đi thực tế như vậy, giảng viên sẽ thu nhận được nhiều kiến thức thực tế, mặt khác tiếp xúc với nhiều kênh khác nhau sẽ góp phần rèn luyện kỹ năng giao tiếp của giảng viên.


Sáu là, Nhà trường có quy định cụ thể, gắn trách nhiệm với quyền lợi đối với giảng viên khi tham gia hội thi giảng viên dạy giỏi và đạt kết quả. Những giảng viên đã tham gia “Hội thi giảng viên dạy giỏi toàn quốc” vẫn có trách nhiệm và nghĩa vụ tham gia những kỳ thi tiếp theo. Mặt khác, tiếp tục động viên, khen thưởng kịp thời những giảng viên đạt danh hiệu trong “Hội thi giảng viên dạy giỏi cấp trường” và “Hội thi giảng viên dạy giỏi toàn quốc” bằng những chính sách cụ thể như đánh giá thi đua khen thưởng cuối năm, ưu tiên đưa vào diện quy hoạch lãnh đạo chủ chốt của Trường khi đủ các tiêu chuẩn.

Hội thi giảng viên dạy giỏi có vị trí, vai trò rất quan trọng đối với công tác giảng dạy ở các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Chính vì thế, đổi mới và hoàn thiện tổ chức Hội thi giảng viên dạy giỏi luôn được Đảng ủy, Ban Giám hiệu Trường Chính trị Lê Duẩn quan tâm, chỉ đạo tổ chức thực hiện theo đúng quy định. Hội thi giảng viên dạy giỏi tiếp tục sẽ là một kênh quan trọng nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của tỉnh Quảng Trị và góp phần xây dựng trường chính trị đạt chuẩn trong thời gian tới./.

TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG ĐỂ TRIỂN KHAI CÓ HIỆU QUẢ NGHỊ QUYẾT 35 - NQ/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ KHÓA XII Ở TRƯỜNG CHÍNH TRỊ LÊ DUẨN

ThS. TRẦN HOÀNG

Trưởng Khoa Lý luận cơ sở

uộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ, cùng với sự phát triển của mạng Internet và các trang mạng xã hội. Đây là những yếu tố góp phần làm thay đổi phương thức giao tiếp; là phương tiện giúp mọi người trao đổi thông tin một cách nhanh chóng, thuận tiện. Lợi dụng vào đó, các thế lực thù địch, phản động đã có những phương thức, thủ đoạn mới lan truyền những thông tin xấu, bịa đặt để chống phá Đảng, Nhà nước ta bằng việc tấn công, xuyên tạc nền tảng tư tưởng là chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; đường lối chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước. Ở một phương diện khác, chúng tập trung khoét sâu những hạn chế, tiêu cực, khuyết điểm trong quản lý kinh tế - xã hội nhất là vấn đề về tôn giáo, dân tộc, đất đai, môi trường, phân hóa giàu nghèo, những biểu hiện suy thoái của một bộ phận cán bộ, đảng viên.v.v. nhằm gây rối, kích động và tạo ra sự bất ổn của xã hội. Trong lúc đó, *“Việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch cũng còn những hạn chế, bất cập, chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới”*. Trước tình hình đó, cùng với yêu cầu tăng cường công tác tư tưởng, Bộ Chính trị khóa XII đã ban hành Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 về *“Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới”* là hết sức cần thiết.

Để tăng cường công tác tư tưởng, đấu tranh có hiệu quả với những quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới, trước hết chúng ta cần nhận diện đúng những thủ đoạn, âm mưu của các thế lực để định hướng tốt công tác tư tưởng hiện nay. Cụ thể:

Trước hết, công tác tư tưởng cần tập trung đấu tranh phản bác các luận điệu phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lênin. Biểu hiện cụ thể là các thế lực chống phá rất tinh vi với nhiều chiêu thức khác nhau để phủ nhận tính khoa học, cách mạng, nhân văn và các giá trị cốt lõi của chủ nghĩa Mác - Lênin. Chúng tập trung tấn công vào những luận điểm cơ bản của ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác-Lênin như: lý luận hình thái kinh tế - xã hội, học thuyết giá trị thặng dư, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân... Ở một góc độ khác, tuy không còn là vấn đề mới, nhưng các thế lực thù địch vẫn luôn vin vào sự sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên Xô và Đông Âu những năm 90 của thế kỷ trước để rêu rao và cho rằng, lý luận về chủ nghĩa xã hội là sai lầm, không có sức sống; chủ nghĩa tư bản mới là đỉnh cao của sự phát triển và là xã hội tồn tại vĩnh hằng của nhân loại.

Hai là, chúng tìm đủ mọi thủ đoạn tấn công vào tư tưởng Hồ Chí Minh theo hai thái cực: Hoặc là tìm cách hạ thấp, phủ nhận những giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh; hoặc ngược lại, chúng ra sức đề cao, tuyệt đối hóa, làm cho tư tưởng Hồ Chí Minh trở nên *“cao siêu, thần thánh”* xa lạ đến mức không thể có thực trong cuộc sống.

Ba là, công tác tư tưởng cần nhận diện để vạch trần các luận điệu chống phá quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước, bôi nhọ, hạ thấp uy tín các lãnh đạo cao cấp của Đảng và Nhà nước. Cần phải nhận thức đúng mức tầm quan trọng của công tác tư tưởng là truyền bá, giáo dục, phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, qua đó định hướng nhận thức, xây dựng niềm tin về thế giới quan khoa học, giá trị đạo đức

đúng đắn, góp phần tạo sự thống nhất cao trong toàn Đảng, sự đồng thuận trong nhân dân, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy tính chủ động sáng tạo của các tầng lớp nhân dân để thực hiện thắng lợi mục tiêu *“dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”*.

Trong bối cảnh hiện nay, tình hình thế giới đang thay đổi nhanh chóng, phức tạp và khó lường. Thực tế đó mang lại nhiều thời cơ, vận hội lớn cho đất nước, nhưng cũng đan xen lẫn thách thức phức tạp. Nhiều vấn đề mới trong nhiệm vụ giữ vững độc lập chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bảo đảm môi trường hoà bình và ổn định, tận dụng cơ hội, vượt qua thách thức, đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững, đổi mới hiệu quả với những mối đe dọa an ninh phi truyền thống.v.v. đang đặt ra. Điều đó đòi hỏi công tác tư tưởng phải theo kịp yêu cầu của thực tiễn, phải chủ động tuyên truyền vận động để cán bộ, đảng viên và nhân dân tin tưởng vào chủ trương, đường lối lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước. Mặt khác, cần nhận thức đúng và tỉnh táo trước những thông tin sai trái, xuyên tạc, kích động trên mạng xã hội; kiên quyết đấu tranh phản bác các thông tin sai trái. Đồng thời phải thường xuyên làm tốt công tác thông tin để cung cấp nguồn tin chính thống, đầy đủ, chính xác, đúng định hướng của Đảng và Nhà nước. Thực tiễn qua gần 35 năm đổi mới, đất nước ta đã đạt được nhiều thành tựu to lớn trên các mặt: đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện, khối đại đoàn kết toàn dân tộc không ngừng được củng cố, chính trị, xã hội ổn định, quốc phòng an ninh được giữ vững, vị thế và uy tín của đất nước ngày càng được nâng cao trên trường quốc tế. Như Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng đã khẳng định *“Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực và vị thế như ngày nay”*. Điều đó khẳng định rằng công tác tư tưởng của Đảng ta là đúng đắn nên đã tạo được sự đoàn kết, đồng thuận của cả dân tộc, thống nhất thực hiện thắng lợi đường lối đổi mới và hội nhập quốc tế do Đảng lãnh đạo. Thực tiễn đó chứng minh một chân lý: *“Ở Việt Nam, không có một lực lượng chính trị nào khác, ngoài Đảng Cộng sản Việt Nam*

có đủ bản lĩnh, trí tuệ, kinh nghiệm, uy tín và khả năng lãnh đạo đất nước vượt qua mọi khó khăn, thử thách, đưa sự nghiệp cách mạng của dân tộc ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác”.

Trường Chính trị Lê Duẩn - Trung tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của tỉnh Quảng Trị. Với tính đặc thù của môi trường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nên Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường luôn chăm lo công tác xây dựng Đảng và công tác giáo dục chính trị, tư tưởng. Trong hoạt động giảng dạy, công tác giáo dục chính trị, tư tưởng luôn được đội ngũ giảng viên quán triệt và truyền thụ nghiêm túc đến học viên. Đặc biệt, từ khi có Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị khóa XII, Kế hoạch số 133-KH/TU ngày 20-6-2019 của Tỉnh ủy Quảng Trị và Hướng dẫn số 475-HD/HVCTQG-TCT ngày 24-9-2019 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về Triển khai thực hiện Nghị quyết số 35-NQ/TW *“về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới”*, Hiệu trưởng Trường Chính trị Lê Duẩn đã có Kế hoạch số 16 - KH/TCTLD ngày 16 tháng 01 năm 2020 *“về tiếp tục triển khai thực hiện Hướng dẫn số 475-HD/HVCTQG ngày 24/9/2019 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh”*. Theo đó, Nghị quyết 35-NQ/TW của Bộ Chính trị được quán triệt vào nội dung chương trình giảng dạy; kết hợp giảng dạy lý luận với tuyên truyền các nhiệm vụ, giải pháp để bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; tổ chức Tọa đàm khoa học; viết bài đăng ở Bản tin Thông tin lý luận và thực tiễn và trang web của Nhà trường. Ngoài ra, Đảng ủy đã chỉ đạo các chi bộ trực thuộc, các đoàn thể định kỳ sinh hoạt đưa nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái thù địch vào nội dung các buổi sinh hoạt.

Để tiếp tục thực hiện tốt công tác tư tưởng và triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 35-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa XII ở Đảng bộ Trường Chính trị Lê Duẩn, Đảng ủy cần tập trung lãnh đạo công tác tư tưởng trên các mặt sau:

Thứ nhất, cần xác định tầm quan trọng và vai trò của công tác chính trị tư tưởng là nhiệm vụ hàng đầu của các cấp ủy Đảng, nhất là các chi bộ trực thuộc. Tăng cường quản lý cán bộ, đảng viên cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức; nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, trước hết là bí thư cấp ủy, người đứng đầu cơ quan, đơn vị về công tác tư tưởng. Duy trì thường xuyên, có chất lượng chế độ thông tin trong các buổi sinh hoạt chi bộ để làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng, quán triệt đầy đủ, kịp thời những nghị quyết, quy định, chủ trương của Đảng, Nhà nước và của các cấp.

Thứ hai, Đảng ủy cần tiếp tục đổi mới công tác giáo dục chính trị tư tưởng theo hướng nâng cao tính chiến đấu, giáo dục, thuyết phục, chất lượng và hiệu quả. Tăng cường đối thoại và kịp thời giải quyết những khác biệt, chưa thống nhất trong Đảng bộ, trong Nhà trường trên cơ sở thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở. Thực hiện nghiêm túc các quy chế của Học viện, của Nhà trường; kết hợp tốt công tác chính trị tư tưởng với công tác cán bộ và thi đua, khen thưởng. Kịp thời động viên, khen thưởng những gương “*người tốt, việc tốt*”, đồng thời cũng nghiêm túc với những biểu hiện lệch lạc, thiếu tinh thần xây dựng theo phương châm “*xây*” đi đôi với “*chống*”.

Thứ ba, thực hiện tốt trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên mà trước hết là người đứng đầu trong Đảng ủy, Ban Giám hiệu, các chi bộ trực thuộc, các khoa, phòng. Thực hiện xây dựng môi trường văn hóa và hướng đến “*Xây dựng trường chính trị chuẩn đáp ứng yêu cầu đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và nghiên cứu khoa học giai đoạn hiện nay*”. Giáo dục và khơi dậy lòng tự hào của mỗi cán bộ, đảng viên đang công tác trong mái trường cách mạng có bề dày truyền thống 75 năm xây dựng, trường thành và vinh dự được mang tên Tổng Bí thư Lê Duẩn với phương châm “*Mỗi giảng viên là một tấm gương đạo đức, mỗi học viên là một tấm gương tự học và sáng tạo*”.

Thứ tư, tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 16-KH/TCTLĐ ngày 16 tháng 01 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Chính trị Lê Duẩn về tiếp tục

triển khai thực hiện Hướng dẫn số 475-HD/HVCTQG ngày 24/9/2019 của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Kế hoạch số 133-KH/TU ngày 20-6-2019 của Tỉnh ủy Quảng Trị về Triển khai thực hiện Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22-10-2018 của Bộ Chính trị “*về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới*”. đồng thời phải xây dựng Đảng bộ Nhà trường thực sự là chuẩn mực trong thực hiện công tác tư tưởng để một mặt thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của Nhà trường; mặt khác là tấm gương, khuôn mẫu về công tác tư tưởng trong thực tiễn để học viên học tập và thực hành.

Năm 2020 là năm có nhiều sự kiện trọng đại, chào mừng Đại hội Đảng các cấp, thi đua hướng đến kỷ niệm 75 năm thành lập Trường Chính trị Lê Duẩn. Để xây dựng Nhà trường thực sự xứng đáng là mái trường cách mạng - trung tâm đào tạo cán bộ của tỉnh Quảng Trị và để thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 35-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa XII, đòi hỏi mỗi cán bộ, đảng viên của Nhà trường phải thường xuyên tự giác học tập, tu dưỡng, rèn luyện nâng cao hơn nữa trình độ, trí tuệ, năng lực thực tiễn, phẩm chất đạo đức và bản lĩnh chính trị vững vàng, đủ sức tự đề kháng trước những quan điểm sai trái; Đồng thời đấu tranh chống lại mọi hoạt động chống phá của các thế lực, phê phán những tư tưởng lệch lạc, bảo vệ cái đúng, lên án cái sai, định hướng nhận thức trước những vấn đề phức tạp, thông tin đa chiều và tiêu cực. Trong đó, phải nêu cao tinh thần trách nhiệm, nghiêm túc học tập, quán triệt nghị quyết của Đảng để vừa nâng cao nhận thức chính trị, vừa đảm bảo thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền, chuyển tải chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước thông qua bài giảng của mình đến với học viên để có sức lan tỏa đến toàn xã hội. Đó là phương thức thực hiện tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng của người giảng viên trường chính trị, góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới hiện nay./.

ĐẤU TRANH PHẢN BÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH, TĂNG CƯỜNG BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG TRONG TÌNH HÌNH MỚI

Đại tá MAI TRÍ

Bộ đội Biên phòng Thừa Thiên Huế

Đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch chống phá Đảng Cộng sản Việt Nam, chống phá chế độ Xã hội chủ nghĩa ở nước ta (sau đây gọi tắt là chống phá) là một phương thức đấu tranh trong điều kiện mới; là một nhiệm vụ, hệ trọng, cấp thiết để bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng, tác giả bài viết xin đề cập một số nội dung sau đây.

*NHẬN DIỆN QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, PHƯƠNG THỨC CHỐNG PHÁ

Trước hết chúng ta phải nắm và phân biệt rõ 2 cấp độ cơ bản để có đối sách đấu tranh, phản bác, đó là quan điểm sai trái và quan điểm thù địch. Quan điểm sai trái có thể do nguyên nhân hạn chế về trình độ nhận thức của chủ thể, do đó có lúc, có nơi chủ thể của các quan điểm đó không hoàn toàn là những kẻ thù địch; còn quan điểm thù địch thì trước hết chủ thể là những kẻ đối lập về lập trường, về ý thức hệ, về lợi ích giai cấp, lợi ích quốc gia, dân tộc. Từ nhận thức đó để chúng ta xác định đối sách đấu tranh phù hợp với từng loại đối tượng.

Về mục tiêu chống phá hiện nay

Thứ nhất, chúng phủ định, hoặc bôi nhọ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng của Đảng ta. Chúng tuyên truyền rằng, hiện nay Liên Xô đã tan rã, phe Chủ nghĩa xã hội (CNXH) đã sụp đổ, theo đó chủ nghĩa Mác - Lênin đã lạc hậu, đã chết.

Thứ hai, chúng tập trung tấn công tư tưởng Hồ Chí Minh trên cả 2 mặt, một mặt phủ nhận hoàn toàn tư tưởng Hồ Chí Minh, cho rằng Hồ Chí Minh không có tư tưởng gì để lại; mặt khác lại đề cao tư tưởng Hồ Chí Minh, tách tư tưởng Hồ Chí Minh ra khỏi chủ nghĩa Mác - Lênin, cho rằng chủ nghĩa Mác - Lênin không

phù hợp với Việt Nam, mà chỉ có tư tưởng Hồ Chí Minh mới có khả năng dẫn dắt con đường cách mạng Việt Nam. Như vậy, cả hai nội dung này đều là sai trái và phản động, bởi vì lịch sử đã chứng minh tư tưởng Hồ Chí Minh là sự vận dụng đúng đắn, sáng tạo, linh hoạt và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện lịch sử cụ thể của cách mạng Việt Nam nên đã đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Thứ ba, chống phá quan điểm, chủ trương, đường lối, chỉ thị, nghị quyết của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước trên tất cả các lĩnh vực. Phủ nhận những thành tựu to lớn do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo. Trong đó, tập trung vào một số việc là đòi tam quyền phân lập, đòi phi chính trị hóa quân đội, phủ nhận kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tấn công vào nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, đòi thực hành theo kiểu dân chủ tư sản.v.v.

Về phương thức chống phá, chủ yếu sử dụng không gian mạng, chúng lập ra hàng trăm trang Web, các blog (phần lớn các máy chủ đặt ở nước ngoài), thu thập những thông tin tiêu cực có thật về những mặt trái đang diễn ra, hay những ý kiến quan điểm sai lệch, những khuyết điểm, vi phạm có thật của một số cán bộ, đảng viên sa sút phẩm chất, thoái

hóa ở các cấp mà ta đã hoặc đang xét xử và đưa tin công khai trên báo chí; thu thập qua các tài liệu, văn bản, qua hội nghị, hội thảo để tuyên truyền bịa đặt, nhào nặn, trộn lẫn thông tin tốt - xấu, thật - giả. Thông qua các dịch vụ hội thoại (chát), nhật ký điện tử (game), mạng xã hội (Facebook, Twitter), thư điện tử (Email), trao đổi trực tuyến, diễn đàn (Forum). Hoặc thông qua các kênh hội thoại trực tuyến, các phần tử phản động đã lợi dụng để truyền bá các tư tưởng phản động, xúi giục, kích động thanh, thiếu niên, học sinh, sinh viên tán phát tài liệu tới cộng đồng .v.v, qua đó các thế lực thù địch, cơ hội chính trị truyền bá, gieo rắc những quan điểm, thông tin sai trái, thù địch, đối lập, đưa ra những bình luận thâm độc, vu cáo, kêu gọi những phần tử bất mãn phụ họa, tiếp tay chống phá ta, làm cho cán bộ, đảng viên, nhân dân và lực lượng vũ trang (LLVT) phai nhạt niềm tin, lý tưởng cộng sản, mơ hồ, cả tin, mất cảnh giác, dẫn đến chệch hướng, đối lập trong Đảng, Nhà nước, trong LLVT, đi đến đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập... nhằm đạt được mục tiêu cuối cùng của chúng là lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa, đòi xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản, đưa Việt Nam đi theo quỹ đạo của chủ nghĩa tư bản.

Về thủ đoạn chống phá, tuyên truyền các nội dung dối trá, lừa bịp; thổi phồng, bóp méo, xuyên tạc những khuyết điểm vốn có của Đảng; lợi dụng những sơ hở trong quản lý, điều hành triển khai thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng; hoặc sưu tầm, tận dụng triệt để cái gọi là “những phát ngôn ấn tượng” của cán bộ các cấp, xem đó như là những “luận điểm”, “chứng cứ” để chứng minh cho cái gọi là đúng đắn của những quan điểm mà chúng đang xuyên tạc, chống phá, bịa đặt, bôi nhọ Đảng, Nhà nước và cá nhân các đồng chí lãnh đạo; phá hoại niềm tin của quần chúng nhân dân đối với Đảng, Nhà nước ta theo kiểu “mưa dầm thấm lâu”, dần dần sẽ tác động đến tâm

lý, dư luận xã hội, đến con người theo chiều hướng của các quan điểm sai trái, thù địch mà kích động đấu tranh đòi lật đổ Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đặc biệt, chúng tranh thủ khai thác triệt để những thời điểm có các sự kiện chính trị quan trọng, nhạy cảm (Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2020 - 2025 sắp diễn ra, Bầu cử Quốc Hội, Hội đồng nhân dân các cấp 2021 - 2026; khi Đảng ta tổ chức lấy ý kiến Nhân dân; khi chúng ta xử lý một số cán bộ tham ô, tham nhũng, suy thoái, vi phạm, xét xử một số vụ án có oan, sai...) chúng tập trung xuyên tạc, tuyên truyền các quan điểm sai trái, thù địch, tạo sự phân tâm, dao động, mất niềm tin với Đảng, thiếu đồng thuận trong xã hội.

***VỀ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU ĐẤU TRANH, PHẢN BÁC**

Về nhiệm vụ, Đảng ta xác định: Đấu tranh, phản bác quan điểm sai trái, thù địch là nhiệm vụ cấp thiết hiện nay để Bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng, củng cố và tăng cường niềm tin khoa học vào chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; giữ vững sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận xã hội và niềm tin của nhân dân vào Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn và hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động trong tình hình mới; góp phần xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, phát triển, thịnh vượng, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Về giải pháp đấu tranh, phản bác

Thứ nhất, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch hiện nay phải kết hợp chặt chẽ giữa “xây” và “chống”, lấy “xây” là chính. Nhưng để “xây” tốt phải đổi mới nội

dung, hình thức, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác giáo dục, tuyên truyền về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhất là giáo dục thế hệ trẻ nhằm nâng cao sức đề kháng, khả năng chủ động đấu tranh chống các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng; biết khai thác, sử dụng Internet một cách thiết thực và lành mạnh.

Thứ hai, phát huy vai trò của các cơ quan Báo chí, xuất bản, truyền thông trong *đấu tranh phản bác* qua việc chủ động định hướng, kịp thời cung cấp đầy đủ thông tin chính thống trên các phương tiện thông tin đại chúng; vận dụng tổng hợp các hình thức tuyên truyền, giáo dục, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền miệng, tuyên truyền trên Internet, các mạng xã hội và các kênh truyền thông khác, để đấu tranh phản bác có hiệu quả các quan điểm sai trái, thù địch. Tăng cường khả năng “tự đề kháng”, “tự miễn dịch” trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta.

Thứ ba, tiếp tục làm rõ cơ sở lý luận, thực tiễn, hoàn thiện hệ thống lý luận về CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta trong điều kiện mới. Tiếp tục khẳng định và cụ thể hóa những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các giá trị bền vững, phù hợp với thực tiễn của Việt Nam.

Thứ tư, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị tham gia đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quản lý và sử dụng Internet, mạng xã hội. Kiên toàn lực lượng chuyên trách đủ mạnh để đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Phát huy tốt vai trò của các lực lượng tác chiến không gian mạng, an ninh mạng để phòng ngừa, nhận diện, phát hiện, ngăn chặn.

Thứ năm, trong “*chống*”, chúng ta phải chống triệt để, không thỏa hiệp, hữu khuynh.

Muốn “*chống*” có hiệu quả phải chủ động, kịp thời, nhanh nhạy, tích cực, thường xuyên, liên tục. Trong đó phải kiên quyết đấu tranh, xử lý đối với các nhà mạng, cơ quan chủ quản báo chí, trang thông tin điện tử... và các cá nhân lưu trữ, cung cấp, đăng tải, phát tán thông tin giả mạo, sai sự thật, xuyên tạc, vu khống, nói xấu, kích động, chống phá trên Internet, mạng xã hội.

Thứ sáu, chủ động tăng cường thông tin tích cực đi đôi với ngăn chặn có hiệu quả xử lý thông tin xấu độc trên Internet, mạng xã hội. Tăng cường và làm tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ; Siết chặt kỷ cương, kỷ luật trong Đảng, pháp luật Nhà nước. Mọi cán bộ, đảng viên, công dân phải chấp hành nghiêm kỷ luật phát ngôn dưới mọi hình thức.


Mặt khác, cũng cần nghiên cứu một cách có hệ thống những luận điểm sai trái, thù địch để xác định nội dung, biện pháp, đối tượng đấu tranh, bác bỏ có cơ sở lý luận, thực tiễn, có tính thuyết phục cao. Tăng cường đấu tranh trực diện với từng loại đối tượng. Kiên quyết xử lý kịp thời, nghiêm minh những tổ chức và cá nhân vi phạm đưa tin sai sự thật, xấu độc trên Internet, mạng xã hội. Cụ thể:

Đối với các thế lực thù địch, phản động và số chống đối ở trong nước phải kiên quyết, trừng trị; đối với những phần tử lệch lạc, cơ hội chính trị trong nước chúng ta phải tăng cường đối thoại, gặp gỡ, giáo dục, thuyết phục để giúp họ điều chỉnh, sửa chữa hành vi sai trái; nhưng nếu vẫn cố tình vi phạm phải có những biện pháp xử lý kiên quyết.

Đối với những người không cố tình chống đối, nhưng do trình độ hạn chế, bị kích động, bị lợi dụng, mua chuộc cần gặp gỡ làm tốt công tác tư tưởng, trao đổi, tranh luận để uốn nắn họ; tuyệt đối không đẩy họ trở thành lực lượng đối lập, để các thế lực thù địch lôi kéo./.

VẬN DỤNG SÁNG TẠO TƯ TƯỞNG CỦA LÊNIN VỀ ĐẢNG CẨM QUYỀN VÀO CÔNG CUỘC XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ MỚI

ThS. NGUYỄN THỊ HỒNG SÂM
Trưởng Phòng QLĐT & NCKH

 ể tục sự nghiệp của C. Mác-Ph.Ăngghen, các nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học, Lênin không chỉ vận dụng sáng tạo học thuyết của các ông vào hoàn cảnh cụ thể của nước Nga, thực hiện thắng lợi cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười vĩ đại, mà còn bảo vệ và phát triển xuất sắc toàn diện lý luận đó trong điều kiện mới, góp phần làm giàu kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác- Lênin. Tư tưởng của Lênin về đảng kiểu mới và xây dựng đảng cộng sản cầm quyền chính là sự bảo vệ và phát triển sáng tạo, độc đáo học thuyết Mác về Đảng cách mạng trong điều kiện nước Nga những năm đầu của thế kỷ XX.

Là lãnh tụ của giai cấp công nhân quốc tế, được hội đủ những phẩm chất thông thái của một nhà khoa học vĩ đại và tầm nhìn chiến lược của nhà cách mạng thiên tài, từ khi bước vào hoạt động cách mạng, năm 1894, Lênin đã sớm nhận ra yêu cầu của cách mạng Nga cần sớm xây dựng một đảng mác xít cách mạng “*phải tổ chức một đảng công nhân xã hội chủ nghĩa*”^[1].

Năm 1890, sau khi mãn hạn tù đầy, Lênin đã bắt tay ngay vào việc soạn thảo những nguyên tắc về cơ cấu tổ chức và vạch ra cương lĩnh, sách lược của đảng công nhân xã hội chủ nghĩa.

Trong một loạt tác phẩm “Làm gì?”, “Một bước tiến, hai bước lùi”, “Hai sách lược của Đảng dân chủ - xã hội trong cách mạng dân chủ”, Lênin, một mặt, đã tỏ rõ thái độ không khoan nhượng trước “Chủ nghĩa kinh tế”, một biến dạng của chủ nghĩa cơ hội quốc

tế ở Nga và chủ nghĩa xét lại đủ mọi màu sắc để bảo vệ chủ nghĩa Mác; mặt khác, đã luận chứng về vai trò “Không thể có một lý luận nào ngoài chủ nghĩa Mác cả” đối với đảng cách mạng và đối với phong trào cách mạng. Lênin viết “*Không thể có một đảng xã hội chủ nghĩa vững mạnh, nếu không có lý luận cách mạng để đoàn kết những người xã hội chủ nghĩa lại, để họ rút ra từ trong lý luận đó tất cả những tín điều của họ và đem áp dụng những tín điều đó vào những phương pháp đấu tranh và phương sách hành động của họ*”^[2], và “*Không có lý luận cách mạng thì cũng không thể có phong trào cách mạng... Chỉ đảng nào được một lý luận tiên phong hướng dẫn thì mới có một khả năng làm tròn vai trò chiến sỹ tiên phong*”^[3]

Đối với Đảng mác xít, theo Lênin, đảng mác xít là bộ phận, đồng thời là đội tiên phong có tổ chức và tổ chức cao nhất của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Đảng chỉ có thể vững mạnh và đoàn kết nếu nó được xây dựng trên nền tảng của chủ nghĩa Mác, theo nguyên tắc tập trung dân chủ; Đảng cộng sản phải là hiện thân cho mối liên hệ mật thiết với nhân dân lao động; Đảng phải có bản lĩnh chính trị vững vàng trước những bước phát triển mới của cách mạng, có năng lực nắm bắt qui luật và khả năng đề ra và thực hiện đường lối cách mạng phù hợp yêu cầu phát triển của cách mạng... Những chỉ dẫn của Lênin cũng chính là những định hướng, những nguyên tắc để xây dựng Đảng kiểu mới, Đảng cộng sản cầm quyền.

Sau cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917, Đảng Bôn-sê-vích Nga và sau đó là

Đảng Cộng sản Liên Xô đã trở thành đảng cầm quyền. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản cầm quyền do Lenin đứng đầu, nhân dân Xô Viết đấu tranh thắng lợi trước sự can thiệp của chủ nghĩa đế quốc và cuộc nội chiến phản cách mạng của bọn Bạch vệ, bảo vệ thắng lợi thành quả của cách mạng và thực hiện thắng lợi công cuộc cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới, xã hội xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới. Cùng với quá trình lãnh đạo cách mạng, Lenin đã có nhiều đóng góp cả về lý luận và thực tiễn cho công cuộc xây dựng Đảng Cộng sản cầm quyền.

Thuật ngữ “đảng cầm quyền”, “đảng chấp chính”, “đảng nắm chính quyền” đã xuất hiện từ rất sớm để chỉ vai trò, vị thế của một đảng chính trị khi đã có chính quyền; phân biệt đảng nắm chính quyền với đảng không nắm chính quyền, đảng đối lập...

Với Lenin, khái niệm “Đảng Cộng sản cầm quyền” được Người nêu ra lần đầu tiên trong Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng Cộng sản (b) Nga, ngày 27 tháng 3 năm 1922. Và từ đó trở đi, trong các Văn kiện của Đảng Cộng sản Liên Xô, thuật ngữ Đảng cầm quyền, Đảng cộng sản cầm quyền được sử dụng rộng rãi.

Sự đóng góp của Lenin cho sự nghiệp xây dựng đảng cầm quyền ở Liên Xô và trên thế giới là vô giá, song có thể khái quát trên những điểm quan trọng sau:

- Mặc dù không phải là người đầu tiên đưa ra khái niệm “Đảng cầm quyền”, song Lenin là người đầu tiên nêu ra khái niệm “*Đảng cộng sản cầm quyền*”. Theo Lenin, Đảng cộng sản cầm quyền là đảng lãnh đạo chính quyền vô sản, được vũ trang bằng lý luận tiên phong là chủ nghĩa Mác, được tổ chức theo nguyên tắc tập trung dân chủ và có quan hệ máu thịt với nhân dân, thực hiện lãnh đạo xã hội, chịu trách nhiệm trước toàn xã hội về sự phát triển xã hội vì lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

- Lenin đã nêu ra hệ thống các nguyên tắc về xây dựng, chỉnh đốn Đảng cộng sản cầm quyền: Nguyên tắc tăng cường bản chất cách mạng và khoa học, bản chất giai cấp công nhân của Đảng trên nền tảng tư tưởng là chủ nghĩa Mác - nguyên tắc kết hợp hữu cơ giữa chính trị với khoa học, bảo đảm vai trò là đội tiên phong của của giai cấp công nhân và của nhân dân lao động, là hạt nhân của hệ thống chính trị, tồn tại vì giai cấp công nhân và nhân dân lao động; nguyên tắc xây dựng đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức phù hợp yêu cầu mới của sự thay đổi vai trò, nhiệm vụ của đảng (từ vị thế không cầm quyền thành vị thế cầm quyền); nguyên tắc tập trung dân chủ, nguyên tắc cơ bản trong chế độ tổ chức của một đảng cách mạng mác xít; nguyên tắc quan hệ mật thiết với nhân dân, chịu sự kiểm tra, giám sát của nhân dân; nguyên tắc Đảng lãnh đạo Nhà nước nhưng không làm thay công việc của nhà nước (nguyên tắc về phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước); nguyên tắc kết hợp tính dân tộc với tính quốc tế của Đảng cộng sản - nguyên tắc chủ nghĩa quốc tế vô sản... Đây là những định hướng quan trọng, nhưng nguyên tắc cơ bản của công cuộc xây dựng, chỉnh đốn đảng cộng sản cầm quyền trong điều kiện hiện nay.

- Lenin là người sáng lập, rèn luyện Đảng kiểu mới ở Nga, trực tiếp lãnh đạo công cuộc xây dựng, chỉnh đốn Đảng cộng sản Liên Xô, Đảng cộng sản cầm quyền đầu tiên trên thế giới trong điều kiện nước Nga những năm đầu thế kỷ XX với nền kinh tế còn chưa phát triển, lại phải đấu tranh chống “Chủ nghĩa kinh tế”, chủ nghĩa cơ hội đủ mọi màu sắc và những thế lực thù địch với chủ nghĩa xã hội, bảo vệ sự lãnh đạo độc tôn của Đảng cộng sản Liên Xô.

Là học trò xuất sắc của các nhà sáng lập ra chủ nghĩa xã hội khoa học, ngay khi mới bắt

gặp chủ nghĩa Mác - Lênin, Hồ Chí Minh đã sớm ý thức được yêu cầu của cách mạng Việt Nam phải tổ chức một Đảng cách mệnh chân chính, vững mạnh. Người cho rằng: “*Đảng có vững, cách mệnh mới thành công*”^[4]

Theo học thuyết Mác - Lênin, Đảng cộng sản là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân. Vận dụng và phát triển sáng tạo học thuyết về Đảng kiểu mới của chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn của Việt Nam, vốn là nước thuộc địa nửa phong kiến có bề dày truyền thống yêu nước, Hồ Chí Minh đã khẳng định, Đảng Cộng sản Việt Nam là sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác-Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước; Đảng Cộng sản là Đảng của giai cấp công nhân Việt Nam và đồng thời là Đảng của dân tộc Việt Nam.

Từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam đã trở thành Đảng cầm quyền. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhiều lần khẳng định: Đảng ta là Đảng cầm quyền.

Ngày nay, sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta đã đang đứng trước những thời cơ và vận hội mới, song cũng phải đối mặt với những thách thức không thể xem thường; công cuộc đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đang diễn ra trong bối cảnh có nhiều thuận lợi và không ít khó khăn, các thế lực chống cộng, chống chủ nghĩa xã hội đang tìm đủ mọi cách, đủ mọi thủ đoạn đánh vào đảng cộng sản, xuyên tạc, bôi nhọ, tiến tới phủ định chủ nghĩa Mác - Lênin, đường lối, chính sách, mục tiêu lý tưởng của Đảng; đặc biệt chúng tập trung đánh vào nguyên tắc tổ chức cơ bản của Đảng - nguyên tắc tập trung dân chủ, kích động, chia rẽ nội bộ đảng, phá vỡ tổ chức đảng, tiến tới xoá bỏ sự lãnh đạo của Đảng.

Trong bối cảnh như vậy, để xây dựng, chỉnh đốn Đảng ta thật sự trong sạch, vững

mạnh, bảo đảm vị thế của Đảng cầm quyền, thiết nghĩ công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng cần thiết phải thực hiện tốt những vấn đề mang tính nguyên tắc sau:

Thứ nhất, phải phát huy truyền thống tốt đẹp, giữ vững và tăng cường bản chất cách mạng và khoa học của Đảng.

Là Đảng cầm quyền, Đảng thực hiện sự lãnh đạo toàn xã hội trong điều kiện kinh tế thị trường, mở cửa hội nhập với quốc tế, mặt trái của mở cửa hội nhập và của kinh tế thị trường khiến không ít cán bộ, đảng viên có chức có quyền bị quyến rũ bởi biết bao cám dỗ về danh lợi. Nếu không được giáo dục, rèn luyện, giữ vững và phát huy những truyền thống tốt đẹp, bản chất cách mạng của Đảng thì khó có thể giữ được sự không thoái hoá, biến chất. Giữ cho Đảng thực sự trong sạch, bảo đảm vị thế của Đảng cộng sản cầm quyền vì lợi ích và mục đích của nhân dân và dân tộc là vấn đề hệ trọng trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Giữ vững và tăng cường bản chất cách mạng, trong điều kiện hiện nay, là giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng, kiên định quan điểm, lập trường của giai cấp công nhân, tuyệt đối trung thành với lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động và của cả dân tộc; phấn đấu vì mục tiêu lý tưởng của Đảng: độc lập dân tộc và CNXH, vững vàng trước những bước ngoặt, trước những “khúc quanh” của lịch sử.

Giữ vững và phát huy bản chất khoa học của Đảng đòi hỏi Đảng thường xuyên đổi mới bảo đảm sự thống nhất giữa bản lĩnh và trình độ trí tuệ Đảng, nâng cao năng lực cầm quyền của Đảng theo pháp luật, năng lực nắm bắt qui luật, dự báo tình hình đề ra và tổ chức thực hiện đường lối, năng lực vận hành nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và năng lực đối phó với tình hình phức tạp...

Bản chất khoa học và cách mạng của Đảng đòi hỏi Đảng ta phải thấm nhuần chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh - nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động cách mạng; không ngừng trau dồi tư duy lý luận, khả năng tổng kết thực tiễn phát triển lý luận, đặc biệt là lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Bản chất cách mạng và khoa học của Đảng đòi hỏi Đảng phải được tổ chức chặt chẽ và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, chống mọi sự chia rẽ, bè phái, cục bộ, buông lỏng kỷ luật của Đảng; tăng cường mối quan hệ gắn bó máu thịt giữa Đảng với dân...

Thứ hai, phải thường xuyên nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ trí tuệ và chất lượng công tác tư tưởng - lý luận của Đảng làm cho Đảng trở thành lực lượng tiên phong của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của toàn dân tộc.

Thực tế trong suốt 90 năm qua, từ khi Đảng ra đời đến nay, cách mạng Việt Nam đã trải qua biết bao những “khúc quanh”, đòi hỏi bản lĩnh vững vàng của Đảng: sau năm 1945, chính quyền công nông mới được thiết lập thì thế nước đứng trước thách thức “ngàn cân treo sợi tóc”, Đảng Cộng sản tuyên bố “tự giải tán”, thực chất là rút vào hoạt động bí mật; năm 1954, sau Chiến dịch Điện Biên Phủ toàn thắng, Tổ quốc bị chia cắt làm hai miền; năm 1975, sau khi nước nhà thống nhất, quyết tâm đưa cả nước cùng đi lên chủ nghĩa xã hội cũng đặt trước thách thức nhận thức về mô hình và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội; năm 1991, khi chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội đặt trước yêu cầu phải đổi mới nhưng không làm thay đổi mục tiêu chủ nghĩa xã hội... Trước mỗi bước ngoặt, thử thách như vậy, đòi hỏi bản

lĩnh chính trị của Đảng phải được phát huy, toả sáng để làm tốt công tác tư tưởng, uốn nắn kịp thời những nhận thức không đúng, phê phán những quan điểm, khuynh hướng lệch lạc tạo sự thống nhất cao trong Đảng, sự đồng thuận trong toàn xã hội.

Ngày nay, trước yêu cầu của sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, phát triển kinh tế thị trường mở cửa hội nhập quốc tế, một bộ phận không nhỏ cán bộ đảng viên có biểu hiện phai nhạt lý tưởng, thoái hoá về tư tưởng chính trị; hiện tượng quan liêu tham nhũng có chiều hướng không giảm, bản lĩnh chính trị của Đảng, lại một lần nữa, đặt trước thách thức. Nhìn thẳng vào sự thật, nói đúng sự thật, Đảng chủ trương thực hiện triệt để Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, XII), gắn với thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về “học tập, làm theo tư tưởng đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, đẩy mạnh công tác tự phê bình và phê bình, quyết tâm sửa chữa khuyết điểm, đẩy mạnh cuộc xây dựng chính đồn Đảng cả về tư tưởng, chính trị, tổ chức và phương thức lãnh đạo.

Nâng cao bản lĩnh chính trị cũng có nghĩa phải nâng cao trình độ trí tuệ của Đảng để Đảng thực sự trở thành “lương tâm, trí tuệ và danh dự”. Muốn vậy, mỗi đảng viên cũng như toàn Đảng, hơn bao giờ hết hãy thấm nhuần lời dạy của Lênin: người cộng sản phải biết làm giàu trí tuệ của mình bằng sự hiểu biết những kho tàng tri thức mà nhân loại đã tạo ra.

Trình độ trí tuệ của Đảng không chỉ biểu hiện ở trình độ tư duy lý luận mà còn thể hiện ở trình độ nắm vững khoa học công nghệ, làm chủ công nghệ thông tin thực hiện đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo của Đảng, mấu chốt là đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng với Nhà nước, không ngừng nâng cao năng lực cầm quyền của Đảng.

Nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ trí tuệ có quan hệ chặt chẽ với việc nâng cao chất lượng công tác tư tưởng - lý luận của Đảng. Trên cơ sở thấm nhuần chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng cần đổi mới, nâng cao chất lượng công tác tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận, nhất là lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Hơn nữa, công tác tư tưởng - lý luận của Đảng phải hướng vào việc nâng cao trình độ tư duy lý luận củng cố niềm tin, kiên định mục tiêu, lý tưởng cách mạng cho cán bộ, đảng viên. Ngoài ra, công tác tư tưởng - lý luận của Đảng còn có mục tiêu nâng cao trình độ lý luận cho toàn dân để chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh chiếm vị trí chủ đạo trong đời sống tinh thần của nhân dân, thúc đẩy hoạt động tự giác của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Thứ ba, thường xuyên chăm lo xây Đảng về tổ chức, bảo đảm nội bộ Đảng luôn đoàn kết thống nhất, có sức chiến đấu cao.

Xây dựng, chỉnh đốn Đảng về tổ chức, trước hết và quan trọng hơn cả là thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ và chân chính, kiện toàn hệ thống tổ chức của Đảng. Thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ là vấn đề cốt tử bảo đảm cho Đảng thật sự vững mạnh về tổ chức, đoàn kết thống nhất và có sức chiến đấu cao. Bác Hồ, trong Di chúc lịch sử đã từng căn dặn: *“Đoàn kết là truyền thống cực kỳ quý báu của Đảng và của dân ta. Các đồng chí từ trung ương đến các chi bộ cần phải giữ gìn sự đoàn kết nhất trí của Đảng như giữ gìn con ngươi của mắt mình”*^[5]. Để thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, một mặt phải thực hiện tốt các quyền dân chủ của Đảng viên, có quy chế, quy trình để đảng viên tham gia vào việc hoạch định và thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; cán bộ

lãnh đạo phải tôn trọng, lắng nghe ý kiến của đảng viên, của cấp dưới, tôn trọng những ý kiến khác nhau, nhất là ý kiến của các nhà khoa học, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong công tác cán bộ; mặt khác, phải đấu tranh chống mọi biểu hiện của chủ nghĩa dân chủ hình thức, dân chủ cực đoan, lợi dụng dân chủ để gây mất đoàn kết, chia rẽ, bè phái, mị dân, theo đuôi quần chúng. Dân chủ phải đi liền với tập trung, kỷ cương, kỷ luật. Dân chủ không tương dung với độc đoán chuyên quyền, cũng không đồng nghĩa với tự do vô chính phủ. Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ phải được thể hiện trong công tác tổ chức và trong hoạt động của Đảng.

Trong xây dựng, kiện toàn hệ thống tổ chức Đảng đòi hỏi phải xác định đúng chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức, nhất là tổ chức cơ sở đảng; khắc phục tình trạng chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức; kiên quyết tinh giản bộ máy theo hướng gọn nhẹ, năng động, thích ứng tốt với cơ chế thị trường và việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, đặc biệt là phương thức lãnh đạo của các tổ chức cơ sở đảng trong các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh...

Thứ tư, Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ, thường xuyên chăm lo công tác cán bộ cho cả hệ thống chính trị, trên tất cả các lĩnh vực.

Thực tiễn lãnh đạo cách mạng nước ta của Đảng đã xác nhận: sau khi có đường lối, phương pháp cách mạng đúng, thì sự thành bại của cách mạng, phần quyết định tùy thuộc vào cán bộ và công tác cán bộ. Bác Hồ đã khẳng định: *“Cán bộ là gốc của mọi công việc”, “Muôn việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hoặc kém”*^[6]. Vì vậy, chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ có bản lĩnh, có trí tuệ, tuyệt đối trung thành với cách mạng, có quan điểm quần chúng, có đạo đức cách mạng, cần kiệm liêm chính, chí công vô tư

là việc làm vô cùng hệ trọng đảm bảo cho sự lãnh đạo của Đảng cầm quyền. Trong điều kiện hiện nay, để có đội ngũ cán bộ vừa “có tâm và có tầm”, trước hết, Đảng cần đổi mới tư duy trong công tác cán bộ. Trên cơ sở nắm vững quan điểm giai cấp công nhân, Đảng cần làm tốt công tác qui hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng, đề bạt, cất nhắc, luân chuyển cán bộ. Đồng thời, phải đổi mới phương pháp tiến hành công tác cán bộ theo hướng thật sự dân chủ, trọng hiền tài, tập thể kết hợp với tập trung thống nhất theo quy trình khoa học; đổi mới chế độ đãi ngộ cán bộ theo hướng thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động...

Thứ năm, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, trước hết và quan trọng nhất là phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và hệ thống chính trị.

Đảng lãnh đạo là Đảng hoạch định ra đường lối, lãnh đạo Nhà nước thể chế hoá đường lối thành chính sách, pháp luật và đưa đường lối vào cuộc sống; Đảng bố trí cán bộ kiểm tra và thực thi đường lối...

Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đòi hỏi đổi mới toàn diện, từ khâu ra nghị quyết, thể chế hoá nghị quyết, tổ chức thực hiện nghị quyết, tổng kết thực hiện nghị quyết phát triển lý luận, và quan trọng hơn là phải bảo đảm cho văn hoá chính trị thấm đượm trong tất cả các khâu của quá trình lãnh đạo, khiến cho sự lãnh đạo của đảng trở nên văn hoá, nhân văn, khắc phục khuynh hướng độc đoán chuyên quyền, bảo thủ trì trệ và nóng vội chủ quan duy ý chí.

Trong điều kiện Đảng cầm quyền, *đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, xét về thực chất, là bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng theo pháp luật, trong khuôn khổ pháp luật; bảo đảm sự quản lý của Nhà nước có hiệu lực, hiệu quả theo đúng định hướng của Đảng; bảo đảm và phát huy*

quyền làm chủ của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước cũng có nghĩa là Đảng lãnh đạo và tạo mọi điều kiện để xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân thực sự vững mạnh có đủ năng lực quản lý xã hội, trọng tâm là quản lý nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Hơn bao giờ hết, ngày nay, vận dụng quan điểm của Lênin về xây dựng Đảng cầm quyền vào công cuộc xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong thời kỳ đổi mới ở nước ta, đòi hỏi chúng ta phải thấm nhuần và thực hiện tốt lời dặn trong Di chúc mà Người để lại: Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, thật sự cần kiệm, liêm chính, chí công vô tư. Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, người đầy tớ thật trung thành của nhân dân.

Sự nghiệp xây dựng, chỉnh đốn Đảng cầm quyền là công việc cực kỳ khó khăn, phức tạp. Song, dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và thực tiễn hơn 90 năm qua, chúng ta hoàn toàn tin tưởng rằng: Đảng Cộng sản Việt Nam có đủ bản lĩnh và trí tuệ, từng bước vươn lên đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp cách mạng, xứng đáng là lương tâm, trí tuệ và danh dự./.

^[1] V.I Lênin, Toàn tập, Nxb Tiến bộ, M, 1974, t1, tr376

^[2] Sđd t4, tr232

^[3] Sđd, t6, tr30-32

^[4] Hồ Chí Minh, Toàn tập, Nxb, CTQG, Hà Nội, 1995, t2, tr267-268

^[5] Hồ Chí Minh Toàn tập, Nxb CTQG, H 1996, t12, tr497

^[6] Sđd, t5, tr240

TÌM HIỂU TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ BA BỘ PHẬN CHỦ YẾU CỦA CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG

ThS. HOÀNG TIẾN DŨNG

Trưởng Khoa Xây dựng Đảng

*T*ừ quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và kinh nghiệm thực tiễn, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn coi trọng, đề cao vai trò công tác tư tưởng. Đảng ta khẳng định: Công tác tư tưởng là một bộ phận cấu thành đặc biệt quan trọng trong hoạt động của Đảng; là lĩnh vực trọng yếu để xây dựng, bồi đắp nền tảng chính trị của chế độ, tuyên truyền, giáo dục, động viên và tổ chức nhân dân thực hiện các nhiệm vụ cách mạng, khẳng định và nâng cao vai trò tiên phong của Đảng về chính trị, lý luận, trí tuệ, văn hoá và đạo đức; thể hiện vai trò đi trước, mở đường trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

Xuất phát từ vị trí, vai trò hết sức quan trọng của công tác tư tưởng đối với sự nghiệp cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phân tích, chỉ ra từng nội dung rất cụ thể từng bộ phận trong cấu trúc công tác tư tưởng.

Thứ nhất, đối với công tác lý luận.

Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Hồ Chí Minh luôn coi trọng lý luận và việc học tập lý luận của cán bộ, đảng viên và toàn thể nhân dân. Người luôn nhấn mạnh câu nói nổi tiếng của V.I.Lênin: *“Không có lý luận cách mạng thì không có phong trào cách mạng”*. Chính vì vậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh thường nhắc nhở người lãnh đạo cách mạng, đội ngũ cán bộ và đảng viên phải học tập lý luận, biết vận dụng lý luận trong thực tiễn, không được coi thường lý luận và lý luận suông.

“Lý luận, - theo Hồ Chí Minh, - là sự tổng kết những kinh nghiệm của loài người, là tổng hợp những tri thức về tự nhiên và xã

hội tích trữ lại trong quá trình lịch sử”¹. Vì vậy, “lý luận như cái kim chỉ nam, nó chỉ phương hướng cho chúng ta trong công việc thực tế” và “không hiểu lý luận thì như người mù đi đêm”². Như vậy, lý luận đối với Hồ Chí Minh không phải là mục đích tự thân, lý luận phải xuất phát từ thực tiễn, phải được chứng minh trong thực tiễn và khi được vận dụng vào thực tiễn, nó được bổ sung, phát triển, trở nên phong phú và sâu sắc hơn, phản ánh đầy đủ hơn, chuẩn xác hơn các quy luật vận động và phát triển của tự nhiên, của xã hội và của con người.

Lý luận mà Hồ Chí Minh quan tâm, trước hết là lý luận trong công tác của Đảng - đó là lý luận chính trị, lý luận cách mạng, lý luận về con đường giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người; lý luận về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; lý luận về sức mạnh của nhân dân, của khối đoàn kết dân tộc; lý luận về quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân; lý luận về quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; lý luận về phát triển kinh tế và văn hoá, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; lý luận về đạo đức cách mạng; lý luận về chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau; lý luận về xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh, cán bộ, đảng viên vừa là người lãnh đạo vừa là người đầy tớ trung thành của nhân dân... Đó là những lý luận liên quan trực tiếp tới sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước, tới việc củng

cổ nền tảng tư tưởng, lập trường giai cấp công nhân và nhân sinh quan cách mạng trong toàn Đảng cũng như trong mỗi người cán bộ, đảng viên. Lý luận đó được hình thành và phát triển trên cơ sở tiếp thu lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và những thành tựu của các khoa học lý luận khác, những giá trị tích cực của các học thuyết chính trị - xã hội trước đó và đương đại, những kinh nghiệm thực tiễn trong hoạt động của Đảng và sáng kiến của các tổ chức Đảng, của quần chúng nhân dân.

Sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội là một sự nghiệp mới mẻ và do vậy, càng không thể thiếu lý luận. Để có thể xây dựng được chủ nghĩa xã hội, nhất thiết phải nâng cao trình độ lý luận cho toàn thể cán bộ, đảng viên, nhất là các cán bộ cốt cán của Đảng. Nói về nhiệm vụ này, Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: *“Muốn cải tạo xã hội mà đảng viên không tự cải tạo mình, không tự nâng cao mình thì không thể được. Cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa đòi hỏi đảng viên và cán bộ phải có lập trường giai cấp vô sản thật vững chắc, giác ngộ về chủ nghĩa xã hội cao; đòi hỏi cán bộ đảng viên phải rửa sạch ảnh hưởng của những tư tưởng của giai cấp bóc lột, rửa sạch chủ nghĩa cá nhân, rèn luyện chủ nghĩa tập thể. Nó đòi hỏi cán bộ và đảng viên phải khắc phục các bệnh quan liêu và cô độc hẹp hòi để liên hệ chặt chẽ với quần chúng, do đó mà phát huy được đầy đủ tính sáng tạo của hàng triệu quần chúng nhân dân xây dựng chủ nghĩa xã hội, vì chủ nghĩa xã hội chỉ có thể xây dựng được với sự giác ngộ đầy đủ và lao động sáng tạo của hàng chục triệu người. Muốn thế phải nâng cao trình độ lý luận chung của Đảng, phải tổ chức học tập lý luận trong Đảng, trước hết là trong những cán bộ cốt cán của Đảng”*³. Tuy đề cao lý luận, song Hồ Chí Minh không xem nhẹ và không coi thường kinh nghiệm thực tế. Người cho rằng, lý luận phải đem ra thực hành, lý luận phải liên hệ với thực tế, lý luận

thống nhất với thực tiễn là một nguyên tắc cơ bản. Người viết: *“Thực tiễn không có lý luận hướng dẫn thì thành thực tiễn mù quáng. Lý luận mà không liên hệ với thực tiễn là lý luận suông”*⁴. Đối với Hồ Chí Minh, lý luận cách mạng cốt nhằm nâng cao trình độ tư tưởng, lý luận của cán bộ, đảng viên và toàn thể nhân dân nhằm thúc đẩy cách mạng tiến lên và đạt được hiệu quả cao nhất. Người luôn căn dặn Đảng và Nhà nước khi xây dựng đường lối, chính sách, chủ trương, biện pháp, kế hoạch phải xuất phát từ thực tiễn, từ những đòi hỏi bức thiết của thực tiễn cách mạng, lấy thực tiễn làm tiêu chuẩn chân lý, làm nguồn cung cấp cứ liệu và kinh nghiệm sinh động cho hoạt động nghiên cứu lý luận và cho việc đề xuất lý luận.

Ngoài ra, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn nhấn mạnh đến việc giáo dục lý luận chính trị và phải làm tốt 3 nội dung chủ yếu sau đây :

Một là, giáo dục lý luận Chủ nghĩa Mác- Lênin

Hai là, giáo dục các chuẩn mực đạo đức cách mạng và các nguyên tắc rèn luyện các chuẩn mực đó

Ba là, giáo dục đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước.

Thứ hai, công tác tuyên truyền và cổ động.

Là bộ phận của công tác tư tưởng, công tác tuyên truyền có vị trí hết sức quan trọng trong hoạt động lãnh đạo của Đảng, cũng như công tác xây dựng Đảng, nhằm nâng cao nhận thức cách mạng, định hướng hoạt động đúng đắn cho cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Trong cuộc đời hoạt động cách mạng sôi nổi và phong phú, hết lòng vì nước, vì dân, Chủ tịch Hồ Chí Minh dành nhiều sự quan tâm đến công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động quần chúng. Người xem đó là công việc quan trọng không chỉ để tạo nên lực lượng to lớn của cách mạng mà còn góp phần vào công tác xây dựng Đảng. Theo Người, tuyên truyền cách mạng là một hoạt động thống nhất trên ba mặt:

Một là, mục đích của tuyên truyền: Người nêu rõ: “đem một việc gì đó nói cho dân hiểu, dân nhớ, dân theo, dân làm. Nếu không đạt được mục đích đó là tuyên truyền thất bại”⁵. Với cách đặt vấn đề như vậy, chúng ta hiểu rằng, trong điều kiện Đảng cầm quyền công tác tư tưởng của Đảng vừa hướng đến đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng, vừa hướng đến các tầng lớp nhân dân trong xã hội để bồi đắp nền tảng chính trị của chế độ; tuyên truyền giáo dục, động viên và tổ chức nhân dân thực hiện các nhiệm vụ cách mạng; nâng cao vai trò tiên phong của Đảng; làm cho hệ tư tưởng của Đảng, của giai cấp công nhân, lý tưởng xã hội chủ nghĩa, những giá trị tốt đẹp trong truyền thống văn hoá dân tộc, những tinh hoa văn hoá thế giới chiếm vị trí chủ đạo trong đời sống tinh thần xã hội.

Hai là, đối tượng tuyên truyền. Theo Hồ Chí Minh, người tuyên truyền trước hết phải nắm được đối tượng tuyên truyền. Nếu người tuyên truyền không điều tra, không phân tích, không nghiên cứu, không hiểu biết quần chúng, chỉ gặp sao nói vậy thì nhất định thất bại. Người còn lưu ý, dân chúng không nhất luận như nhau, trong dân chúng có nhiều tầng lớp khác nhau, ý kiến khác nhau, có lớp tiên tiến, có lớp lưng chừng vì vậy phải có phương thức cho phù hợp. Từ việc nhận thức rõ đặc điểm dân trí của nước ta, Người đã chọn cách tuyên truyền ngắn gọn, dễ hiểu, thiết thực để vận động giác ngộ quần chúng. Từ đó tạo nên một phong cách truyền truyền mang tính đại chúng. Nét đặc sắc của phong cách này được thể hiện trong các bài nói, bài viết của Người. Trong phần đầu cuốn “Đường cách mệnh” Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: “Sách này là muốn nói cho vắn tắt, dễ hiểu, dễ nhớ”, “nói việc gì thì nói rất giản tiện, mau mắn, chắc chắn như 2 lần 2 là 4, không tô vẽ trang hoàng gì cả”⁶. Ngoài ra Người còn chỉ ra phương pháp tuyên truyền để đạt

được hiệu quả, phê phán “thói ba hoa” mà biểu hiện là dài dòng, rỗng tuếch....

Ba là, phong cách tuyên truyền. Đặc trưng nổi bật trong phong cách tuyên truyền của Người là tính phù hợp một cách tự nhiên, nhuần nhuyễn giữa ngôn ngữ. Cách diễn đạt trong các bài nói, bài viết của Hồ Chí Minh rất mộc mạc, ngắn gọn, trong sáng, giản dị, khúc triết, dễ hiểu, phù hợp với trình độ nhận thức, sự hiểu biết và cách suy nghĩ của từng đối tượng người đọc, người nghe. Chính phong cách tuyên truyền đặc trưng này, nên những bài nói, bài viết của Người luôn được mọi người cảm thụ sâu sắc và có sức thuyết phục mạnh mẽ.

Thứ ba, công tác văn hoá, văn nghệ.

Một là, nhân dân là người sáng tạo văn hoá.

Chủ tịch Hồ Chí Minh nhìn thấy vai trò to lớn của nhân dân, trước hết là nhân dân lao động trong việc sáng tạo văn hoá. Văn hoá không phải là sự sáng tạo riêng của các vĩ nhân, các nghệ sĩ, nghệ nhân, của giai cấp thống trị..., mà văn hoá trước hết là của nhân dân và do nhân dân sáng tạo ra, Người khẳng định: Quần chúng không chỉ là người sáng tạo ra những của cải vật chất cho xã hội mà còn là người sáng tác, kiểm nghiệm và có quyền hưởng thụ các giá trị văn hoá. Chính vì thế, đội ngũ cán bộ văn hóa “*cần phải giúp những sáng tác của quần chúng. Những sáng tác ấy là những hòn ngọc quý. Muốn làm như thế thì cố nhiên là phải có chính trị, có kỹ thuật, thì mới mài cho viên ngọc ấy thành tốt, khéo và đẹp*”⁷. Do đó, theo Hồ Chí Minh, động lực của sự phát triển văn hoá nằm chính trong nhân dân. Công tác xây dựng văn hoá phải quán triệt và thực hiện tốt quan điểm quần chúng, sáng tạo văn hoá là sự nghiệp của dân, do dân và vì dân.

Hai là, xây dựng và nhân rộng các điển hình văn hoá (người tốt - việc tốt).

Hồ Chí Minh cho rằng, việc nêu gương và cổ vũ người tốt việc tốt không những có ý nghĩa động viên mọi người hoàn thành các

nhệm vụ cách mạng trước mắt, mà còn là một trong những biện pháp cơ bản để xây dựng Đảng và các lực lượng nòng cốt của cách mạng, xây dựng con người mới và cuộc sống mới, đồng thời để động viên người người thi đua, ngành ngành thi đua, làm cho phần tốt ở trong mỗi con người được giữ gìn và phát triển. Đó là những tấm gương có thật trong nhân dân và cán bộ, đảng viên. Gương người tốt - việc tốt là *“nét đẹp của đạo đức mới, của con người mới Việt Nam đang hình thành. Họ đều là những người bình thường làm những việc bình thường cho xã hội. Những việc bình thường ấy, ai cũng có thể làm được nếu cố gắng một chút. Và nếu ai cũng làm theo người tốt việc tốt thì cái tốt sẽ thành phổ biến, và xã hội ta sẽ tốt lên”*⁸.

Ba là, giữ gìn, kế thừa và phát triển văn hoá dân tộc.

Trên tinh thần biện chứng, Hồ Chí Minh chỉ ra: *“Cái gì cũ mà xấu, thì phải bỏ... Cái gì cũ mà không xấu, nhưng phiền phức thì phải sửa đổi lại cho hợp lý... Cái gì cũ mà tốt, thì phải phát triển thêm... Cái gì mới mà hay, thì ta phải làm”*⁹. Phải coi trọng những truyền thống văn hoá tốt đẹp của cha ông, giữ gìn, khôi phục những yếu tố tích cực, loại bỏ những yếu tố tiêu cực trong đời sống văn hoá tinh thần của nhân dân.

Bảo tồn, phát huy truyền thống gắn liền với phát triển, nâng nó lên một trình độ và chất lượng mới nhằm đáp ứng trình độ văn hóa ngày càng tăng của nhân dân, Hồ Chí Minh đã chỉ rõ những mục tiêu cơ bản mà cách mạng Việt Nam cần phải đạt được trong lĩnh vực văn hoá là: *“Phải triệt để tẩy trừ mọi di tích thuộc địa và ảnh hưởng nô dịch của văn hoá đế quốc. Đồng thời, phát triển những truyền thống tốt đẹp của văn hoá dân tộc và hấp thụ những cái mới của văn hoá tiến bộ thế giới, để xây dựng một nền văn hoá Việt Nam có tính chất dân tộc, khoa học và đại chúng”*¹⁰.

Bốn là, tiếp thu và làm phong phú thêm tinh hoa văn hoá nhân loại.

Việc tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại để xây dựng nền văn hóa cách mạng, vừa là một truyền thống lịch sử, vừa là một nhu cầu tất yếu khách quan. Nền văn hóa Việt Nam được hình thành và phát triển trong lịch sử lâu dài của dân tộc không phải là kết quả vận động chỉ riêng những yếu tố nội sinh, Người nói: *“Văn hóa Việt Nam là ảnh hưởng lẫn nhau của văn hóa Đông phương và Tây phương chung đúc lại... Đông phương hay Tây phương có cái gì tốt ta học lấy để tạo ra một nền văn hóa Việt Nam. Nghĩa là lấy kinh nghiệm tốt của văn hóa xưa và văn hóa nay, trau dồi cho văn hóa thật có tinh thần thuần túy Việt Nam để hợp với tinh thần dân chủ”*¹¹.

Năm là, mối quan hệ biện chứng giữa văn hóa với các lĩnh vực khác của đời sống xã hội.

Theo Hồ Chí Minh, muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội (CNXH), nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân thì phải phát triển kinh tế và văn hoá. Người cho rằng, trong công cuộc kiến thiết nước nhà có bốn vấn đề phải chú ý, coi trọng ngang nhau là: Chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá - đây là bốn vấn đề chủ yếu của đời sống xã hội và các vấn đề này có mối quan hệ rất mật thiết với nhau. Vì thế, trong cuộc xây dựng đất nước, cả bốn vấn đề này phải được coi trọng như nhau. Kinh tế là nền tảng của việc xây dựng văn hoá, do đó phải chú trọng xây dựng kinh tế, xây dựng cơ sở hạ tầng để có điều kiện xây dựng và phát triển văn hoá. Phát triển kinh tế để bảo đảm đời sống vật chất cho nhân dân và phải phục vụ cho mục đích phát triển văn hoá của nhân dân. Để thực hiện các mục tiêu của XHCN, chúng ta phải đấu tranh, xây dựng, phát triển, phải tiến hành một cuộc cách mạng thật sự. Trong cuộc cách mạng đó, văn hoá luôn có ý nghĩa

trọng yếu, quyết định. Đó vừa là điều kiện, nền móng cho sự xây dựng, phát triển của đời sống xã hội, vừa là mục tiêu hướng tới trong quan hệ hài hoà với đời sống vật chất hay nói cách khác, văn hóa phải ở trong kinh tế và thúc đẩy sự phát triển của kinh tế.

Văn hoá phải phục vụ nhiệm vụ chính trị và ở trong chính trị. Chính trị có được giải phóng thì văn hoá mới được giải phóng. Chính trị giải phóng mở đường cho văn hóa phát triển. Hồ Chí Minh đã vạch ra đường lối phải tiến hành cách mạng chính trị trước, cụ thể là cách mạng giải phóng dân tộc để giành chính quyền, từ đó giải phóng văn hóa, mở đường cho văn hóa phát triển. Chịu sự lãnh đạo của chính trị, văn hóa phải tham gia vào nhiệm vụ chính trị, tham gia cách mạng, kháng chiến và xây dựng CNXH.

Sáu là, đánh giá đúng vị trí, đồng thời phát huy tốt vai trò của văn hóa.

Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh rằng: Văn hóa phải phục vụ nhân dân, lấy hạnh phúc của nhân dân, của dân tộc làm cơ sở cho mọi sáng tác. Với tính cách là phương thức sinh tồn của con người, văn hoá được tạo ra là để phục vụ cho cuộc sống con người. Con người vừa là chủ thể sáng tạo, vừa là chủ thể hưởng thụ các giá trị văn hoá. Do vậy, theo Hồ Chí Minh, văn hoá phải hướng vào phục vụ đại đa số nhân dân chứ không phải là độc quyền hưởng thụ của bọn thống trị, bóc lột và tầng lớp trí thức. Người chỉ ra rằng: Văn hoá phải thiết thực phục vụ nhân dân, góp phần vào việc nâng cao đời sống vui tươi, lành mạnh của quần chúng - nội dung văn hoá phải có ý nghĩa giáo dục.

Văn hoá phải phục tùng nhiệm vụ cách mạng. Hồ Chí Minh khẳng định: “*Rõ ràng là dân tộc bị áp bức, thì văn nghệ cũng mất tự do. Văn nghệ muốn tự do thì phải tham gia cách mạng*”¹², người nghệ sĩ muốn được tự do sáng tác thì trước hết phải là người tự do

thực sự trong đời sống chính trị, kinh tế, xã hội và phải tích cực tham gia vào công cuộc kháng chiến, xây dựng Tổ quốc. Để thực hiện được nhiệm vụ ấy, văn hóa, văn nghệ phải có những tác phẩm lớn xứng đáng với thời đại mới, những tác phẩm ca tụng chân thật những người mới, việc mới để làm gương trong cuộc sống hiện tại và để giáo dục con cháu mai sau; phải đấu tranh chống: Tham ô, lãng phí, lười biếng, quan liêu,... để xây dựng một xã hội lành mạnh, tốt đẹp.

Từ việc nghiên cứu ba bộ phận chủ yếu của công tác tư tưởng trong tư tưởng Hồ Chí Minh chúng ta thấy rằng mỗi bộ phận của công tác tư tưởng có vị trí và vai trò riêng nhưng có quan hệ mật thiết với nhau. Do đó, việc tìm hiểu những nét khái quát nhất về ba bộ phận chủ yếu trong công tác tư tưởng của Hồ Chí Minh làm sáng tỏ thêm những giá trị của Người đã để lại cho chúng ta luôn mang tính thời sự. Thực hiện Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 về “*Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới*” thực chất là sự cụ thể hoá những giá trị của Người đã chỉ ra.

Hồ Chí Minh. Toàn tập, t.8. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.497

² *Hồ Chí Minh. Sđd., t.7, tr.231*

³ *Hồ Chí Minh. Sđd., t.8, tr.494 – 495.*

⁴ *Hồ Chí Minh. Sđd. t.8, tr.497*

⁵ *Hồ Chí Minh, Toàn tập, Nxb CTQG,H, 2000, tập 5, trang 162.*

⁶ *Hồ Chí Minh, sđd, tập 2, trang 262.*

⁷ *Hồ Chí Minh, sđd, tập 9, trang 250.*

⁸ *Trần Kư, Bác Hồ với sách người tốt, việc tốt, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1998, tr.7-8*

⁹ *Hồ Chí Minh, Sđd, t.5, tr.94-95.*

¹⁰ *Hồ Chí Minh, Sđd, t.6, tr.173.*


¹¹ *Bác Hồ với văn nghệ sĩ, NXB Tác phẩm mới (NXB Hội Nhà văn), Hà Nội, 1985, tr.52.*

¹² *Hồ Chí Minh, Sđd, t.10, tr.646.*

CUỘC ĐẤU TRANH CAM GO ĐỂ BẢO ĐẢM AN NINH MẠNG, MÔI TRƯỜNG MẠNG CỦA ĐẤT NƯỚC HIỆN NAY

ThS. NGUYỄN SUNG

Phó Trưởng Khoa Nhà nước và pháp luật

 ngày 19/11/1997 là ngày nước ta chính thức hòa vào mạng internet toàn cầu. Có thể thấy rằng, những lợi ích mà internet nói chung và mạng xã hội nói riêng mang lại cho xã hội cũng như nhân dân là điều không cần phải bàn cãi. Sự phát triển của nó đã và đang tác động sâu sắc đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, sự phát triển của mọi quốc gia. Nó mang đến cho con người lượng thông tin khổng lồ về tất cả mọi lĩnh vực trong đời sống chính trị, kinh tế, xã hội. Nhờ có internet mà con người có thể tìm kiếm thông tin phục vụ cho mọi hoạt động của mình: phục vụ học tập, nghiên cứu, kết nối, giới thiệu, kinh doanh, bày tỏ quan điểm của mình... Tuy nhiên, bên cạnh những lợi ích nêu trên, thì internet và mạng xã hội cũng mang đến những tác hại hết sức to lớn đối với đất nước, xã hội và người dân. Những thông tin bịa đặt, bóp méo sự thật, xuyên tạc, “đổi trắng thay đen”, “*thật giả lẫn lộn*”... xuất hiện nhiều trên các trang mạng. Đặc biệt, có những thông tin đã đưa ra những luận điệu sai trái, thù địch chống phá đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước và cuộc sống an lành, hòa bình, ổn định của nhân dân ta.

Đứng trước thực tiễn đó đòi hỏi Nhà nước ta phải có công cụ hữu hiệu là luật pháp để đấu tranh chống lại cuộc chiến chống phá của “thế lực thù địch” và “diễn biến hòa bình” bảo vệ thành quả cách mạng Việt Nam, bảo vệ nhân dân. Nhìn trên phương diện quốc tế, cho đến nay đã có nhiều nước đã ban hành các đạo luật để quản lý internet và mạng xã hội. Theo thống kê của Liên hợp quốc, đến nay đã có 138 quốc gia (trong đó có 95 nước đang phát triển) ban hành Luật An ninh mạng.

Ngày 12 tháng 6 năm 2018 Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 5 thông qua Luật An ninh mạng, có hiệu lực từ ngày 01/01/2019. Luật An ninh mạng có 7 Chương, 43 Điều quy định về

hoạt động bảo vệ độc lập, chủ quyền, an ninh quốc gia; bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên không gian mạng; quy định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan. Sự ra đời Luật An ninh mạng đã thể hiện được tâm tư, nguyện vọng và sự mong đợi của nhân dân về một “lá chắn” bảo vệ chủ quyền quốc gia, trật tự, an toàn xã hội và quyền, lợi ích chính đáng của nhân dân trên không gian mạng. Ngược với sự đồng thuận xã hội nói trên của xã hội ta, các thế lực thù địch điên cuồng chống phá luật này từ khi chúng ta dự thảo cho đến khi được Quốc hội biểu quyết thông qua. Chúng cho rằng Luật An ninh mạng ban hành nhằm mục đích: kiểm duyệt thông tin, giới hạn số người đọc báo, mạng xã hội, hạn chế sự thể hiện chính kiến, sự tự do ngôn luận; chúng cho rằng Luật An ninh mạng dùng để “Bịt miệng để chặt chân”... Để có nhận thức đầy đủ, đúng đắn, có tính khoa học về không gian mạng, an ninh mạng và trách nhiệm của người đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức và công dân đối với vấn đề này, tôi xin trao đổi một số vấn đề sau:

Trước hết, việc ban hành Luật An ninh mạng là hết sức cần thiết trong tình hình hiện nay. Sự tấn công mạng gây nên tổn thất to lớn và nặng nề về kinh tế, sự tấn công càng ngày càng có quy mô lớn, cường độ cao, đe dọa trực tiếp đến an ninh đất nước và trật tự, an toàn xã hội. Điều này không phải chỉ đối với nước ta mà là nó mang tính phổ quát toàn cầu. Các thế lực thù địch, phản động hiện nay coi không gian mạng là công cụ quan trọng và hết sức hiệu quả để phát thông tin kêu gọi biểu tình, tụ tập trái phép phá rối an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội, kích động bạo loạn, khủng bố, lật đổ chính quyền, xâm phạm chủ quyền, lợi ích an ninh quốc gia. Tình trạng đăng tải thông tin xuyên tạc chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; phá rối khối đại đoàn kết dân tộc; lan truyền thông tin sai sự thật, vu khống, bịa đặt

đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân. Có thể nói, hiện nay năng lực và nguồn lực của đất nước ta trong bảo vệ việc nghiên cứu và ứng dụng các thiết bị công nghệ thông tin chưa thực sự mạnh (nước ta được xếp thứ 100/193 quốc gia về tiềm lực an ninh mạng) đòi hỏi đất nước ta phải xây dựng và hình thành nền công nghiệp an ninh mạng. Công tác quản lý nhà nước về an ninh thông tin, an ninh mạng tại các bộ, ban, ngành, các địa phương trong cả nước còn nhiều tồn tại, khó khăn, vướng mắc, không đồng bộ vì không có quy định thống nhất để điều chỉnh quan hệ xã hội này trong luật. Mỗi địa phương mỗi cách làm theo các quy phạm tự xây dựng và ban hành. Trên những đòi hỏi bức thiết đó mà Quốc hội phải ban hành Luật An ninh mạng. Đây là xu thế của mọi quốc gia, dù tên đặt cho đạo luật này ở mỗi nước có sự khác nhau nhưng đặc điểm chung của luật này đều hướng đến mục tiêu bảo vệ an ninh thông tin quốc gia, bảo vệ con người, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

Thứ hai, các thế lực thù địch “lu loa” rằng Luật An ninh mạng của nước ta xâm phạm quyền tự do ngôn luận, cấm người sử dụng internet truy cập Facebook, Google, Youtube... Thực tế, Luật An ninh mạng không có quy định nào ngăn cản, xâm phạm quyền tự do ngôn luận của công dân. Mọi hoạt động liên lạc, trao đổi thông tin, kinh doanh, mua bán,... không hề bị ngăn cản, cấm đoán miễn là những hoạt động đó không bị pháp luật cấm theo nguyên tắc: “Mọi công dân đều có quyền làm bất cứ điều gì trên không gian mạng mà pháp luật không cấm”. Luật quy định bảo vệ cho các hoạt động tự do ngôn luận, quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân khi mua bán, kinh doanh, trao đổi trên không gian mạng. Mặt khác Luật An ninh mạng quy định người dân Việt Nam tự do truy cập các trang mạng của Facebook, Google, Youtube hay bất kỳ trang mạng xã hội nào khác ở trong và ngoài nước. Tuy nhiên, người nào sử dụng những mạng xã hội trên hoặc bất kỳ mạng xã hội nào khác để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật đều bị xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

Theo thống kê, người dân Việt Nam sử dụng internet:
 Năm 2010: 26.784.035 người
 Năm 2012: 32.100.000 người
 Năm 2014: 36.000.000 người

Năm 2015: 49.700.000 người
 Năm 2016: 52.080.000 người
 Năm 2017: 53.860.000 người
 Năm 2018: 54.700.000 người
 Năm 2019: 59.200.000 người

(Có khoảng 94% người dùng ở Việt Nam sử dụng Internet hàng ngày và con số này tăng khoảng 30% trong hơn 2 năm qua, theo số liệu Bộ Thông tin và Truyền thông công bố tại Ngày Internet 2019 được tổ chức tại Hà Nội hôm 11/12/2019).

Thứ ba, Luật An ninh mạng trực tiếp bảo vệ những quyền cơ bản của con người phù hợp luật pháp quốc tế và pháp luật Việt Nam. Cụ thể, Luật An ninh mạng bảo vệ quyền con người phù hợp với Hiến chương Liên hiệp quốc, Tuyên ngôn về quyền con người của Đại hội đồng Liên hiệp quốc (năm 1948). Phù hợp với Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (năm 2013), Bộ luật Hình sự (năm 1999), Bộ luật Dân sự (năm 2015). Phạm vi bảo vệ quyền con người tập trung vào 5 nội dung sau: Quyền sống, quyền tự do và an ninh cá nhân, quyền bình đẳng trước pháp luật và được pháp luật bảo vệ; quyền không bị can thiệp vào đời tư, gia đình, chỗ ở hoặc thư tín; quyền không bị xâm hại danh dự hay uy tín cá nhân; quyền tự do tư tưởng, tín ngưỡng và tôn giáo của công dân và quyền tự do ngôn luận, tự do biểu đạt của công dân. Luật An ninh mạng còn giúp phòng ngừa, xử lý các hành vi sử dụng không gian mạng xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Thứ tư, Luật An ninh mạng không làm lộ thông tin cá nhân, không kiểm soát thông tin cá nhân. Theo quy định của Luật An ninh mạng, các cơ quan chức năng, doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực này phải có trách nhiệm bảo vệ bí mật về kinh doanh, về cá nhân, về gia đình, về đời sống riêng tư trên không gian mạng. Những hành vi đi ngược lại quy định trên sẽ bị xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật. Mặt khác, Luật An ninh mạng hoàn toàn không kiểm soát các thông tin cá nhân của người sử dụng. Bởi vì đây chính là quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của con người, của công dân được Hiến pháp và pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, nếu ngược lại, các cá nhân, tổ chức có những hành vi vi phạm pháp luật an ninh mạng thì cơ quan chuyên trách mới yêu cầu

doanh nghiệp cung cấp thông tin cá nhân có liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật đó. Tuy nhiên việc tiếp cận thông tin cá nhân của người sử dụng có hành vi vi phạm pháp luật của chủ thể quản lý phải tuân theo trình tự, thủ tục hết sức nghiêm ngặt được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quyết định.

Thứ năm, việc phòng ngừa và xử lý các hành vi vi phạm trên không gian mạng. Cũng như các quốc gia khác trên thế giới, Luật An ninh mạng nước ta quy định rất cụ thể. Các hành vi vi phạm được chia làm 5 nhóm sau: thông tin trên không gian mạng có nội dung tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; thông tin trên không gian mạng có nội dung kích động gây bạo loạn, phá rối an ninh, gây rối trật tự công cộng; thông tin trên không gian mạng có nội dung làm nhục, vu khống; thông tin trên không gian mạng có nội dung xâm phạm trật tự quản lý kinh tế; thông tin trên không gian mạng có nội dung bịa đặt, sai sự thật gây hoang mang trong Nhân dân, gây thiệt hại cho hoạt động kinh tế - xã hội, gây khó khăn cho hoạt động của cơ quan nhà nước hoặc người thi hành công vụ, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác. Để bảo vệ an ninh mạng, Luật đã quy định 13 biện pháp cụ thể tại khoản 1, Điều 5.

Trên cơ sở những vấn đề được phân tích ở trên, để thực thi có hiệu lực và hiệu quả Luật An ninh mạng, tôi xin có mấy đề xuất mang tính cấp thiết sau:

- Tăng cường công tác tuyên truyền, quán triệt quan điểm chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước - đặc biệt là vai trò của báo chí - về vấn đề an ninh mạng và trách nhiệm của công dân đối với việc bảo đảm an ninh mạng trong giai đoạn này. Nội dung phải thiết thực, hiệu quả, phù hợp với đặc điểm từng nhóm đối tượng, từng khu vực, từng địa bàn. Bảo đảm nâng cao được nhận thức của người dân về chính trị, pháp luật về vấn đề an ninh mạng; nhận thức được thực tế hiện nay nhiều đối tượng đã sử dụng các mạng xã hội để tuyên truyền, xuyên tạc chống phá, móc nối, lôi kéo, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”.

- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng trong công tác kiểm tra, giám sát đối với cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên trong việc chấp hành Cương lĩnh, đường

lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Đấu tranh kiên quyết đối với một vài hiện tượng nói và làm chưa đúng với Cương lĩnh và Nghị quyết của Đảng, có hành vi vi phạm Nghị định số 09/2017/NĐ-CP, ngày 09/02/2017, quy định chi tiết việc phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của các cơ quan hành chính nhà nước. Siết chặt kỷ cương, kỷ luật trong Đảng trong việc chấp hành nghiêm kỷ luật phát ngôn; nghiêm cấm để lộ bí mật của Đảng, Nhà nước, lan truyền những thông tin sai lệch hoặc tán phát những đơn thư nặc danh, mạo danh có nội dung xấu, xuyên tạc, vu khống, kích động.


- Chú trọng xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn việc thi hành Luật An ninh mạng, tăng cường chế tài xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong an ninh mạng- đặc biệt là những thông tin bịa đặt, nói xấu, bôi nhọ của các thể lực thù địch. Chúng ta phải thống nhất trong nhận thức của mỗi đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức và đại đa số Nhân dân đây là cuộc đấu tranh một mất một còn, quyết liệt, nóng bỏng, cấp bách và không nhân nhượng, vì âm mưu thủ đoạn của thể lực thù địch, phản động ngày càng tinh vi, phức tạp và triệt để khai thác công nghệ thông tin, bóp méo, làm sai lệch thông tin, gây hoang mang, lo lắng cho dư luận. Mục đích của chúng ta là làm tan rã, suy giảm niềm tin của quần chúng Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước ta.

Đất nước ta được lãnh đạo các nước thừa nhận là một quốc gia có tình hình chính trị - xã hội ổn định, thân thiện, an toàn và trên đà phát triển. Tuy nhiên hàng năm, hệ thống mạng thông tin nước ta phải chịu hàng ngàn cuộc tấn công mạng, gây thiệt hại nghiêm trọng tới an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, làm thất thoát tiền của và là tiền đề để thực hiện các hành vi xâm nhập, thu thập thông tin, tài liệu trái pháp luật, tiềm ẩn những nguy cơ gây mất ổn định chính trị và trật tự, an toàn xã hội. Việc xây dựng, tạo lập môi trường thông tin mạng lành mạnh, an toàn, an ninh sẽ là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và của toàn dân nhằm bảo vệ vững chắc chủ quyền, an ninh quốc gia và phát triển đất nước theo hướng bền vững./.

130 NĂM MINH TRIẾT HỒ CHÍ MINH

ThS. TRẦN THIÊN TÚ

Phó Trưởng Khoa Lý luận cơ sở

 inh triết là một khái niệm được sử dụng gần nghĩa với sự thông thái, sáng suốt, thông tuệ, khôn ngoan. Người minh triết là người có những hành vi, cử chỉ, lời nói, tư tưởng, tác phẩm, ... ở chuẩn mực của một hiền triết. Theo tiêu chuẩn đó, Hồ Chí Minh là một minh triết. Mặc dù Minh triết được nói đến khá sớm ở nước ta nhưng Minh triết Hồ Chí Minh vẫn đang là vấn đề khá mới mẻ, chỉ được đặt ra cách đây khoảng hai thập kỷ; cho đến nay, chủ đề này được khá nhiều nhà nghiên cứu tiếp cận ở các góc độ khác nhau. Trong bài viết này, tác giả đề cập nguồn gốc và những tư tưởng, hành động thể hiện Hồ Chí Minh tầm minh triết.

1. Minh triết Hồ Chí Minh hình thành là kết quả của sự đúc kết những tinh hoa văn hóa nhân loại, cùng với hoạt động thực tiễn phong phú

Để có được một tư duy, thực tiễn mang tầm minh triết, rõ ràng Người phải có được một nền tảng hết sức cơ bản, đó là sự kế thừa những truyền thống tốt đẹp của dân tộc, đó là tính sáng tạo linh hoạt, tình đoàn kết tương thân tương ái, lòng yêu nước nồng nàn,... Chính cội nguồn truyền thống ấy đã thúc giục người thanh niên Nguyễn Tất Thành đi tìm đường cứu nước, cứu dân; là động lực

chi phối mọi suy nghĩ, hành động của Người trong suốt cả cuộc đời hoạt động cách mạng; là cơ sở tư tưởng đã dẫn dắt Người đến với chủ nghĩa Mác - Lênin.

Trên nền tảng của truyền thống tốt đẹp của dân tộc, Người đã tiếp thu tinh hoa văn hoá của phương Đông và phương Tây. Đây không phải là sự kế thừa máy móc, trong quá trình tiếp nhận, vận dụng những yếu tố tích cực, Người cũng đồng thời phê phán loại bỏ những yếu tố bảo thủ, tiêu cực. Người ta nhìn thấy ở Hồ Chí Minh cái bình thân, vô vi của Lão tử, tư tưởng nhân nghĩa của Khổng Tử, tính nhân văn của Phật giáo, Kitô giáo, tư tưởng Tự do, Bình đẳng, Bác ái, chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn, các học thuyết dân chủ tư sản Pháp, Mỹ được Người vận dụng và phát triển phù hợp với dân tộc và thời đại mới.

Trong quá trình hoạt động cách mạng của mình, Hồ Chí Minh đã giác ngộ chủ nghĩa Mác - Lênin và trở thành người cộng sản. Thế giới quan và phương pháp luận mác xít đã giúp Người nhìn nhận, đánh giá phân tích tổng kết các học thuyết, tư tưởng, đường lối các cuộc cách mạng một cách khoa học.

Tư chất thông minh, tư duy độc lập, sáng tạo tính ham hiểu biết và nhạy bén là những đức tính có được ở người thanh

niên Nguyễn Tất Thành. Phẩm chất đó được rèn luyện, phát huy trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của Người. Nhờ vậy, trước thực tiễn phong phú và sinh động, giữa nhiều học thuyết, quan điểm khác nhau, giữa biết bao tình huống phức tạp, Hồ Chí Minh vẫn có một thái độ bình thản, ung dung: có một giác quan chính trị nhạy bén, một tầm nhìn xa trông rộng; có một ý chí quyết tâm sắt đá nhưng vẫn mang đầy tính nhân văn.

2. Minh triết Hồ Chí Minh được thể hiện qua khả năng nhận định thời cuộc, tầm nhìn xa, trông rộng

Thấm nhuần những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin cùng với giác quan chính trị nhạy bén đã giúp Hồ Chí Minh dự đoán được chính xác tình hình trước những bộn bề của thực tiễn. Cuối năm 1941, Người viết tác phẩm: *“Lịch sử nước ta”* để nhắc lại truyền thống đấu tranh chống giặc ngoại xâm của ông cha xưa, thổi bùng lên ngọn lửa yêu nước, tinh thần dân tộc trong mỗi người dân đồng thời chỉ ra những việc cần làm cho cách mạng Việt Nam. Điều đặc biệt, cuối tác phẩm, trong mục *“Những năm quan trọng”* ghi lại những sự kiện lớn trong lịch sử dân tộc gồm 30 cột mốc, bắt đầu từ Hồng Bàng - năm 2879 trước Tây lịch, thời điểm kết thúc là cái nhìn đầy tính dự báo tài tình của lãnh tụ cách mạng năm 1945: Việt Nam độc lập.

Trong giai đoạn cuộc kháng chiến chống Mỹ còn đang ác liệt, nhưng Người tin rằng chính nghĩa sẽ thắng bạo tàn, đất nước sẽ thống nhất: “Cuộc kháng chiến chống Mỹ có thể còn kéo dài mấy năm nữa. Đồng bào ta có thể phải hy sinh nhiều của, nhiều người. Dù sao, chúng ta phải quyết tâm đánh giặc Mỹ đến thắng lợi

hoàn toàn... Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi. Đế quốc Mỹ nhất định phải cút khỏi nước ta. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà”⁽¹⁾.

Trong chiến tranh, Hồ Chí Minh đã nghĩ đến chuyện xây dựng, kiến thiết đất nước, trấn trở *“làm sao cho đất nước hùng cường, sánh vai với các cường quốc năm châu”*. Người đã sớm có quan niệm về đổi mới và hội nhập. Người biết rằng, đổi mới là nhiệm vụ thường xuyên và lâu dài, là một cuộc chiến đấu không lờ, chống lại những cái cũ kỹ, hư hỏng, lỗi thời, hướng tới tiến bộ, phát triển tốt đẹp. Muốn đổi mới thành công, phải dựa vào dân, tập hợp dân thành phong trào, lực lượng để dân thực hiện.

Tầm nhìn được minh chứng ở những điều Người dự báo đều trở thành sự thật. Năm 1975, chỉ 06 năm sau khi Người mất, dân tộc ta đã đánh đuổi ngoại xâm, thống nhất đất nước. Nhiều vấn đề trọng đại của Đảng, Nhà nước, của đất nước được đề cập trong các nghị quyết gần đây, đã được Người nói đến từ trước đó, chẳng hạn vấn đề xây dựng, chỉnh đốn Đảng, giữ gìn sự đoàn kết trong Đảng; vấn đề đạo đức cán bộ, chống chủ nghĩa cá nhân; vấn đề con người, chăm lo đời sống nhân dân, vai trò của nhân dân, đoàn kết, dân chủ...

Có được những điều trên là do Người nắm chắc xu thế vận động của lịch sử, của thời đại, đó là sự sáng suốt, thông tuệ của bậc hiền triết.

3. Minh triết Hồ Chí Minh mang đầy tính nhân văn sâu sắc

Ở Hồ Chí Minh, biểu hiện nhân cách của một con người, vị lãnh tụ vì nước, vì

dân, không màng tới danh lợi bản thân. Cả cuộc đời Người cống hiến cho dân tộc, cho nhân loại. Trước khi ra đi vào cõi vĩnh hằng, Người viết: “Suốt đời tôi hết lòng hết sức phục vụ Tổ quốc, phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân. Nay dù phải từ biệt thế giới này, tôi không có điều gì phải hối hận, chỉ tiếc là không được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa”⁽²⁾.

Nói đến Chủ tịch Hồ Chí Minh, người ta thấy ở đó tinh thần nhân đạo, khoan dung - một tình yêu bao la. Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của Người, ở đâu, ở giai đoạn nào, ta cũng cảm nhận được lòng thương yêu con người, nhất là đối với tầng lớp lao động cùng khổ, bất kể họ đang ở các nước đế quốc hay ở thuộc địa. Trong sâu thẳm, Người mong muốn giải thoát dân tộc khỏi mọi xiềng xích nô lệ, ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành. Tinh thần nhân đạo quốc tế cao cả được thể hiện rõ trong năm 1957, Người đã ký đơn gia nhập bốn Công ước Geneva về luật nhân đạo, đó là: Công ước về bảo vệ dân thường trong chiến tranh; về đối xử với tù binh trong chiến tranh; về cải thiện tình cảnh của những người bị thương, bị bệnh hoặc bị đắm tàu thuộc các lực lượng vũ trang trên biển; về cải thiện tình cảnh của những người bị thương, bị bệnh thuộc các lực lượng vũ trang trên bộ.

Trả lời một nhà báo nước ngoài khi hỏi: “Đâu là điều quan trọng nhất trong cuộc đời của Chủ tịch?”. Người đã trả lời thật rõ ràng: “Độc lập cho Tổ quốc tôi. Tự do, hạnh phúc cho dân tộc và đồng bào tôi. Đó là tất cả những gì tôi muốn, đó là tất cả những gì tôi hiểu”. Như vậy, Độc lập - Tự

do - Hạnh phúc cho con người trở thành lẽ sống của Người.

4. Minh triết Hồ Chí Minh thể hiện thái độ ung dung, bình thản, lạc quan trước thực tại

Đứng trước các cường quốc như thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, hay đứng trước những hoàn cảnh khó khăn gian khổ, chưa bao giờ người ta thấy Hồ Chí Minh e ngại hay run sợ; mà ngược lại, chúng ta thấy một sự thản nhiên hiếm có. Những bài thơ trong *Nhật ký trong tù* của Người cho thấy dù thân thể đang bị giam cầm ở trong lao nhưng tinh thần thì đầy ý chí quyết tâm, không có gì giam hãm được. Thấy bộ đội ta hết sức lo âu khi quân giặc được viện trợ rất nhiều vũ khí hiện đại, Người động viên một cách dí dỏm: “*Các chú đừng lo. Chúng chờ bao nhiêu vũ khí vào là của ta cả đấy*”. Bao nhiêu lần Người đích thân đi vào lòng địch, trước đe dọa của kẻ thù, Người vẫn thản nhiên, ung dung, không bao giờ khuất phục.

Lạc quan cho mình, người không quên động viên, khích lệ mọi người cùng lạc quan, tin tưởng vào một ngày mai tốt đẹp:

*Năm qua thắng lợi vẻ vang,
Năm nay tiền tuyến chắc càng thắng to.
Vì độc lập, vì tự do
Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào.
Tiến lên! Chiến sĩ, đồng bào!
Bắc Nam sum họp, xuân nào vui hơn!*
(Thơ mừng Xuân 1969)

Chiến tranh còn ở giai đoạn khốc liệt, chưa biết kết quả như thế nào, nhưng Người vẫn rất tin tưởng: Cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta dù phải kinh qua gian khổ, hy sinh nhiều hơn nữa, song nhất định thắng lợi

hoàn toàn. Đó là một điều chắc chắn”. “Nay tuy châu chấu đầu voi, nhưng mai voi sẽ bị lòi ruột ra”.

MacNamara - nguyên Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ đã thú nhận trong hồi ký của mình: *“Chúng tôi thất bại ở Việt Nam vì chúng tôi đã sai lầm một cách khủng khiếp. Chúng tôi không hiểu lịch sử Việt Nam và văn hóa Việt Nam”*. *“Lịch sử đã xác nhận sự bình thản của Hồ Chí Minh trước đại cường Pháp và siêu cường Mỹ là kẻ thừa sự bình thản của Trần Thủ Độ, Trần Quốc Tuấn, Trần Thái Tông, Trần Nhân Tông mà đặc biệt là của Tuệ Trung Thượng sĩ Trần Tung”*.

5. Minh triết Hồ Chí Minh là tài sản vô giá của Đảng và nhân dân ta

Những gì mà Chủ tịch Hồ Chí Minh để lại cho chúng ta là một di sản hết sức quý giá, đó là tư tưởng, đạo đức, nhân cách của một bậc hiền triết. Tư tưởng, đạo đức của Hồ Chí Minh trở thành tấm gương sáng cho cán bộ, đảng viên noi theo. Triết lý phát triển đất nước của Người từ một thuộc địa lên thành một nước độc lập, tự do trở thành nền tảng cho triết lý phát triển xã hội Việt Nam hiện đại. Những tác phẩm của Người thể hiện rõ sự thông thái cùng một nhãn quan chính trị sắc bén, mặc dù đã ra đời khá lâu rồi nhưng đến nay vẫn có giá trị thời sự. Thái độ lạc quan của Người củng cố niềm tin vào thành công của cách mạng, tin tưởng vào một tương lai tốt đẹp. Thực hiện những điều Người mong ước, căn dặn chính là quá trình xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, dân chủ và giàu mạnh, góp

phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới.

Đánh giá về Hồ Chí Minh, Modagat Ahmet - nguyên giám đốc UNESCO khu vực Châu Á - Thái Bình Dương nói: *“Chỉ có rất ít nhân vật trong lịch sử trở thành một bộ phận của huyền thoại ngay từ khi còn sống và rõ ràng Hồ Chí Minh là một trong số đó. Người sẽ được ghi nhớ không phải chỉ là người anh hùng giải phóng cho Tổ quốc và nhân dân bị đô hộ, mà còn là một nhà Hiền triết hiện đại đã mang lại một viễn cảnh và hy vọng mới cho những người đang đấu tranh không khoan nhượng để loại bỏ bất công, bất bình đẳng khỏi trái đất này”*⁽³⁾./.


1. Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1999, tr. 26,34.

2. Hồ Chí Minh, Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1999, t 12, tr 512.

3. “Về nghị quyết của UNESCO vinh danh Chủ tịch Hồ Chí Minh”, Báo Nhân dân điện tử 18/10/2010, 00:44:00.

QUAN ĐIỂM HỒ CHÍ MINH VỀ KỶ LUẬT NGHIÊM MINH VÀ TỰ GIÁC TRONG ĐẢNG

ThS. **TRẦN HỮU HÒA**
Phó Trưởng Phòng TC,HC,TT,TL

 Chủ tịch Hồ Chí Minh là người sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam, Người đã xây dựng và rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam thành một đảng cách mạng, chân chính, bộ tham mưu sáng suốt và kiên cường của giai cấp công nhân và dân tộc Việt Nam để lãnh đạo nhân dân tiến hành thắng lợi cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đối với một chính đảng tiên phong lãnh đạo, việc xác định rõ nguyên tắc tổ chức và kỷ nghiêm minh tự giác không chỉ đảm bảo vững chắc cho hoạt động của Đảng mà còn chứng tỏ sức mạnh và bản chất cách mạng, khoa học của Đảng.

Đề cập tầm quan trọng của vấn đề kỷ luật nghiêm minh, tự giác đối với Đảng, trong điều kiện Đảng Cộng sản Nga, V.I.Lênin đã viết: “Những người bônsovích sẽ không giữ vững được chính quyền, tôi không nói tới hai năm rưỡi, mà ngay đến cả hai tháng rưỡi cũng không được nữa, nếu Đảng ta không có kỷ luật nghiêm minh, kỷ luật sắt thật sự”¹. Lenin đặc biệt chú trọng việc tăng cường kỷ luật đảng, làm trong sạch Đảng, gắn liền với công tác giáo dục lý tưởng, rèn luyện bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức cách mạng thường xuyên cho đội ngũ đảng viên. Đây là vấn đề cốt lõi đối với vận mệnh của một Đảng Cộng sản không chỉ trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền, mà đặc biệt khi Đảng đã

trở thành Đảng cầm quyền.

Từ những quan điểm lý luận và thực tiễn của Lenin, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thường xuyên chăm lo rèn luyện củng cố kỷ luật nghiêm minh, tự giác trong Đảng và coi đó như một trong những nội dung thiết yếu nhằm không ngừng xây dựng, chỉnh đốn Đảng vững mạnh, tạo nên sức mạnh to lớn của Đảng. Người chỉ rõ: “Sức mạnh vô địch của Đảng là ở tinh thần kỷ luật tự giác, ý thức tổ chức nghiêm chỉnh của cán bộ và đảng viên”².

Theo Người, nghiêm minh là thuộc về tổ chức đảng, vì đó là kỷ luật đối với cán bộ, đảng viên, không phân biệt cán bộ cao cấp hay cán bộ nói chung, cán bộ lãnh đạo hay đảng viên thường, mọi cán bộ, đảng viên đều bình đẳng trước kỷ luật đảng, không ai có đặc quyền, đặc lợi và không ai được coi là ngoại lệ trong việc chấp hành kỷ luật đảng. Tự giác là thuộc về mỗi cá nhân cán bộ đảng viên đối với Đảng, một tổ chức của những người tự nguyện đứng trong hàng ngũ để cùng chiến đấu cho độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội, Người nói: “Kỷ luật này là do lòng tự giác của đảng viên về nhiệm vụ của họ đối với Đảng”³. Tự giác là đặc trưng cơ bản của kỷ luật đảng, vì Đảng ta là kết quả của sự liên kết tự giác của những người ưu tú nhất của giai cấp, của dân tộc, nhằm phấn đấu cho mục đích, lý tưởng của Đảng.

Kỷ luật của Đảng là sự thống nhất giữa hai mặt bắt buộc và tự giác. Bắt buộc là nhân tố tất yếu phải có đối với mọi thứ kỷ luật. Nhưng bắt buộc trong kỷ luật của Đảng phải trên cơ sở giác ngộ chính trị, giác ngộ giai cấp. Giác ngộ càng cao thì bắt buộc càng trở thành tự giác. Tính nghiêm minh và tự giác trong kỷ luật của Đảng là sự thống nhất giữa hai mặt tập trung dân chủ, bắt buộc và tự giác. Sự thống nhất và kết hợp giữa nghiêm minh và tự giác đảm bảo cho kỷ luật của Đảng thực sự là kỷ luật sắt.

Trong điều kiện Đảng cầm quyền, biểu hiện của ý thức chấp hành kỷ luật nghiêm minh tự giác được thể hiện ở mọi cán bộ, đảng viên đều bình đẳng trước Điều lệ Đảng, trước Hiến pháp và pháp luật, không có bất kỳ một ngoại lệ nào. Yếu tố tự giác thể hiện ở mỗi hành vi của đảng viên, lúc có mặt đồng chí, đồng đội, hay lúc thực hiện công việc đều nghiêm chỉnh chấp hành. Kỷ luật nghiêm minh chính là biểu hiện của ý thức đạo đức, ở tinh thần gương mẫu ở mọi lúc, mọi nơi. Còn về phía tổ chức đảng, Đảng phải giữ kỷ luật nghiêm minh từ trên xuống dưới. Tính tự giác của kỷ luật đảng dựa trên cơ sở tự nguyện, trên mối quan hệ bình đẳng, tình đồng chí cùng chung mục tiêu, lý tưởng, vì lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. “Toàn thể đảng viên phải giữ vững kỷ luật của Đảng, phải phục tùng sự lãnh đạo và chấp hành những nghị quyết của Đảng”⁴. Có như vậy, Đảng mới là một khối thống nhất về tư tưởng và hành động. Nếu không có kỷ luật, không thống nhất về tư tưởng, hành động, thì Đảng sẽ “xuệch xoạc, ý kiến lung tung, kỷ luật lỏng lẻo, công việc bê trễ”⁵.

Yêu cầu cao nhất của kỷ luật đảng là chấp hành. Đảng viên chấp hành các chủ trương, nghị quyết của Đảng và tuân thủ các nguyên tắc sinh hoạt đảng, nguyên tắc tập trung dân chủ, kỷ luật phát ngôn, không được tuyên truyền trái với quan điểm, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước. Về phía tổ chức Đảng và các cơ quan nhà nước, cán bộ, đảng viên vi phạm kỷ luật của Đảng, pháp luật của Nhà nước thì phải xử lý đúng người, đúng tội theo tinh thần mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật hoặc mọi đảng viên đều bình đẳng trước kỷ luật của Đảng. Phương châm thi hành kỷ luật đã được Điều lệ Đảng xác định là: “*công minh, chính xác, kịp thời*”⁶, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn: “*Sửa chữa sai lầm, cố nhiên cần dùng cách giải thích, thuyết phục, cảm hóa, dạy bảo. Song không phải tuyệt nhiên không dùng xử phạt. Lỗi lầm có việc to, việc nhỏ. Nếu nhất luật không xử phạt thì sẽ mất cả kỷ luật, thì sẽ mở đường cho bọn cố ý phá hoại. Vì vậy, hoàn toàn không dùng xử phạt là không đúng. Mà chút gì cũng dùng đến xử phạt cũng không đúng*”⁷.

Để kỷ luật của Đảng luôn đảm bảo tính nghiêm minh, tự giác, Hồ Chí Minh yêu cầu Đảng phải chú ý tẩy bỏ những phần tử hủ bại ra khỏi Đảng. Trên cơ sở tự phê bình và phê bình mà làm cho Đảng trong sạch, vững mạnh. “*Đảng phải chọn lựa những người rất trung thành và hăng hái, đoàn kết họ thành nhóm trung kiên lãnh đạo*”⁸. Thường xuyên kết nạp vào Đảng những người tiên tiến và loại ra khỏi Đảng những đảng viên không còn đủ tư cách và vai trò lãnh đạo. Về tính

chất của Đảng Lao động Việt Nam, Người chỉ rõ: “Đảng có kỷ luật rất nghiêm khắc, tất cả các đảng viên đều phải tuân theo. Tư tưởng chính trị và tổ chức của Đảng đều phải thống nhất. Trong Đảng không thể có những phần tử lạc hậu và đầu cơ. Tất cả đảng viên phải kiên quyết phục tùng sự lãnh đạo tập trung của Đảng. Trong Đảng không thể có những phần tử hèn nhát, lung lay”⁹. Đó là quy luật vận động và phát triển của Đảng và cũng thể hiện tính nghiêm túc của một chính đảng cách mạng. Trong điều kiện Đảng cầm quyền, việc tăng cường kỷ luật nghiêm minh, tự giác của tổ chức đảng, đảng viên có vai trò và tác động to lớn, trực tiếp tới việc tăng cường pháp luật của Nhà nước và giữ vững kỷ cương xã hội. Mỗi đảng viên không chỉ có trách nhiệm phục tùng kỷ luật của Đảng mà còn phải chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của Nhà nước và quy định của cơ quan, đoàn thể xã hội. Vì vậy, Hồ Chí Minh yêu cầu: “Mỗi đảng viên cần phải làm kiểu mẫu phục tùng kỷ luật, chẳng những kỷ luật của Đảng mà cả kỷ luật của các đoàn thể nhân dân và của cơ quan chính quyền cách mạng”¹⁰. Việc đề cao ý thức kỷ luật đối với mọi cán bộ, đảng viên từ trên xuống dưới sẽ làm tăng thêm uy tín của Đảng, ngược lại, nếu ý thức kỷ luật đó càng thấp, nếu cán bộ, đảng viên có nhiều vi phạm kỷ cương phép nước, tự cho mình là người lãnh đạo, coi thường kỷ luật của các đoàn thể nhân dân thì uy tín của Đảng càng giảm sút, càng đưa đến những nguy cơ cho Đảng.

Thực tiễn cho thấy, hơn 90 năm qua, từ khi ra đời, lãnh đạo, đấu tranh và trưởng thành, Đảng Cộng sản Việt Nam đã không ngừng được tôi luyện về bản lĩnh chính trị

và năng lực trí tuệ. Ở những thời điểm bước ngoặt và trước những khó khăn thử thách nặng nề, bản lĩnh, trí tuệ của Đảng càng được khẳng định. Từ khi Đảng ta cầm quyền (2/9/1945) kỷ luật nghiêm minh, tự giác đã trở thành sức mạnh, là sợi dây kết chặt khối đại đoàn kết của dân tộc, đem lại những thắng lợi to lớn cho cách mạng Việt Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975) tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Đặc biệt, sau gần 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đất nước ta đã vượt qua những khó khăn, thách thức, từ một nước nhược tiểu, nghèo đói, ngày nay Việt Nam đã vươn lên trở thành nước có thu nhập trung bình, đời sống nhân dân không ngừng được cải thiện, nâng cao, nhiều thành tựu về phát triển kinh tế - xã hội được cộng đồng quốc tế ghi nhận, đánh giá cao, vị thế của quốc gia trên trường quốc tế ngày càng được nâng lên. Việt Nam đã tham gia và tổ chức thành công những diễn đàn, những Hội nghị lớn của Quốc tế (Ủy viên không thường trực của Hội Đồng bảo an Liên Hiệp Quốc; Chủ tịch Asean năm 2020). Uy tín của Việt Nam đang được các lãnh đạo các nước trên thế giới ghi nhận, điều này đã được Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng khẳng định trong dịp Kỷ niệm 90 năm thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam: “90 năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, thế và lực của nước ta đã được tăng cường, nhiều tổ chức quốc tế đánh giá Việt Nam là một quốc gia kinh tế - văn hóa phát triển, chính trị - xã hội ổn định, có nhiều triển vọng tốt... Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ to lớn, vai trò và vị thế cao như ngày nay”.

Tuy nhiên, để có được thành công như hôm nay, phải nói đến kỷ luật nghiêm minh tự giác của Đảng. Trong quá trình đổi mới, xây dựng đất nước, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, bởi vì thiếu gương mẫu, rèn luyện, chạy theo sự cám dỗ của vật chất mà sa ngã, thoái hóa, biến chất, không giữ vững được bản chất kiên trung của người cách mạng, người đảng viên, làm ảnh hưởng đến uy tín của Đảng, với sự tin cậy của nhân dân. Thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, khóa XII về xây dựng Đảng, nhiều vụ việc, vụ án lớn, phức tạp đã được khởi tố, truy tố, điều tra, xét xử với nhiều mức án, hình thức kỷ luật thỏa đáng. Những cán bộ sai phạm liên quan đều phải chịu những hình thức kỷ luật nghiêm minh, kể cả những cán bộ cấp cao. Dẫn rằng, phải xem xét, xử lý kỷ luật một tổ chức hoặc cá nhân nào là việc làm không ai muốn, nhưng đó là việc làm cần thiết bảo đảm sự bình đẳng trước pháp luật, tạo niềm tin, sự đoàn kết thống nhất trong Đảng. Như Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã phát biểu tại Hội nghị toàn quốc về công tác kiểm tra, giám sát của Đảng năm 2016: “Chúng ta rất nhân văn, nhân đạo, nhân ái, nhân tình; không thích thú gì khi phải kỷ luật đồng chí, đồng đội của mình; trái lại, rất khổ tâm, đau xót. Nhưng vì sự tiến bộ chung, vì để mong nhiều người không mắc sai phạm, chúng ta phải kỷ luật; kỷ luật một vài người để cứu muôn người!”.

Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ dạy cán bộ, đảng viên về kỷ luật nghiêm minh, tự giác mà chính Người cũng nghiêm túc chấp hành kỷ luật của Đảng. Trên cương vị là người

đứng đầu Đảng và Nhà nước, Người là một tấm gương mẫu mực trong chấp hành kỷ luật và thực thi pháp luật. Chủ tịch Hồ Chí Minh không bao giờ dành cho mình bất kỳ một đặc quyền, đặc lợi nào. Tấm gương và những lời dạy của Người trong việc thực hiện nghiêm túc, tự giác kỷ luật của Đảng nói riêng và kỷ luật trong các tổ chức chính trị - xã hội khác nói chung luôn có giá trị trong mọi thời kỳ cách mạng, nhất là trong thời điểm toàn Đảng đang thực hiện Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới. Điều đó đòi hỏi cán bộ, đảng viên càng phải nâng cao tinh thần tự giác, tính nghiêm minh kỷ luật và rèn luyện bản thân, chống suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, nhằm kiên quyết khắc phục những yếu kém, chuẩn bị tốt đại hội các cấp để tiến tới thành công của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng./.

V.I.Lênin: Toàn tập, Nxb, Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, t41, tr 6

² *Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sdd, t 13, tr 67.*

³ *Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sdd, t 5, tr 290.*

⁴ *Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sdd, t 8, tr 275.*

⁵ *Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sdd, t 5, tr 298.*

⁶ *Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sdd, t 5, tr 324.*

⁷ *Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sdd, t 5, tr 324.*

⁸ *Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sdd, t 5, tr 290.*

⁹ *Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sdd, t 8, tr 276.*

¹⁰ *Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sdd, t 7, tr 33.*

ỨNG XỬ CỦA HỒ CHÍ MINH VỚI TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM

ThS. TRẦN ĐỨC DƯƠNG

Phó Trường Phòng TC,HC,TT,TL

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại cho các thế hệ sau một tài sản tư tưởng vô cùng quý giá, trong đó có vấn đề tôn giáo. Vận dụng một cách sáng tạo những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về tôn giáo trong hoàn cảnh lịch sử cụ thể của Việt Nam, Hồ Chí Minh đã xây dựng nên hệ thống quan điểm về tôn giáo rất độc đáo và sáng tạo góp phần thắng lợi của công tác tôn giáo nói riêng và cách mạng Việt Nam nói chung... Nổi bật trong tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo là tư tưởng đoàn kết lương giáo, hòa hợp dân tộc và quyền tự do tín ngưỡng của nhân dân. Những tư tưởng ấy không chỉ được thể hiện thông qua những bài viết, lời phát biểu, chỉ thị, sắc lệnh mà còn qua những cử chỉ, hành động cũng như phong cách ứng xử của Người đối với tín đồ, giáo sĩ, nhà tu hành các tôn giáo.

Trong cuộc đời hoạt động cách mạng, Hồ Chí Minh đã từng bốn ba hải ngoại chịu cảnh tù đầy, nguy hiểm cũng chỉ vì mục đích là độc lập cho dân tộc và hạnh phúc cho mọi người. Với mục đích cao cả đó, Người không thể không quan tâm đến mặt chính trị trong tôn giáo. Hồ Chí Minh phê phán những kẻ lợi dụng tôn giáo vì mục đích chính trị phản động. Đối với những kẻ không chỉ là “Việt gian mà còn là giáo gian” này cần phải nghiêm trị. Tuy nhiên, điều quan tâm nhất của Người vẫn là làm thế nào để đoàn kết, thu hút những người có tôn giáo tham gia vào sự nghiệp cách mạng chung của toàn dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo? Bác không xem tôn giáo là đối tượng nghiên cứu chủ yếu của mình mà giải quyết, ứng xử với tôn giáo nhằm hướng tới mục tiêu là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Thực tiễn cách mạng Việt Nam khi Hồ Chí Minh lãnh đạo thì đấu tranh hệ tư tưởng không đặt ra bức xúc như đấu tranh giải phóng dân tộc, vì vậy tất cả cách ứng xử của Hồ Chí Minh về tôn giáo vẫn là hướng tới mục tiêu giải phóng dân tộc. Nhưng độc lập rồi mà dân vẫn đói, vẫn cứ rét thì thứ độc lập ấy trở nên vô nghĩa. Vì vậy phải tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Khi bước vào thời kì cách mạng mới (xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh để thống nhất Tổ quốc) một trong những điều trăn trở đối với đồng bào có đạo là trong chủ nghĩa xã hội do người cộng sản lãnh đạo có chấp nhận sự tồn tại của tôn giáo hay không? Và thái độ của người cộng sản vô thần đối với tôn giáo như thế nào? Hồ Chủ tịch rất lưu tâm giải tỏa vướng mắc này của bà con tín đồ và chức sắc các tôn giáo.

Trong bài “Nhiệm vụ cấp bách của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa” ngày 03/9/1945, Hồ Chí Minh chỉ rõ “Thực dân và phong kiến thi hành chính sách chia rẽ đồng bào giáo dân và đồng bào để dễ trị. Tôi đề nghị Chính phủ ta tuyên bố: “tín ngưỡng tự do, lương giáo đoàn kết”. Ngày 10-05-1958, khi trả lời câu hỏi của các cử tri Hà Nội: “Tiến lên chủ nghĩa xã hội thì tôn giáo có bị hạn chế không?” Hồ Chí Minh trả lời rõ: “Không. Ở các nước xã hội chủ nghĩa tín ngưỡng hoàn toàn tự do. Ở Việt Nam cũng vậy”¹. Người còn nói rõ thêm Người cộng sản tiến hành cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội không những không tiêu diệt tôn giáo mà còn bảo hộ tôn giáo.

Một trong những tư tưởng đặc sắc và đóng góp to lớn của Hồ Chí Minh vào phát triển lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về tôn giáo là

xác định: mục đích cao nhất, nội dung xuyên suốt của công tác tôn giáo là giữ vững tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đoàn kết lương giáo, đoàn kết giữa đồng bào các tôn giáo khác nhau, làm cho “nước vinh, đạo sáng”, “tốt đời, đẹp đạo” góp phần ngày càng to lớn vào kháng chiến, kiến quốc.

Năm 1955, khi nói chuyện với Đại hội đại biểu những người công giáo yêu nước, Hồ Chí Minh tâm sự một cách chân tình, cởi mở: “Các cụ, các cô, các chú biết tôi là người không có đạo, là người cộng sản theo chủ nghĩa Mác - Lênin, suốt đời hi sinh đấu tranh giành độc lập cho Tổ quốc, tự do cho đồng bào. Nay nước nhà đã được giải phóng khỏi ách thực dân, nhân dân ta được hòa bình độc lập tự do. Tôi và Đảng, Chính phủ lo cho dân có cơm ăn áo mặc, các cháu được học hành, người ốm có thuốc vào bệnh viện, đời sống tinh thần và vật chất ngày càng ổn định và nâng cao, để xây dựng đất nước cho giàu đẹp đồng thời đấu tranh vì hòa bình, thống nhất đất nước, cho Nam Bắc sum họp một nhà. Các cụ, các cô, các chú cùng với chúng tôi lo làm các công việc đó có gì mâu thuẫn hay sai trái với giáo lý của đạo, lời dạy của chúa Giê-su không? Bà con giáo dân của các cụ, các cô, các chú cũng cần phải làm ăn, phải mặc, học hành, chữa bệnh, ai ai cũng muốn cuộc sống được yên ổn, cải thiện, sống hạnh phúc và đoàn tụ gia đình, có phải không? Còn việc đạo, kinh lễ, Chính phủ để các cụ tự do, miễn là đừng làm gì trái với pháp luật, trở ngại cho việc chung của dân và nước” thực ra Chúa cũng dạy giúp đỡ người nghèo, chống bóc lột, giữ gìn hòa bình, chống chiến tranh, mục đích cao cả của Chúa Giêsu đều muốn mọi người có cơm ăn, áo mặc, bình đẳng tự do và thế giới đại đồng”. Hồ Chí Minh khẳng định giữa người cộng sản với người có tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau về hệ tư tưởng, nhưng cần tôn trọng niềm tin của người khác. Cơ sở xuất phát của tư tưởng

Hồ Chí Minh về tự do tín ngưỡng tôn giáo, là tôn trọng đức tin của mỗi người. Hồ Chí Minh nói: “Tất cả mọi người đều có quyền nghiên cứu một chủ nghĩa. Riêng tôi, tôi nghiên cứu chủ nghĩa Các Mác”. Và người nhấn mạnh rằng “tín đồ Phật giáo tin ở Phật; tín đồ Gia Tô giáo tin ở Đức Chúa Trời; cũng như chúng ta tin ở đạo Khổng. Đó là những vị chí tôn nên chúng ta tin tưởng”. Và khi trả lời một nhà báo phương Tây Hồ Chí Minh còn khẳng định “Tôi cố gắng làm người học trò nhỏ của các vị ấy”. Năm 1947 trong một bức thư gửi cho Giám mục Lê Hữu Từ, Bác viết: “Chủ nghĩa duy linh và chủ nghĩa duy vật là ngược nhau, rõ ràng là thế”. Nhưng: “Trong một nước văn minh, có sự tự do tín ngưỡng, tự do ngôn luận, nhưng không được vu khống kẻ khác. Tự do tuyên truyền chứ không phải tự do vô lễ”³.

Xem xét và giải quyết vấn đề tôn giáo luôn phải đặt trong và dưới vấn đề quốc gia dân tộc, vì lợi ích của quốc gia dân tộc. Hồ Chí Minh luôn tôn trọng đức tin của đồng bào, thấy được mâu thuẫn giữa các hệ ý thức và tôn giáo (tư tưởng gốc), lấy đó làm điểm tương đồng, đồng thuận xã hội để tập hợp, đoàn kết tôn giáo, đoàn kết dân tộc.

Người từng nói: Đức Giêsu có lòng vị tha; Đức Phật có lòng từ bi; Chủ nghĩa Mác có phép biện chứng duy vật; Tôn Dật Tiên có chủ nghĩa tam dân. Bốn vị đó đều có chung mục đích là mưu cầu hạnh phúc cho nhân loại. vì điểm tương đồng đó, nếu cùng thời họ có thể trở thành những người bạn thân thiết....

Người chỉ ra sự đồng thuận giữa mục tiêu của cách mạng với mục đích của những người sáng lập tôn giáo. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: Đức Giêsu hy sinh vì muốn loài người được tự do hạnh phúc, đồng bào ta cả lương và giáo cũng vì tự do và hạnh phúc cho toàn dân mà hy sinh phấn đấu.

Theo Hồ Chí Minh: Thực dân phong kiến thi hành chính sách chia rẽ đồng bào giáo và

lượng để dễ thống trị... đồng bào cả nước giáo và lương đoàn kết chặt chẽ, nhất tâm nhất trí như con một nhà, cương quyết giữ vững nền tự do độc lập.

Có thể thấy Hồ Chí Minh là biểu tượng của sự tôn trọng đức tin của đồng bào có đạo. Một Chánh sứ người Pháp đã viết: “Trong mọi chức tác, mọi phát biểu và trong suốt cuộc đời của Hồ Chí Minh, tuyệt nhiên không thấy Hồ Chí Minh động chạm, phê phán đức tin của các tôn giáo”.

Không ai có thể phủ nhận Hồ Chí Minh là người mác xít theo quan điểm duy vật, nhưng cũng không ai tìm được dù là một biểu hiện rất nhỏ của sự bài xích, chế giễu với một tôn giáo nào bất kì. Ngược lại, Hồ Chí Minh luôn tôn trọng niềm tin của người khác, người không tán thành việc tuyên truyền chủ nghĩa Mác-Lênin trước đồng bào có đạo một cách thô thiển và xúc phạm đến giáo sĩ: “Đối với nông dân Công giáo, có đội đã đưa chủ nghĩa Mác-Lênin ra giải thích. Nhiều cán bộ hề nói đến cha cố không phân biệt tốt xấu, cứ gọi là thằng, làm cho nông dân Công giáo khó chịu”⁴. Trước những luận điệu tuyên truyền, xuyên tạc của kẻ địch rằng: Việt Minh là cộng sản mà cộng sản là vô thần trước sau sẽ diệt đạo, trong một bức thư gửi cho Giám mục Lê Hữu Từ, Người viết: “Nếu Chính phủ là cộng sản, thì tại sao chúng ta lại có những vị tối cao cổ vắn như Đức cha?”

Đường lối và mục đích của Chính phủ nhằm 3 mục tiêu sau đây:

1- Giải phóng nhân dân khỏi đói, khỏi rét (khổ sở) và khỏi đốt.

2- Đem lại cho nhân dân sự tự do, tự do sống, tự do tín ngưỡng

3- Bảo vệ nền độc lập của Tổ quốc.

Nếu cộng sản mà thực hiện những việc trên đây, tôi tin chắc rằng mọi người sẽ chấp nhận thứ Cộng sản đó”⁵. Hồ Chí Minh ít bàn về chủ nghĩa duy tâm với chủ nghĩa duy vật;

hữu thần hay vô thần; có thiên đường địa ngục hay không, nhưng Người luôn giữ lập trường nguyên tắc mác xít và đã vận dụng một cách sáng tạo quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về tôn giáo vào điều kiện cụ thể ở Việt Nam.

Đánh giá về đồng bào Công giáo, Người cho rằng hầu hết họ là người lao động có bản chất tốt, nhưng có hai lí do để họ còn hoài nghi chính sách đối với tôn giáo của Đảng và Chính phủ. Một là bọn cầm đầu xuyên tạc chia rẽ lương giáo. Nhưng về phía chủ quan là chúng ta chưa có “phương pháp thích hợp để vận động đồng bào” và cán bộ ta “kém, có nơi đã có những hành động lỗ lã, phạm đến tín ngưỡng và quyền lợi của đồng bào”⁶.

Một mặt, cần khẳng định rằng người cộng sản luôn tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân; nhưng mặt khác Hồ Chí Minh cũng nghiêm khắc phê phán những kẻ lợi dụng tôn giáo để thôn tính và nô dịch các dân tộc khác.

Ở Việt Nam, về việc kết nạp đảng viên có đạo, Hồ Chí Minh nói rõ: “*có anh em hỏi một người công giáo có thể vào đảng lao động không? Có. Người tôn giáo nào vào cũng được, miễn là trung thành, hăng hái làm nhiệm vụ, giữ đúng kỷ luật của Đảng. Nước ta kinh tế lạc hậu, kỹ thuật kém, tôn giáo là duy tâm, cộng sản là duy vật, nhưng trong điều kiện hiện tại, người theo đạo vẫn vào Đảng được*”⁷. Sẽ không có gì đáng ngạc nhiên khi thấy trong nước ta cũng như trên thế giới có nhiều chức sắc và tín đồ các tôn giáo tham gia đấu tranh cách mạng và nhiệt tâm xây dựng chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản. Và cũng lại không ít những kẻ chẳng có tín ngưỡng, tôn giáo gì vẫn can tâm ôm chân ngoại bang bán rẻ Tổ quốc. Vậy, hiển nhiên là hữu thần hay vô thần, có hay không có tín ngưỡng, tôn giáo không phải là lý do quyết định thái độ chính trị của mỗi người.

Chính vì thế mà những nhà sáng lập ra chủ nghĩa Mác-Lênin cũng như Bác không coi sự khác nhau về thể giới quan là tất yếu dẫn đến đối lập về lập trường và thái độ chính trị. Việc thống nhất ý kiến để xây dựng cảnh cực lạc dưới cội trần còn quan trọng hơn nhiều so với sự thống nhất về việc có thiên đường, địa ngục; thần này thánh khác hay không. Lênin đã từng khuyên rằng, không nên khai thác sự bất đồng thứ yếu nào về mặt tư tưởng, trong khi sự khác nhau về nhận thức, tư tưởng là điều khó tránh.

Tuy nhiên việc gạt bỏ dân thể giới quan duy tâm tôn giáo và tuyên truyền thể giới quan duy vật vẫn là trách nhiệm của Đảng viên. Về điểm này chúng ta lại bắt gặp quan điểm của Phidien Cátxtorô khi ông trả lời linh mục Bét-tơ, ông cho rằng, người ta có thể trở thành người mác xít mà không nhất thiết phải từ bỏ niềm tin Kitô giáo của mình và có thể kết hợp với người cộng sản mác xít để biến đổi thế giới.

Thực tế qua hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, Đảng viên có đạo luôn phát huy được vai trò của mình trong cộng đồng có tín ngưỡng. Họ sẵn sàng hi sinh cả tính mạng vì sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và sự nghiệp đổi mới hiện nay, nhiều đảng viên có đạo cũng đã giữ vững được vai trò lãnh đạo của mình trong đồng bào có tôn giáo.

Hồ Chí Minh luôn tôn trọng những người sáng lập ra một số tôn giáo lớn, tranh thủ, cảm hóa chức sắc quan tâm đến đồng bào có đạo, động viên họ tham gia vào sự nghiệp cách mạng chung của dân tộc.

Lịch sử đã từng chứng kiến có những nhân vật đã từng quay lưng với quá khứ, phủ nhận giá trị lịch sử. Trái lại, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn tôn trọng những giá trị đạo đức, văn hóa của nhân loại dù có phủ bên ngoài một màu sắc tôn giáo để gạt đục khơi trong; để giữ gìn và phát huy.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người Cộng sản đã sớm phát hiện ra những giá trị nhân văn cao cả của các tôn giáo: Chúa Giêsu dạy: Đạo đức là Bác ái; Phật Thích ca dạy: Đạo đức là Từ bi; Khổng Tử dạy: Đạo đức là Nhân nghĩa.

Có lẽ Chủ tịch Hồ Chí Minh là người Cộng sản đầu tiên đã tìm thấy sự tương đồng giữa các học thuyết Cách mạng và tôn giáo đều có một “mẫu số chung”, đó là: “Vi hạnh phúc của con người”. Người ca ngợi tấm lòng bác ái cao cả của Chúa Giêsu, tinh thần đại từ bi cứu độ chúng sinh của Đức Phật Thích Ca và tấm lòng nhân nghĩa của Đức Khổng Tử và coi mục đích cao cả của các vị ấy đều giống nhau.

Chấp nhận những khác biệt về nhận thức, tư tưởng khai thác điểm tương đồng để thu hút, tập hợp quần chúng có tôn giáo cùng tiến hành sự nghiệp cách mạng là điểm đặc sắc của Hồ Chí Minh.

Gắn nhiệm vụ của cách mạng với lý tưởng của những người sáng lập ra tôn giáo là phương pháp độc đáo của Hồ Chí Minh nhằm động viên tín đồ và chức sắc các tôn giáo tham gia cuộc đấu tranh cách mạng.

Để noi gương Chúa, đối với tín đồ Công giáo, Người khuyên: Ở khắp nước, thì đồng bào Công giáo và ngoại Công giáo đương đem cả lực lượng vào kháng chiến và kiến quốc, tinh thần hy sinh phấn đấu ấy tức là noi theo tinh thần cao thượng của Chúa Giêsu.

Người cho rằng: “*Chúng ta kháng chiến cứu nước, thì đưa tăng gia sản xuất và tiết kiệm, cải cách ruộng đất làm cho người cày có ruộng, tín ngưỡng tự do. Như thế là những việc Chính phủ và nhân dân ta làm, đều phù hợp với tinh thần phúc âm. Cho nên đôi chút đồng bào Công giáo làm tròn chính sách của Chính phủ cũng là làm trọn tinh thần của Đức Chúa Cơ Đốc*”⁸.

Trong một bài viết nhân dịp lễ Nôen năm 1953, Hồ Chủ tịch viết: “Đồng bào ta lương cũng như giáo, đoàn kết kháng chiến, ủng hộ

chính sách ruộng đất thực hiện người cày có ruộng tức là làm đúng lời dạy của Chúa Giêsu, tức là thật thà tôn kính chúa Giêsu”⁹⁹.

Đối với tăng ni, Phật tử, trong bức thư gửi đồng bào Phật giáo nhân ngày Đức Phật thành đạo năm 1947, Người nêu rõ: Nay đồng bào ta đại đoàn kết, hi sinh xương máu, kháng chiến đến cùng, để đánh tan thực dân phản động, để cứu quốc dân ra khỏi khổ nạn, để giữ quyền thống nhất và độc lập của Tổ quốc. Thế là chúng ta làm theo lòng đại từ bi của Phật Thích Ca, kháng chiến để đưa giống nòi ra khỏi ải nô lệ.

Làm công tác tôn giáo là luôn phải quan tâm đến mọi sự kiện liên quan đến đồng bào các tôn giáo. Chủ tịch Hồ Chí Minh mau mắn chia vui với linh mục Nguyễn Duy Lộc ra vùng kháng chiến để đi theo cách mạng năm 1946 và cũng kịp thời chia buồn về việc các Giám mục, linh mục, giáo dân ở Vinh bị thương do bom đạn giặc Mỹ năm 1968... Các bài điều linh mục Phạm Bá Trục năm 1954 hay thư gửi bác sĩ Vũ Đình Tụng về việc con trai bác sĩ hy sinh năm 1947 là những áng văn xúc động, thấm đẫm tình người. Người luôn quan tâm đến nhu cầu của đồng bào các tôn giáo từ chuyện sắp xếp chỗ làm lễ cho các linh mục theo kháng chiến đến cho phép linh mục Nguyễn Văn Ngọc được phép mang lương thực, thực phẩm vào tiếp tế cho 600 linh mục, chủng sinh ở Huế đầu năm 1949 vì lý do chiến sự đang diễn ra, từ việc khen thưởng kịp thời cho những giáo sĩ, tín đồ có thành tích xuất sắc đến lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của bà con khi Người về các địa phương...

Trên thực tế, thì cũng có nơi này, nơi kia đã xảy ra các vụ đụng độ giữa Chính quyền và một bộ phận tín đồ, làm cho không ít người phải lo lắng, muốn Chính phủ, Chính quyền phải dùng biện pháp mạnh... Nhưng Chủ tịch Hồ Chí Minh đã bình tĩnh phân tích tình hình, tìm ra nguyên nhân, căn nguyên của các vấn

đề: Một đảng, có những người Công giáo nhe da, cả tin; Một đảng khác, có những cán bộ cấp thấp của Chính phủ thiếu tế nhị, rồi những kẻ gây rối lợi dụng khai thác hai yếu tố trên, nhằm tạo ra bầu không khí căng thẳng, không lành mạnh.

Người đã chủ động trao đổi với các vị chức sắc tôn giáo cao cấp, đưa ra các giải pháp để xử lý đạt hiệu quả... Trong thư gửi Giám mục Lê Hữu Từ đề ngày 23/3/1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: Một đảng, chúng ta cần giải thích cho người Công giáo hiểu rõ chủ trương chính sách của Chính phủ như Đức Cha đang làm. Đảng khác, cần giáo dục cán bộ của Chính phủ như bản thân Tôi đang làm. Như vậy, thì bọn gây rối sẽ không còn có thể chia rẽ chúng ta và sự đoàn kết của toàn dân sẽ được thực hiện.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký ban hành nhiều văn bản, sắc lệnh, để đảm bảo việc sinh hoạt tôn giáo bình thường của Người dân, các cơ sở thờ tự được pháp luật bảo hộ; Nổi tiếng nhất là sắc lệnh 234/SL ra ngày 14/6/1955, với 5 chương - 16 điều, mà đến hôm nay vẫn mang tính thời sự... Đi đến đâu, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nhắc nhở cán bộ, chiến sỹ phải tôn trọng tín ngưỡng tôn giáo của nhân dân. Người luôn nhắc nhở các địa phương nhất là cấp ủy phải quan tâm cả phần xác và phần hồn cho đồng bào có đạo. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đến thăm các di tích linh thiêng của đất nước như đền Hùng, chùa Hương, chùa Côn Sơn, chùa Quán Sứ, chùa Trầm, chùa Thầy, đền Ngọc Sơn, đền Cổ Loa... và luôn luôn tôn trọng không hề bài bác các tôn giáo, tín ngưỡng và phong tục truyền thống của nhân dân. Người hết sức trân trọng giá trị tâm linh, thấp hương khởi phát giá trị linh diệu của các bậc Thánh, Phật, Chúa, Thần, anh linh anh hùng dân tộc, danh nhân văn hóa. Duy nhất trước Phật đài tôn nghiêm, Người đọc lời thề: trước Phật đài tôn nghiêm, trước quốc dân đồng bào... tôi xin

thề hi sinh đem thân phần đầu để giữ vững nền độc lập cho Tổ quốc... hy sinh cả tính mạng tôi cũng không từ. Tôi kính cẩn cầu nguyện Đức Phật bảo hộ Tổ quốc và đồng bào ta.

Chủ tịch Hồ Chí Minh biểu dương những cán bộ ở cơ sở biết giúp đỡ nhân dân trong sinh hoạt tôn giáo, như trang trí Nhà thờ nhân dịp lễ trọng hay chăm lo nơi dâng lễ của các Linh mục đi kháng chiến. Chính bản thân Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi nhiều thư cho đồng bào có đạo nhân dịp lễ Giáng sinh, lễ Phật đản hàng năm, chia vui với bà con về những thành tích trong lao động sản xuất, chiến đấu, thăm hỏi chức sắc khi đau yếu, chia buồn với Họ khi có tin không vui...

Trong công tác đối ngoại tôn giáo, lúc sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã giành thời giờ đi thăm đồng bào có đạo và chức sắc tôn giáo không chỉ là Người Việt, mà còn cả là người nước ngoài. Người đi thăm Linh mục Ataraz ở Bắc Ninh, Linh Mục Mayor ở Bắc Giang. Người tạo điều kiện để các Giám mục Việt Nam gửi thư cho Tòa thánh Vatican và cộng đồng Kitô hữu thế giới ủng hộ nền độc lập của nước Việt Nam năm 1945. Người cũng mau chóng gửi điện thư cảm ơn Đức giáo hoàng Phaolô VI về giải pháp lập lại hòa bình cho Việt Nam ngày 14/02/1967...

Một cách ứng xử rất hay của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với vấn đề tôn giáo, mà những cán bộ làm công tác tôn giáo ngày nay cần học tập và làm theo, đó là cần biết phối hợp, cộng tác với các chức sắc tôn giáo, nhất là các chức sắc cao cấp để xử lý các vụ việc liên quan đến tôn giáo, hay vận động đồng bào có đạo, vì họ là những Người thường có uy tín trong việc này...

Kế thừa và phát huy những giá trị tốt đẹp trong tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo, Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XII khẳng định: *“Tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo, phát huy những giá trị*

văn hóa, đạo đức tốt đẹp của các tôn giáo. Quan tâm và tạo điều kiện cho các tổ chức tôn giáo sinh hoạt theo hiến chương, điều lệ của tổ chức tôn giáo đã được nhà nước công nhận, theo quy định của pháp luật, đóng góp tích cực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. Đồng thời chủ động phòng ngừa, kiên quyết đấu tranh với những hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc hoặc những hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo trái quy định của pháp luật.”

Có thể nói, việc tìm hiểu, nghiên cứu ứng xử của Hồ Chí Minh với tôn giáo là một vấn đề quan trọng đối với thực tiễn Việt Nam hiện nay, thực hiện tốt Chỉ thị số 05 của Bộ Chính trị ngày 15/5/2016 về “Học tập và làm theo tư tưởng đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” và Hướng dẫn số 108-HD/BTGTW, ngày 04/12/2019, Ban Tuyên giáo Trung ương về học tập chuyên đề năm 2020 “Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”.../.

Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, t.9, tr.176

²*Hồ Chí Minh: Sđd, 1996, t.10, tr.591*

³*Trần Tam Tinh: Thập giá và lưỡi gươm. Nxb. Trẻ Thành phố Hồ Chí Minh, 1998, tr.73*

⁴*Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1990, t.7, tr.332*

⁵*Trần Tam Tinh: Thập giá và lưỡi gươm. Nxb. Trẻ Thành phố Hồ Chí Minh, 1998, tr.74*

⁶*Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1990, t.6, tr.461*

⁷*Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.115*

⁸*Hồ Chí Minh: về vấn đề tôn giáo tín ngưỡng, Nxb Khoa học và xã hội, Hà Nội, 1998, t.5, tr.276*

⁹*Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.60*

TÌM HIỂU QUAN ĐIỂM CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HOÁ

ThS. LÊ THỊ THU HUYỀN
Phó Trưởng Khoa Xây dựng Đảng

Quan triệt những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề văn hóa, Đảng Cộng sản Việt Nam và Hồ Chí Minh luôn đề cao vị trí, vai trò của văn hóa đối với sự nghiệp cách mạng chung của dân tộc. Trong phạm vi bài viết này xin đề cập đến quan điểm văn hoá của Hồ Chí Minh ở 3 góc độ: vai trò của văn hoá; tính chất của văn hoá và nội dung của văn hoá.

Trước hết, quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của văn hoá.

Lược cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương do Hồ Chí Minh soạn thảo chủ trương nâng cao dân trí, tự do báo chí. Mục tiêu quan trọng nhất của vấn đề mở mang dân trí mà Người và Đảng ta hướng tới là: tự do xem sách báo; tự do mở trường; tự do làm sách, báo.

Cùng với cách nhìn rộng mở về văn hóa như Đề cương về văn hóa Việt Nam, Hồ Chí Minh đã nêu lên một khái niệm về văn hóa: *“Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ sinh hoạt hằng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa. Văn hóa là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó, mà*

loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn”¹.

Cùng với việc chỉ rõ nội hàm của văn hóa, Người phân tích và luôn nhấn mạnh mối quan hệ biện chứng giữa văn hóa với kinh tế, chính trị, xã hội. Nếu trước năm 1945, Hồ Chí Minh nói về văn hóa theo nghĩa rộng thì sau Cách mạng tháng Tám thành công, đất nước ta bước vào xây dựng chế độ mới và cuộc sống mới, văn hóa được Người xác định là đời sống tinh thần của xã hội. Văn hóa được đặt ngang hàng với chính trị, kinh tế, xã hội, tạo thành những vấn đề chủ yếu của cách mạng.

Lý giải về mối quan hệ mật thiết của bốn vấn đề này, Hồ Chí Minh chỉ rõ: chính trị, xã hội có được giải phóng thì văn hóa mới được giải phóng. Xây dựng kinh tế để tạo điều kiện cho việc xây dựng và phát triển văn hóa. Muốn tiến lên chủ nghĩa xã hội thì phải phát triển kinh tế và văn hóa. Phải phát triển kinh tế và văn hóa để nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân. Trong sự nghiệp cách mạng đó, văn hóa “không thể đứng ngoài mà phải ở trong kinh tế và chính trị”². Trong diễn văn khai mạc Hội nghị văn hóa toàn quốc lần thứ nhất, ngày 24-4-1946, Người chỉ rõ: *“Văn hóa có liên lạc với chính trị rất là mật thiết. Phải làm thế nào cho văn*

hóa vào sâu trong tâm lý của quốc dân, nghĩa là văn hóa phải sửa đổi được tham nhũng, lười biếng, phù hoa, xa xỉ. Tâm lý của ta lại còn muốn lấy tự do, độc lập làm gốc. Văn hóa phải làm thế nào cho ai cũng có lý tưởng tự chủ, độc lập, tự do”³.

Thấm nhuần quan điểm về văn hóa và việc xây dựng nền văn hóa mới của Đề cương về văn hóa Việt Nam và tư tưởng chỉ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tại Hội nghị văn hóa toàn quốc lần thứ hai, năm 1948, Tổng Bí thư Trường Chinh công bố tác phẩm Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt Nam. Đây là văn kiện lý luận đầu tiên của Đảng vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin để giải quyết những vấn đề văn hóa Việt Nam, thể hiện trình độ lý luận và nhận thức của Đảng đã được nâng lên một bước.

Tác phẩm “Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt Nam” là sự kế thừa, mở rộng và phát triển Đề cương về văn hóa Việt Nam, với nội dung cơ bản của chiến lược văn hóa trong thời kỳ cách mạng dân tộc, dân chủ là xây dựng “nền văn hóa mới Việt Nam phải theo ba nguyên tắc “dân tộc hóa, khoa học hóa, đại chúng hóa”. Trên cơ sở chiến lược văn hóa đó, văn hóa - văn nghệ được xác định là một mặt trận và văn nghệ sĩ là chiến sĩ trên mặt trận ấy. Khẩu hiệu hành động là kháng chiến hóa văn hóa và văn hóa hóa kháng chiến.

Thứ hai, quan điểm của Hồ Chí Minh về tính chất của văn hoá.

Trong quá trình lãnh đạo xây dựng nền văn hóa mới Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh xuất phát từ một nguyên lý tư tưởng mới về truyền thống và hiện đại. Nền văn hóa mới phải kế tục những sức mạnh nội sinh của nền văn hóa truyền thống. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc

lần thứ II của Đảng (2-1951), Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ phương thức cơ cấu lại nền văn hóa truyền thống trong giai đoạn mới của lịch sử dân tộc là: “Xúc tiến công tác văn hóa để đào tạo con người mới và cán bộ mới cho công cuộc kháng chiến kiến quốc. Phải triệt để tẩy trừ mọi di tích thuộc địa và ảnh hưởng nô dịch của văn hóa đế quốc. Đồng thời, phát triển những truyền thống tốt đẹp của văn hóa dân tộc và hấp thụ những cái mới của văn hóa tiến bộ thế giới, để xây dựng một nền văn hóa Việt Nam có tính dân tộc, khoa học và đại chúng”⁴. Chủ trương trên đây thể hiện quan điểm rõ ràng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về giá trị văn hoá dân tộc. Người cho rằng, càng thấm nhuần chủ nghĩa Mác - Lênin bao nhiêu càng phải coi trọng những truyền thống văn hoá tốt đẹp của cha ông bấy nhiêu và đòi hỏi chúng ta phải biết giữ gìn vốn văn hoá quý báu của dân tộc, khôi phục những yếu tố tích cực trong kho tàng văn hoá dân tộc, loại bỏ những yếu tố tiêu cực trong đời sống văn hoá tinh thần của nhân dân. Đây là quan điểm bảo tồn bản sắc văn hoá dân tộc có chọn lọc của Hồ Chí Minh. Người rất quan tâm đến những di sản văn hoá dân tộc. Đối với Người, những làn điệu dân ca, những áng thơ cổ là một phần không thể thiếu trong đời sống tinh thần. Tư tưởng bảo tồn vốn quý văn hoá dân tộc được Hồ Chí Minh thể hiện qua nhiều bài nói, bài viết của mình, đặc biệt là trong Sắc lệnh về bảo tồn tất cả cổ tích trong toàn cõi Việt Nam ký ngày 23 - 11 - 1945; trong đó, quy định rõ nhiệm vụ và quyền hạn của Đông phương bác cổ học viện.

Theo Người, nền văn hóa mới phải kế tục những giá trị tốt đẹp của nền văn hóa truyền thống, nhưng khác về chất so với văn hóa

truyền thống vì đã phát triển những giá trị truyền thống và hấp thụ những cái mới của văn hóa tiến bộ. Vận dụng nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn cuộc cách mạng giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, nhằm hình thành và phát triển những yếu tố hiện đại của văn hoá dân tộc phù hợp với những đặc điểm mới của đất nước và thời đại, Hồ Chí Minh đã chủ trương thực hiện 5 điểm cơ bản:

“1. *Xây dựng tâm lý: tinh thần độc lập tự cường.*

2. *Xây dựng luân lý: biết hy sinh mình, làm lợi cho quần chúng.*

3. *Xây dựng xã hội: mọi sự nghiệp có liên quan đến phúc lợi của nhân dân trong xã hội.*

4. *Xây dựng chính trị: dân quyền.*

5. *Xây dựng kinh tế.*”⁵

Sau cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi, Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo nhân dân xác lập cơ sở hạ tầng mới để thực hiện mục tiêu mà cách mạng văn hóa Đông Dương phải thực hiện là văn hóa xã hội chủ nghĩa. Năm 1957, Người xác định: “*Cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa là một cuộc biến đổi khó khăn nhất và sâu sắc nhất. Chúng ta phải xây dựng một xã hội hoàn toàn mới xưa nay chưa từng có trong lịch sử dân tộc ta. Chúng ta phải thay đổi triệt để những nếp sống, thói quen, ý nghĩ và thành kiến có gốc rễ sâu xa hàng ngàn năm... Chúng ta phải biến một xã hội dốt nát, cực khổ thành một nước văn hóa cao và đời sống tươi vui hạnh phúc*”⁶.

Thứ ba, quan điểm của Hồ Chí Minh về nội dung của văn hoá.

Trong công cuộc xây dựng xã hội mới, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: “*Để phục vụ sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa thì văn hóa phải xã hội chủ nghĩa về nội dung và dân tộc về hình thức*”⁷. Nội dung xã hội chủ nghĩa của văn hóa phải được xác lập trên cơ sở cái đúng, cái tốt, cái đẹp. Đó là nền văn hóa “có thuần phong mỹ tục”, đa dạng và phong phú. Hồ Chí Minh cho rằng, hình thức dân tộc của văn hóa không phải là cái cũ, cái lỗi thời mà là yếu tố hiện đại, cái đã tiếp biến vào dân tộc Việt Nam. Tính dân tộc là một hệ mở, vừa lưu giữ, vừa đổi mới. Người chỉ rõ: “*Không chú trọng đến đặc điểm của dân tộc mình trong khi học tập kinh nghiệm của các nước anh em là sai lầm nghiêm trọng, là phạm chủ nghĩa giáo điều. Nhưng quá nhấn mạnh đặc điểm dân tộc để phủ nhận giá trị phổ biến của những kinh nghiệm lớn, cơ bản của các nước anh em thì sẽ mắc phải sai lầm nghiêm trọng của chủ nghĩa xét lại*”⁸. Cùng mạch nguồn của một nền văn hóa có tính dân tộc, Đại hội III của Đảng (1960) xác định: cách mạng tư tưởng - văn hóa phải tiến hành đồng thời với cuộc cách mạng kỹ thuật và cách mạng quan hệ sản xuất để xây dựng chủ nghĩa xã hội; nội dung chủ yếu của đường lối văn hoá những năm 1960-1975 là xây dựng nền văn hóa nghệ thuật có nội dung xã hội chủ nghĩa. Nhờ đường lối văn hóa, văn nghệ đúng đắn, sáng tạo của Đảng mà qua hai cuộc kháng chiến, chúng ta đã xây dựng được một nền văn hóa cung cấp đủ năng lượng tinh thần cho hàng triệu con người Việt Nam trở thành những chiến sĩ xả thân vì lý tưởng “Không có gì quý hơn độc lập tự do”. Trên nền văn hóa ấy, văn học - nghệ thuật nước ta xứng đáng

đứng vào hàng ngũ tiên phong của những nền văn học, nghệ thuật chống đế quốc và phong kiến. Sau khi thống nhất đất nước, Đảng xác định nhiệm vụ trọng tâm của cuộc cách mạng tư tưởng - văn hóa là xây dựng nền văn hóa mới và con người mới xã hội chủ nghĩa; đồng thời, tiến hành tuyên truyền, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm, đường lối của Đảng cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân; tiến hành đấu tranh chống tư tưởng văn hóa phản động của chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV, V của Đảng chỉ rõ, nhiệm vụ trung tâm của cách mạng văn hóa trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước là xây dựng nền văn hóa có nội dung xã hội chủ nghĩa và tính dân tộc. Nền văn hóa đó vừa hấp thụ có chọn lọc những thành quả của văn minh nhân loại, vừa kết tinh và nâng lên một tầm cao mới những giá trị tốt đẹp nhất trong truyền thống bốn ngàn năm của văn hóa Việt Nam. Thực tiễn xây dựng đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội những năm 1975 - 1986 và hơn ba mươi năm đổi mới đã giúp Đảng ta nhận thức rõ: đồng thời với việc xây dựng kinh tế phải coi trọng các vấn đề văn hóa; giải quyết tốt mối quan hệ đó sẽ tạo tiền đề cho đất nước phát triển bền vững. Thấm nhuần quan điểm Hồ Chí Minh về văn hoá, trong Báo cáo chính trị tại Đại hội XII của Đảng một lần nữa khẳng định: xây dựng, phát triển văn hoá, con người; quản lý phát triển xã hội; thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội.

Quan điểm của Hồ Chí Minh về văn hoá là kim chỉ nam để Đảng ta hoạch định đường lối, sách lược phát triển văn hoá qua các giai

đoạn cách mạng. Những quan điểm của Người không những làm phong phú thêm kho tàng văn hoá của dân tộc, mà còn góp phần vào sự tiến bộ và phát triển nền văn minh của nhân loại. Công lao to lớn này đã được UNESCO khẳng định trong Nghị quyết về tổ chức kỷ niệm 100 năm ngày sinh của Người: Sự đóng góp của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong các lĩnh vực văn hoá, giáo dục, nghệ thuật là kết tinh truyền thống hàng ngàn năm của nhân dân Việt Nam và những tư tưởng của Người là hiện thân của các dân tộc, tiêu biểu cho việc thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau. Người là vị anh hùng giải phóng dân tộc của Việt Nam và là nhà văn hoá kiệt xuất./.

Hồ Chí Minh, Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tập 3, tr.431.

² *Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện của Đảng và Nhà nước về văn hóa, văn nghệ (từ 1943 đến 1968), Nxb Sự thật, Hà Nội, 1970, tr.588.*

³ *Hồ Chí Minh, Về công tác văn hóa văn nghệ, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1977, tr.90.*

⁴ *Hồ Chí Minh, Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tập 6, tr.173.*

⁵ *Hồ Chí Minh. Toàn tập, t.3. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.431*

⁶ *Hồ Chí Minh, Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tập 8, tr.493-494.*

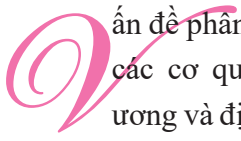
⁷ *Hồ Chí Minh, Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tập 10, tr.60.*

⁸ *Hồ Chí Minh, Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tập 8, tr.199.*

NHỮNG QUY ĐỊNH MỚI VỀ PHÂN QUYỀN, PHÂN CẤP VÀ ỦY QUYỀN TRONG LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT TỔ CHỨC CHÍNH PHỦ VÀ LUẬT TỔ CHỨC CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2019

ThS. CAO THỊ HÀ

Khoa Nhà nước và pháp luật

 Vấn đề phân định thẩm quyền giữa các cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền địa phương luôn là vấn đề cơ bản trong tổ chức thực hiện quyền lực nhà nước để bảo đảm thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nhà nước đồng thời để tạo tính chủ động, linh hoạt cho chính quyền địa phương. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII xác định: “Hoàn thiện cơ chế phân cấp... Phân định rõ quyền hạn và trách nhiệm trong quản lý kinh tế, xã hội giữa Trung ương và địa phương, bảo đảm sự tập trung, thống nhất quản lý của Trung ương và phát huy tính chủ động, tự chịu trách nhiệm của các cấp chính quyền địa phương”. Thể chế hóa quan điểm của Đảng, Điều 112 Hiến pháp năm 2013 quy định: “Nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương được xác định trên cơ sở phân định thẩm quyền giữa các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương và của mỗi cấp chính quyền địa phương. Trong trường hợp cần thiết, chính quyền địa phương được giao thực hiện một số nhiệm vụ của cơ quan nhà nước cấp trên với các điều kiện bảo đảm thực hiện nhiệm vụ đó”. Cụ thể hóa quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương trong

Hiến pháp năm 2013, khoản 1 Điều 11 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (sau đây gọi là Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015) nêu rõ: “Nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương các cấp được xác định trên cơ sở phân định thẩm quyền giữa các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương và của mỗi cấp chính quyền địa phương theo hình thức phân quyền, phân cấp”. Như vậy, việc phân định thẩm quyền quản lý nhà nước giữa chính quyền trung ương và chính quyền địa phương, giữa các cấp chính quyền địa phương được thực hiện thông qua các quy định về phân quyền, phân cấp và ủy quyền.

Để tạo cơ sở pháp lý rõ ràng trong việc xác định thẩm quyền của mỗi cấp chính quyền địa phương cũng như cơ chế trong việc phân quyền, phân cấp, ủy quyền phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra trong tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 đã thể hiện vấn đề này bằng bốn điều luật, từ Điều 11 đến Điều 14, đó là: Điều 11 (Phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương), Điều 12 (Phân quyền cho chính quyền địa phương), Điều 13 (Phân cấp cho chính quyền địa phương), Điều 14 (Ủy quyền cho cơ quan

hành chính nhà nước ở địa phương). Thông qua các quy định này đã làm cho hoạt động của chính quyền địa phương có nhiều đổi mới, bộ máy nhà nước ở địa phương năng động, hiệu quả hơn.

Tuy nhiên, sau 03 năm thi hành trong thực tiễn, có thể thấy, một số quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 về phân quyền, phân cấp, ủy quyền còn chung chung, gây khó khăn trong việc áp dụng và phần nào hạn chế hoạt động của chính quyền địa phương các cấp. Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 còn thiếu các quy định cụ thể về các điều kiện cần thiết để chính quyền địa phương các cấp thực hiện nhiệm vụ khi được phân quyền, phân cấp, ủy quyền, thiếu các quy định tạo cơ sở pháp lý cho các luật chuyên ngành quy định cụ thể các nhiệm vụ, quyền hạn của các cấp chính quyền địa phương trong các lĩnh vực.

Để khắc phục những vướng mắc, hạn chế nêu trên, ngày 22 tháng 11 năm 2019, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 8 thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sau đây gọi là Luật sửa đổi, bổ sung năm 2019). Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2020. Theo đó, các quy định về phân quyền, phân cấp và ủy quyền có nhiều sửa đổi, bổ sung so với Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015. Cụ thể là:

Thứ nhất, về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương

Khoản 2 Điều 11 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 quy định về các nguyên tắc phân định thẩm quyền. Tại

điểm e khoản 2 Điều 11 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015: *“Chính quyền địa phương được bảo đảm nguồn lực để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn đã được phân quyền, phân cấp và chịu trách nhiệm trong phạm vi được phân quyền, phân cấp”*. Thực tiễn thi hành có thể thấy, quy định về *“được bảo đảm nguồn lực”* chưa thật cụ thể để chính quyền địa phương chủ động và đủ năng lực để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn đã được phân quyền, phân cấp. Mặt khác, quy định trên cũng chưa đặt ra yêu cầu về việc kiểm tra, thanh tra của chính quyền trung ương đối với hoạt động của chính quyền địa phương, giữa chủ thể phân quyền, phân cấp và chủ thể được phân quyền, phân cấp trong quá trình phân cấp, phân quyền. Vì vậy, dẫn đến tình trạng một số cơ quan, cá nhân có thẩm quyền lợi dụng việc được phân quyền, phân cấp để ban hành các quyết định quản lý theo hướng có lợi cho địa phương, vi phạm các quy định về quản lý nhà nước do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ở trung ương ban hành, không bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ và pháp chế xã hội chủ nghĩa trong hoạt động quản lý nhà nước ở địa phương.

Để bảo đảm hơn tính khả thi khi áp dụng các quy định trên, khắc phục một số bất cập, vướng mắc từ thực tiễn triển khai thực hiện quy định trên ở các địa phương trong hơn 03 năm qua, khoản 4 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung năm 2019 sửa đổi, bổ sung như sau: *“e) Việc phân quyền, phân cấp cho các cấp chính quyền địa phương phải bảo đảm điều kiện về tài chính, nguồn nhân lực và các điều kiện cần thiết khác; gắn phân quyền, phân cấp với cơ chế kiểm tra, thanh tra khi thực hiện phân*

quyền, phân cấp. Chính quyền địa phương thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn đã được phân quyền, phân cấp và chịu trách nhiệm trong phạm vi được phân quyền, phân cấp”.

Luật sửa đổi, bổ sung năm 2019 đã quy định rõ việc bảo đảm các điều kiện cụ thể về ngân sách, nguồn nhân lực và các điều kiện cần thiết khác cho chính quyền địa phương thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn đã được phân quyền, phân cấp, đảm bảo cho các thẩm quyền đó được thực hiện một cách có hiệu lực, hiệu quả trên thực tế; đồng thời khi phân quyền, phân cấp phải gắn phân quyền, phân cấp với trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong việc kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn. Như vậy, phân quyền, phân cấp phải đi đôi với kiểm soát thực thi quyền lực để ngăn ngừa, phát hiện phục kịp và có chế tài xử lý nghiêm minh tình trạng cục bộ, cát cứ địa phương, tham nhũng, lãng phí ở các cơ quan nhà nước ở địa phương, bảo đảm thực hiện hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước ở địa phương, bảo vệ người dân khỏi sự lạm dụng quyền hạn từ các cơ quan nhà nước ở địa phương.

Thứ hai, về phân quyền cho chính quyền địa phương

Khoản 1 Điều 12 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 nêu rõ: “1. Việc phân quyền cho mỗi cấp chính quyền địa phương phải được quy định trong các luật”. Quy định này được làm rõ hơn tại khoản 5 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung năm 2019: “1. Việc phân quyền cho các cấp chính quyền địa phương phải được quy định trong luật. Trong trường hợp này, luật phải quy định

nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể mà chính quyền địa phương không được phân cấp, ủy quyền cho cơ quan nhà nước cấp dưới hoặc cơ quan, tổ chức khác”.

Như vậy, Luật sửa đổi, bổ sung năm 2019 đã thay cụm từ “mỗi cấp” thành “các cấp” và “trong các luật” thành “trong luật” để làm rõ hơn rằng: về nguyên tắc việc phân quyền, phân cấp cho cho các cấp chính quyền địa phương (bao gồm cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã) trước hết phải căn cứ vào nhiệm vụ, quyền hạn đã quy định trong Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Các luật chuyên ngành khi quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn của các cấp chính quyền địa phương trong các lĩnh vực chuyên ngành phải trên cơ sở các quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương về phân quyền, phân cấp để bảo đảm đúng luật, không chồng chéo nhiệm vụ, quyền hạn giữa các cơ quan. Mặt khác, các luật chuyên ngành khi quy định nhiệm vụ, quyền hạn cho chính quyền địa phương các cấp phải quy định cụ thể các nhiệm vụ, quyền hạn mà chính quyền địa phương ở từng cấp không được phân cấp, ủy quyền cho cơ quan nhà nước cấp dưới hoặc cơ quan, tổ chức khác. Việc sửa đổi này bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất giữa Luật Tổ chức chính quyền địa phương với các luật chuyên ngành, tránh được việc phân cấp, ủy quyền tràn lan, chồng chéo làm giảm hiệu lực quản lý trong thực hiện nhiệm vụ, thẩm quyền của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Thứ ba, về phân cấp cho chính quyền địa phương

Việc phân cấp cho chính quyền địa phương được quy định tại khoản 3 Điều 13 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm

2015: “Cơ quan nhà nước cấp trên khi phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn cho chính quyền địa phương hoặc cơ quan nhà nước cấp dưới phải bảo đảm các nguồn lực và điều kiện cần thiết khác để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn mà mình phân cấp; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đã phân cấp và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn mà mình phân cấp”.

Để chính quyền địa phương hoặc cơ quan nhà nước cấp dưới có đủ điều kiện cụ thể đảm bảo thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, khoản 6 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung năm 2019 sửa lại quy định trên như sau: “3. Cơ quan nhà nước cấp trên khi phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn cho chính quyền địa phương hoặc cơ quan nhà nước cấp dưới phải bảo đảm điều kiện về tài chính, nguồn nhân lực và điều kiện cần thiết khác để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn mà mình phân cấp; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đã phân cấp và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn mà mình phân cấp”.

Thứ tư, về ủy quyền cho cơ quan, tổ chức, cá nhân ở địa phương

Khoản 1,2 Điều 14 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 quy định về việc ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp dưới, cơ quan, tổ chức khác. Cụ thể là:

“1. Trong trường hợp cần thiết, cơ quan hành chính nhà nước cấp trên có thể ủy quyền bằng văn bản cho Ủy ban nhân dân cấp dưới hoặc cơ quan, tổ chức khác thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong khoảng thời gian xác định kèm theo các điều kiện cụ thể.

2. Cơ quan hành chính nhà nước cấp trên khi ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp dưới hoặc cơ quan, tổ chức khác phải bảo đảm các nguồn lực và điều kiện cần thiết khác để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn mà mình ủy quyền; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đã ủy quyền và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn mà mình đã ủy quyền”.

Để khắc phục những vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện quy định về ủy quyền, khoản 6 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung năm 2019 sửa lại là:

“1. Trong trường hợp cần thiết, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 12 của Luật này, cơ quan hành chính nhà nước cấp trên có thể ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp dưới trực tiếp, Ủy ban nhân dân có thể ủy quyền cho cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp hoặc đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân có thể ủy quyền cho Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp, người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp dưới trực tiếp thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong khoảng thời gian xác định kèm theo các điều kiện cụ thể. Việc ủy quyền phải được thể hiện bằng văn bản.

2. Việc ủy quyền quy định tại khoản 1 Điều này phải bảo đảm điều kiện về tài chính, nguồn nhân lực và các điều kiện cần thiết khác để thực hiện. Cơ quan, tổ chức, cá nhân ủy quyền có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đã ủy quyền và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn mà mình đã ủy quyền.”.

Việc sửa đổi trên đã làm rõ hơn về các chủ thể ủy quyền và chủ thể được ủy quyền, bảo đảm quy định chặt chẽ, gắn với cơ chế chịu trách nhiệm của chủ thể ủy quyền và chủ thể được ủy quyền, tránh trường hợp ủy quyền tràn lan dẫn đến khi xảy ra vi phạm trong hoạt động quản lý thì không có tổ chức, cá nhân nào chịu trách nhiệm. Mặt khác, quy định trên cũng đã làm rõ việc ủy quyền phải bảo đảm đầy đủ điều kiện để cơ quan, cá nhân được ủy quyền thực hiện nhiệm vụ đó. Các điều kiện có thể là nguồn lực tài chính, nguồn lực con người, các phương tiện máy móc, kỹ thuật hay hỗ trợ các chuyên gia v.v... Đây là những điều kiện tiên quyết để cơ quan, cá nhân được ủy quyền thực hiện nhiệm vụ của cơ quan nhà nước cấp trên - cơ quan ủy quyền.

Phân cấp, phân quyền và ủy quyền là những nội dung quan trọng trong cải cách bộ máy nhà nước nói chung và cải cách nền hành chính quốc gia nói riêng. Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020 ban hành theo Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 đề ra nhiệm vụ: *“Hoàn thiện cơ chế phân cấp, bảo đảm quản lý thống nhất về tài nguyên, khoáng sản quốc gia; quy hoạch và có định hướng phát triển; tăng cường giám sát, kiểm tra, thanh tra; đồng thời đề cao vai trò chủ động, tinh thần trách nhiệm, nâng cao năng lực của từng cấp, từng ngành”*. Cùng với quá trình xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, cải cách nền hành chính nhà nước và dân chủ hóa mọi mặt đời sống nhà nước và xã hội, việc phân định thẩm quyền quản lý giữa chính quyền trung ương

và địa phương, giữa các cấp chính quyền địa phương ngày càng đầy đủ và toàn diện hơn có ý nghĩa cực kỳ quan trọng nhằm khai thác tốt nhất những tiềm năng, thế mạnh và khắc phục kịp thời những hạn chế, khó khăn của mỗi địa phương, mỗi vùng, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước ở nước ta hiện nay. Luật sửa đổi, bổ sung năm 2019 được ban hành nhằm thể chế hóa các chủ trương của Đảng, trọng tâm là Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương khóa XII *“Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”*, thực hiện Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội *“Về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”*, bảo đảm sự phù hợp hơn với các quy định của Hiến pháp năm 2013 và đáp ứng yêu cầu thực tiễn đặt ra. Luật sửa đổi, bổ sung năm 2019 làm rõ hơn các nội dung liên quan đến thực hiện cơ chế phân quyền, phân cấp, ủy quyền, giải quyết tốt hơn một số vấn đề trong bảo đảm sự phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương. Việc thực hiện phân quyền, phân cấp rõ ràng hơn, quyết liệt hơn là để phát huy được tính chủ động, sáng tạo, trách nhiệm của chính quyền địa phương trong quản lý, sử dụng các nguồn lực ở địa phương, đưa nền hành chính sát hơn với những đặc điểm kinh tế - xã hội cụ thể của địa phương, góp phần giải quyết kịp thời và phục vụ tốt hơn các yêu cầu của tổ chức và nhân dân tại địa phương./.

XÂY DỰNG SỰ ĐOÀN KẾT, THỐNG NHẤT TRONG ĐẢNG LÀ CƠ SỞ VỮNG CHẮC ĐỂ ĐOÀN KẾT DÂN TỘC

CN. TRẦN VĂN TOÀN
Khoa Xây dựng Đảng

Năm 2020 là năm có nhiều sự kiện lịch sử trọng đại của dân tộc, là năm kỷ niệm 130 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, năm tiến hành đại hội đảng các cấp tiến tới đại hội XIII của Đảng, vì vậy, xây dựng sự đoàn kết và thống nhất trong Đảng là vấn đề hết sức cần thiết trong giai đoạn hiện nay.

Là Người sáng lập, rèn luyện Đảng ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến công tác xây dựng Đảng. Người cho rằng sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Trong công tác xây dựng Đảng, vấn đề đoàn kết thống nhất trong Đảng là một trong những nguyên tắc cơ bản nhất, là sự vận động và phát triển theo đúng quy luật của Đảng. Đoàn kết, thống nhất trong Đảng là cơ sở để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Vì vậy, xây dựng và giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng luôn được Chủ tịch Hồ Chí Minh coi là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, là nền tảng cho mọi thành công. Đoàn kết, thống nhất không chỉ là vấn đề sinh tử của từng tổ chức đảng các cấp, mà còn là sinh mệnh của toàn Đảng, là vấn đề sống còn của cách mạng Việt Nam. Đảng Cộng sản là một bộ phận trong hệ thống chính trị nhưng là lực lượng lãnh đạo, là linh hồn của khối đại đoàn kết toàn dân, cho nên “sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng là quan trọng hơn bao giờ hết”. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: Đoàn kết là một truyền thống quý báu và “đoàn kết là một lực lượng vô địch của chúng ta để khắc phục khó

khăn, giành lấy thắng lợi”¹. Cơ sở để xây dựng đoàn kết thống nhất trong Đảng chính là đường lối, quan điểm và Điều lệ của Đảng; là thực hiện nghiêm túc các nguyên tắc về xây dựng Đảng; là phát huy vai trò gương mẫu trong mọi lĩnh vực công tác cũng như cuộc sống đời thường của đội ngũ cán bộ, đảng viên...

Đoàn kết, thống nhất trong Đảng là một trong những yếu tố quan trọng tạo nên sức mạnh của Đảng để lãnh đạo nhân dân ta vượt qua muôn vàn thử thách, khó khăn, hoàn thành thắng lợi các mục tiêu cách mạng. Đoàn kết trong Đảng được hình thành từ chính truyền thống đoàn kết của dân tộc Việt Nam qua hàng nghìn năm lịch sử trong công cuộc dựng nước và giữ nước, được phát triển ngày càng phong phú, khắc họa ngày càng đậm nét trong văn hoá, bản sắc dân tộc và là bộ phận hợp thành sức mạnh dân tộc. Vì vậy, đoàn kết, thống nhất trong Đảng là cơ sở vững chắc để xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân. Bởi vì, nhân dân không chỉ tin vào Đảng có đường lối đúng đắn, sáng tạo, nhân dân ta còn tin tưởng vào sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, hướng về Đảng, chung sức xây dựng, bảo vệ Tổ quốc. Đoàn kết, thống nhất trong Đảng còn có vai trò và tác dụng to lớn để đoàn kết dân tộc và sự gắn bó máu thịt giữa Đảng với nhân dân tạo nên sức mạnh vĩ đại để dân tộc ta vượt qua muôn vàn thách thức, chiến thắng mọi kẻ thù để đi tới thắng lợi.

Do đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Bây giờ còn một điểm rất quan trọng cũng là

Hai là, phải tôn trọng và giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ. Thực tế, Đảng có sức mạnh khi mọi tổ chức Đảng và đảng viên tuân thủ nghiêm ngặt những nguyên tắc sinh hoạt Đảng, đặc biệt là nguyên tắc tập trung dân chủ. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng căn dặn: “Trong Đảng thực hành dân chủ rộng rãi, thường xuyên và nghiêm chỉnh tự phê bình và phê bình là cách tốt nhất để củng cố và phát triển sự đoàn kết và thống nhất của Đảng. Phải có tình đồng chí yêu thương lẫn nhau”³. Đảng chỉ mạnh thực sự khi trong Đảng có sự đoàn kết thống nhất cả trong tư tưởng, hành động và tổ chức. Chỉ trên cơ sở đoàn kết thống nhất, dân chủ thì đảng viên mới thực sự trung thực, thẳng thắn, chân thành với nhau giúp nhau nhận rõ khuyết điểm sai lầm để cùng tiến bộ. Mọi sự rạn nứt, mất đoàn kết trong nội bộ Đảng đều bắt nguồn từ sự buông lỏng nguyên tắc tập trung dân chủ và không chú trọng công tác kiểm tra, giám sát, không thường xuyên tự phê bình và phê bình. Vì vậy, muốn đoàn kết và thống nhất thật sự trong tư tưởng và hành động, nhất định phải phát huy dân chủ và mở rộng dân chủ. Tuy nhiên, mở rộng dân chủ trong Đảng đi đôi với nắm vững nguyên tắc đoàn kết, nhất trí trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, cương lĩnh chính trị, đường lối, quan điểm, Điều lệ của Đảng và trên cơ sở tình cảm cách mạng trong sáng của người cộng sản.

Ba là, tăng cường hơn nữa công tác quản lý, kiểm tra, giám sát của Đảng nhằm phát hiện sớm và kiên quyết giải quyết dứt điểm mọi hiện tượng gây mất đoàn kết trong nội bộ Đảng. Có như vậy, thì nhân dân mới tin Đảng, đi theo Đảng và ủng hộ Đảng. Mặt khác, củng cố kiện toàn tổ chức, nâng cao năng lực lãnh đạo sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng; tăng cường sự lãnh đạo chỉ đạo của cấp uỷ các cấp, đề cao trách nhiệm của các cơ quan chức năng, tích cực đổi mới nội dung, phương pháp, cách thức tiến hành, đồng thời cần có cơ chế, quy chế cụ thể để bảo vệ và phát huy vai trò giám sát của nhân dân đối với đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Bốn là, tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, nhất là chủ đề năm 2020 là “Tăng cường khối đại đoàn kết dân tộc, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh” gắn với tích cực đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí làm cho toàn Đảng, toàn dân và mỗi cán bộ, đảng viên thấm nhuần tư tưởng đạo đức và tinh thần đoàn kết, tương thân, tương ái của Người, làm cơ sở tạo ra phong trào hành động cách mạng học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách của Người, ra sức củng cố tăng cường sự đoàn kết thống nhất trong toàn Đảng và sự đồng thuận trong nhân dân.

Năm là, từng bước giải quyết có hiệu quả những vấn đề xã hội, thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển mọi mặt giữa các vùng, miền, các giai cấp, tầng lớp trong xã hội, tạo nên sự thống nhất về lợi ích cơ bản giữa các giai cấp, tầng lớp đó. Bởi vì, thực tế đã chứng tỏ rằng, nếu không có sự thống nhất về các lợi ích cơ bản thì khó có thể có sự thống nhất về ý chí, hành động, và không thể thực hiện được đại đoàn kết dân tộc.

Trước những vận hội và cả nguy cơ của xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, Đảng Cộng sản Việt Nam ngày càng khẳng định vai trò lãnh đạo, trách nhiệm của mình trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Từ đó có thể thấy, đoàn kết trong Đảng không phải chỉ là nhiệm vụ chiến lược của Đảng mà còn là đòi hỏi khách quan của toàn thể dân tộc nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội./.

(Endnotes)

1. *Sđd tr.177.*
2. *Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự Thật, Hà Nội, 2011, t.7, tr.49.*
3. *Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.15, tr. 622.*

GẮN NGHỊ QUYẾT 35-NQ/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ KHÓA XII TRONG GIẢNG DẠY MÔN HỌC “NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VÀ LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM”

ThS. ĐINH THỊ THU HOÀI
Phòng QLĐT&NCKH

Tại buổi lễ kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Đảng (03/02/1960), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Với tất cả tinh thần khiêm tốn của người cách mạng, chúng ta vẫn có quyền nói rằng: Đảng ta thật là vĩ đại!”. Đúng như lời khẳng định của Bác, từ khi thành lập cho đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn thể hiện vai trò lãnh đạo của mình đối với sự nghiệp cách mạng của cả nước.

Trong tình hình hiện nay, khi quá trình toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế đang ngày càng sâu rộng, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư diễn ra mạnh mẽ kéo theo sự phát triển bùng nổ của mạng Internet và hoạt động của các mạng xã hội toàn cầu cùng những thông tin xấu nhanh chóng được lan truyền, các thế lực thù địch, phản động có những chiêu thức, thủ đoạn mới chống phá mới đối với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; những thành quả mà Đảng ta lãnh đạo nhân dân đạt được. Để bảo vệ thành quả đó, ngày 22/10/2018, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết 35-NQ/TW về “Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới” (Nghị quyết 35).

Để thực hiện tốt Nghị quyết 35, công tác giáo dục lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân là hết sức quan trọng. Riêng đối với cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở cơ sở thì việc cần nắm vững những nội dung cơ bản của Chương trình trung cấp lý luận chính trị - hành chính là nền tảng để giải quyết những vấn đề đặt ra trong thực tiễn.

Chương trình Trung cấp lý luận chính trị - hành chính do Học viện Chính trị quốc gia ban hành trang bị kiến thức lý luận và thực tiễn liên quan đến các vấn đề về quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; chủ trương, đường lối của Đảng.... cho học viên, trong đó, Phần II. Những vấn đề cơ bản về đảng cộng sản và Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là một phần học hết sức quan trọng. Do vậy, việc gắn nội dung Nghị quyết 35 vào giảng dạy thuộc các phần II là hết sức cần thiết. Chính vì vậy, từ thực tiễn giảng dạy môn học, theo tôi cần thực hiện một số kinh nghiệm sau:

Thứ nhất, giảng viên cần chủ động, tích cực nghiên cứu toàn văn Nghị quyết 35.

Qua hoạt động này, giảng viên sẽ nắm chắc những nội dung cơ bản của Nghị quyết,

đặc biệt là những điểm mới thể hiện sự phát triển về nhận thức và lý luận của Đảng để kịp thời chuyển tải tới học viên. Cụ thể: Nghị quyết 35 có mục tiêu tổng quát; 06 quan điểm chỉ đạo; 07 nhóm nhiệm vụ, giải pháp trong đó nhấn mạnh vào việc tiếp tục làm cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nhận thức ngày càng đầy đủ hơn, sâu sắc hơn những nội dung cơ bản và giá trị to lớn của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; về con đường lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Thứ hai, trên cơ sở nắm vững nội dung Nghị quyết, trong quá trình soạn giảng, giảng viên cần xác định nội dung của nghị quyết trong các bài cụ thể.

Bộ môn Những vấn đề cơ bản về đảng cộng sản và Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam gồm có hai phần với 9 bài: 03 bài đầu giới thiệu về những vấn đề cơ bản về đảng cộng sản; 06 bài sau giới thiệu về quá trình thành lập và lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam từ ngày thành lập cho đến nay. Trên cơ sở xác định đúng mục tiêu, giảng viên sẽ tiến hành phân định kiến thức trong từng bài, không sa đà vào các sự kiện mà cần tập trung nhiều thời gian cho việc phân tích các cương lĩnh, chỉ thị, nghị quyết của Đảng và chứng minh sự phù hợp, đúng đắn của các nội dung đó trong các thời kỳ cách mạng.

Thứ ba, giảng viên cần phải đứng trên lập trường tư tưởng vững vàng, kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, có niềm tin vào sự nghiệp lãnh đạo của Đảng và truyền tải được niềm tin đó tới người học.

Trong xu thế hội nhập và phát triển hiện nay, các thế lực thù địch đã và đang tìm mọi âm mưu, thủ đoạn và phương thức khác nhau

để chống phá Đảng ta trên mọi lĩnh vực, làm cho nhân dân xa rời mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, xa rời chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Từ thực tiễn đó đòi hỏi mỗi giảng viên khi nghiên cứu và giảng dạy phần II phải làm rõ cho học viên sáng tỏ về quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về đảng cộng sản, về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là một tất yếu lịch sử khách quan; đồng thời làm rõ cho học viên thấy được tính đúng đắn về chủ trương, đường lối của Đảng trong từng thời kỳ cách mạng để từ đó học viên tiếp tục vững tin về khả năng lãnh đạo đó trong giai đoạn hiện nay.

Thứ tư, giảng viên cần tăng cường đổi mới phương pháp giảng dạy, áp dụng các phương pháp dạy học tích cực vào bài giảng để có sự định hướng đúng đắn hơn trong nhận thức của học viên về vai trò lãnh đạo của Đảng.

Với phương pháp dạy học truyền thống, giảng viên đóng vai trò chủ đạo và truyền thụ kiến thức tới học viên theo kiểu một chiều, thầy nói học viên nghe và chép, ít có thời cho người học nói lên suy nghĩ, chính kiến của mình. Vì vậy, để khắc phục hạn chế này các giảng viên cần lấy người học làm trung tâm, đưa ra các vấn đề trọng tâm để học viên thảo luận. Từ kinh nghiệm công tác và vốn kiến thức thực tiễn, học viên sẽ góp phần phong phú hơn trong việc đánh giá các vấn đề, từ đó làm cho các bài giảng sinh động, tạo sự hứng thú với học viên. Trên cơ sở những ý kiến học viên nêu ra, giảng viên sẽ kết luận lại vấn đề, nếu ý kiến nào hay, đúng thì cần có sự khích lệ, động viên; ý kiến nào chưa phù hợp thì cần có sự điều chỉnh. Đặc

biệt, phần học này liên quan đến nền tảng tư tưởng của Đảng nên các giảng viên cần có sự định hướng nhận thức đúng đắn cho học viên về vai trò lãnh đạo của Đảng, tuy nhiên cần tránh sự áp đặt, cứng nhắc.

Ngoài ra, trong thời kỳ công nghệ ngày càng phát triển, việc áp dụng phương pháp mới, đưa công nghệ thông tin vào bài giảng là điều hết sức cần thiết. Với những slide gắn hình ảnh và các sự kiện hay sử dụng những đoạn phim tư liệu ngắn phù hợp sẽ làm cho bài giảng sinh động, hấp dẫn hơn và đó cũng chính là một kênh thông tin thực tiễn, chứng minh vai trò lãnh đạo đạo của Đảng.

Thứ năm, trên cơ sở những thành tựu đã đạt được trong quá trình lãnh đạo của Đảng, giảng viên cần gợi mở để học viên có sự liên hệ về quá trình lãnh đạo của Đảng trong giai đoạn mới, từ đó góp phần quan trọng vào việc phản bác các thông tin sai trái của các thế lực địch trong thời kỳ hiện nay.

Sau gần 35 năm đổi mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được đẩy mạnh. Đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt; Hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và tăng cường; chính trị - xã hội ổn định; quốc phòng và an ninh được giữ vững; vị thế nước ta trên trường quốc tế không ngừng được nâng cao. Sức mạnh tổng hợp của quốc gia đã tăng lên rất nhiều, tạo ra thế mới và lực mới để đất nước tiếp tục đi lên với triển vọng tốt đẹp. Như lời khẳng định của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng tại buổi lễ kỷ niệm 90 năm ngày thành lập Đảng: Đất nước ta chưa


bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực và vị thế như ngày nay. Có được thành quả đó chính là nhờ: Ở Việt Nam, không có một lực lượng chính trị nào khác ngoài Đảng Cộng sản Việt Nam có đủ bản lĩnh, trí tuệ, kinh nghiệm, uy tín và khả năng lãnh đạo đất nước vượt qua mọi khó khăn thử thách, đưa sự nghiệp cách mạng của dân tộc đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Trong giai đoạn hiện nay, chúng ta có thể thấy công tác đấu tranh bảo vệ cương lĩnh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam; phản bác những luận điểm sai trái, thù địch, làm thất bại các âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình”, gây bạo loạn chính trị của các thế lực thù địch đang được đặt ra hết sức cấp bách và cần thiết, đây cũng chính là nhiệm vụ hết sức quan trọng, là trách nhiệm của mỗi cán bộ, đảng viên, quân chúng và mọi tầng lớp nhân dân. Chính vì vậy, các giảng viên giảng dạy lý luận chính trị nói chung và những giảng viên giảng dạy phần II nói riêng cần nâng cao tinh thần trách nhiệm, tâm huyết trong việc nghiên cứu, soạn giảng, tổng kết thực tiễn; gắn nghị quyết vào các bài giảng nhằm góp phần khẳng định vai trò lãnh đạo quan trọng của Đảng trong sự nghiệp đổi mới đất nước./.

PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC HỒ CHÍ MINH VÀ MỘT VÀI SUY NGHĨ ĐỐI VỚI GIÁNG VIÊN GIÁNG DẠ LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ HIỆN NAY

CN. HOÀNG THỊ THU

Khoa Lý luận cơ sở

 hủ tịch Hồ Chí Minh là nhà văn hóa kiệt xuất đồng thời cũng là nhà giáo dục vĩ đại của dân tộc Việt Nam. Tư tưởng của Người về giáo dục - đào tạo là một vấn đề rộng lớn, bao quát các vấn đề từ mục tiêu, nguyên lý, phương châm giáo dục; nội dung, phương thức, phương pháp giáo dục - đào tạo cho đến tổ chức, quản lý, xây dựng đội ngũ, chủ trương, chính sách đối với giáo dục... Trong đó, nổi bật lên quan điểm về “lựa chọn, xây dựng phương pháp giảng dạy của người thầy giáo”, đã trở thành chỉ dẫn quan trọng cho bao thế hệ nhà giáo trước đây, và ngày nay vẫn mang tính thực tiễn sâu sắc đối với sự nghiệp đổi mới và phát triển của nền giáo dục nước ta.

Xuất phát từ việc đề cao vị trí, vai trò của người thầy - là người đem sự hiểu biết, năng lực và phẩm chất đạo đức của mình truyền đạt cho người học, làm cho người học phát huy được “năng lực vốn có”, phát triển các mặt đức dục, trí dục, thể dục, mỹ dục để trở thành người lao động chân chính - Hồ Chí Minh cho rằng, *người thầy giáo phải giỏi về chuyên môn, thuần thực về phương pháp*. Tại Hội nghị lần thứ nhất về công tác huấn luyện và học tập (năm 1950), Người lấy ví dụ để minh họa: “*Muốn huấn luyện thợ rèn, thợ nguội thì người huấn luyện phải thạo nghề rèn, nghề nguội*”. Như vậy,

chuyên môn là yêu cầu đầu tiên cần phải có đối với mỗi người thầy, là giáo viên thì phải giỏi về lĩnh vực chuyên môn mà mình đảm nhận giảng dạy. Nhấn mạnh tầm quan trọng của kiến thức chuyên môn nhưng đồng thời Hồ Chí Minh cũng khẳng định: nếu có chuyên môn giỏi mà phương pháp truyền đạt, giảng dạy không tốt thì hiệu quả sẽ bị hạn chế. Giữa chuyên môn và phương pháp giảng dạy có mối quan hệ mật thiết với nhau, tác dụng tương hỗ lẫn nhau, trong đó chuyên môn là nội dung, phương pháp là hình thức. Mục đích của phương pháp giảng dạy trong tư tưởng Hồ Chí Minh là phải làm cho người học hiểu thấu đáo vấn đề. Là người đã từng đứng trên bục giảng đào tạo ra nhiều thế hệ cán bộ cho cách mạng, Hồ Chí Minh đã đề ra một số yêu cầu trong việc lựa chọn, xây dựng phương pháp giảng dạy như sau:

Một là, phương pháp giảng dạy phải phù hợp với đối tượng. Trong lớp học, khả năng nhận thức của từng người khác nhau, hoàn cảnh và tính cách khác nhau, người thầy giáo phải nắm rõ khả năng nhận thức và hoàn cảnh của từng người để tìm ra cách thức giảng dạy phù hợp cho từng đối tượng. Có đối tượng phải tốn nhiều thời gian, dạy tỉ mỉ thì mới hiểu được vấn đề. Có đối tượng “dạy bao quát mà vẫn làm cho người học hiểu thấu được”. Như vậy, Người đã đưa ra

quan điểm dạy theo người học, chứ không phải bắt người học phải học theo cách dạy của mình. Muốn thực hiện được điều đó thì “bài dạy phải chuẩn bị cho tốt”, kỹ càng, không được qua loa đại khái. Vì vậy, Người coi công tác giáo dục là công việc hết sức khó khăn, gian khổ và khó nhọc.

Hai là, phương pháp giảng dạy phải xuất phát từ mục tiêu và nội dung giáo dục. Người nói: phải từ “mục đích của giáo dục, nội dung của giáo dục sau đó tìm ra cách dạy”. Theo phương châm đó, phương pháp giảng dạy ở cấp đại học và trung học là phải “*phát huy tính dân chủ trong học thuật, tăng cường thảo luận, trao đổi để kích thích tư duy sáng tạo của người học, do đó người thầy giáo phải nâng cao và hướng dẫn việc tự học*”¹ cho người học. Phương pháp giảng dạy ở cấp tiểu học là phải “nhẹ nhàng vui vẻ, chớ gò ép thiếu nhi vào khuôn khổ của người lớn. Phải đặc biệt chú ý giữ gìn sức khỏe của các cháu”².

Ba là, bài giảng phải sinh động, lý luận phải gắn với thực tiễn, lấy thực tiễn để minh họa cho người học dễ hiểu, “mau hiểu, mau nhớ”. Vì vậy, Người viết vấn đề gì, nói vấn đề gì, kể cả những vấn đề lý luận to lớn thì từ người có trình độ học vấn cao đến người dân bình thường đều có thể hiểu được. Trong phương pháp giảng dạy, Người đưa ra những điểm nên tránh. Đó là “*tránh lối dạy nhồi sọ, chú ý tránh nói tiếng nước ngoài quá nhiều. Những tiếng ta có thì không nên dùng tiếng nước ngoài. Và việc hội họp còn quá nhiều hại đến sức khỏe và lãng phí thời gian của thầy giáo và học trò*”³.

Từ nhận thức trên về những chỉ dẫn trong lựa chọn, xây dựng phương pháp giảng dạy của Hồ Chí Minh, là giảng viên trường chính

trị tôi cho rằng, cán bộ giảng viên Trường Chính trị Lê Duẩn cần lưu ý mấy vấn đề sau:

Thứ nhất, lựa chọn phương pháp giảng dạy phải bám sát mục tiêu đào tạo đã xác định cho học viên. Mục tiêu đào tạo thường được cụ thể hóa thành “chuẩn đầu ra” - đó là những gì mà những người thiết kế chương trình giáo dục kỳ vọng ở đối tượng được giáo dục sau khi hoàn thành chương trình đào tạo. Theo đó, chuẩn đầu ra trong đào tạo trung cấp lý luận chính trị - hành chính có thể hiểu là: cung cấp cho người học sự hiểu biết sâu sắc, đầy đủ, toàn diện hơn về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; từ đó hình thành cho học viên thế giới quan và phương pháp luận cách mạng, khoa học và vận dụng vào thực tiễn cuộc sống, trong công việc, để hoàn thành và hoàn thành xuất sắc công việc được giao. Đối với việc giảng dạy lý luận chính trị, giảng viên có thể xác định thuyết trình là phương pháp nền tảng, tuy nhiên cần phải biết kết hợp nhuần nhuyễn với các phương pháp hỗ trợ khác. Trong quá trình kết hợp các phương pháp giảng dạy đòi hỏi giảng viên phải có giọng nói rõ ràng, diễn đạt logic, dễ hiểu, phát âm chuẩn với cường độ vừa phải, có ngữ điệu truyền cảm, phù hợp với tính chất của từng vấn đề cần truyền tải thì sẽ thu hút được sự chú ý nghe giảng của học viên.

Thứ hai, lựa chọn phương pháp giảng dạy phải phù hợp với từng đối tượng học viên. Đây là một trong những yêu cầu cơ bản quyết định phần lớn chất lượng bài giảng. Yêu cầu này đòi hỏi trước khi bước vào các công đoạn của bài giảng, người giảng viên cần phải xác định được đối tượng mà mình tham gia giảng dạy là ai,

trình độ, chức vụ, nghề nghiệp của họ là gì. Nếu không xác định được đối tượng thì mọi thao tác quy trình không phù hợp, bài giảng sẽ không đạt kết quả. Cùng là đối tượng đào tạo trình độ trung cấp lý luận chính trị - hành chính nhưng ở các địa phương khác nhau, nghề nghiệp khác nhau, trình độ nhận thức, độ tuổi, số lượng học viên, địa vị xã hội khác nhau thì giảng viên cần có những phương pháp giảng dạy khác nhau. Và như vậy, giảng viên không thể có một giáo án cố định cho mọi đối tượng học viên mà phải biết linh hoạt, thiên biến vạn hóa trong phương pháp, cách thức truyền đạt khi tham gia giảng dạy.

Thứ ba, lựa chọn phương pháp giảng dạy cần căn cứ vào nội dung kiến thức cần truyền tải đến học viên và đặc điểm đặc thù của từng môn học. Muốn thực hiện được yêu cầu này, trước hết đòi hỏi người giảng viên phải nắm chắc nội dung chương trình học bao gồm cả dung lượng kiến thức và phân bổ thời lượng bài giảng; phải xác định được một cách chính xác nội dung trọng tâm của bài giảng từ đó có cách phân bổ thời gian hợp lý giữa các phần trong bài, tránh hiện tượng chỉ tập trung đào sâu nghiên cứu những nội dung thứ yếu trong khi đó bỏ qua hoặc trình bày một cách sơ sài các nội dung trọng yếu của bài giảng. Trên cơ sở đó, giảng viên sẽ có cách lựa chọn phương pháp truyền đạt phù hợp, có thể là thuyết trình, hay đàm thoại, tạo tình huống, hỏi ý kiến chuyên gia hoặc làm việc nhóm...

Thứ tư, giảng viên phải biết kết hợp hài hòa, gắn kết chặt chẽ giữa lý luận và thực tiễn trong quá trình giảng dạy. Đây là yêu cầu cần phải có sau khi giảng viên đã chắc chắn lựa chọn được phương pháp giảng dạy phù hợp

cho một buổi lên lớp. Thực tế cho thấy, thực tiễn luôn thay đổi, trong khi đó nội dung các môn lý luận chính trị vẫn nặng tính hàn lâm, ít có sự bổ sung, phát triển, nhiều vấn đề về kinh tế thị trường, dân chủ, hội nhập... còn rất mờ nhạt làm cho học viên cảm thấy khô khan, khó hiểu. Do đó, dù áp dụng phương pháp nào thì trong giảng dạy cần phải kết hợp chặt chẽ việc giảng dạy lý thuyết với truyền đạt những kiến thức thực tiễn, có những ví dụ minh họa để người nghe dễ hiểu, dễ nhớ, từ đó giúp cho học viên có cái nhìn khách quan vào thực tiễn, để họ thấy được học tập lý luận là cần thiết, lý luận phải gắn liền với thực tiễn.

Những giá trị tư tưởng về giáo dục nói chung, phương pháp giáo dục nói riêng của Hồ Chí Minh để lại cho đội ngũ nhà giáo đến nay vẫn còn nguyên giá trị. Trong điều kiện “đổi mới phương pháp giáo dục” được xác định là khâu then chốt để đạt tới mục đích giáo dục, thì việc quán triệt và làm theo tư tưởng Hồ Chí Minh, đặc biệt là những chỉ dẫn của Người về lựa chọn phương pháp dạy học lại càng trở nên cần thiết. Giảng viên sẽ có cơ sở khoa học để lựa chọn, sử dụng và phối hợp một cách khéo léo, hợp lý các phương pháp dạy học khác nhau, phát huy tính tích cực và sự hợp tác của học viên, góp phần quan trọng nâng cao hơn nữa chất lượng dạy học./.

1. *Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.6, tr.362.*

2. *Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.10, tr.186.*

3. *Đoàn Thanh Hải, Minh Tiến: Tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục, tr.211.*

NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC VÀ VẤN ĐỀ ĐANG ĐẶT RA TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI CỦA HUYỆN HƯỚNG HOÁ, TỈNH QUẢNG TRỊ

ThS. LÊ THỊ TƯỜNG ANH

Khoa Nhà nước và pháp luật

Hướng Hoá là huyện miền núi, biên giới nằm về phía Tây của tỉnh Quảng Trị, toàn huyện có 19 xã, 02 thị trấn. Huyện Hướng Hoá hiện có 03 dân tộc sinh sống chủ yếu là: Pa Cô - Tà Ôi; Bru-Vân Kiều; Kinh, trong đó dân tộc thiểu số có 44.193 người, chiếm tỷ lệ 46,7 % và phân bố đều khắp trên 21 xã, thị trấn của huyện, nhưng chủ yếu tập trung ở các xã phía Bắc và phía Nam của huyện, chất lượng dân số và nguồn nhân lực chủ yếu là lao động phổ thông, trình độ lao động có tay nghề thấp.

Ngay từ khi bắt đầu triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân huyện Hướng Hoá đã không ngừng nỗ lực huy động mọi nguồn lực để thực hiện các tiêu chí xã, huyện nông thôn mới. Đến nay, kinh tế-xã hội của huyện đã có bước phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ngày càng được nâng cao, diện mạo nông thôn có nhiều khởi sắc, có 5/19 xã đạt chuẩn nông thôn mới.

Xác định phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập cho người dân là mục tiêu quan trọng. Huyện đã chỉ đạo đẩy mạnh phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân. Triển khai các đề án như: Tái canh cây cà phê tại các xã Hướng

Phùng, Hướng Tân, Ba Tầng, thị trấn Khe Sanh, Húc; Đề án Chuyển đổi diện tích trồng sản kém hiệu quả sang trồng cây cao su tại các xã Xy, A Dơi. Đặc biệt, với nguồn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương, chương trình nông thôn mới, Huyện đã xây dựng vườn ươm công nghệ cao đưa vào sản xuất năm 2020, tạo ra cây giống đảm bảo chất lượng phục vụ Đề án Tái canh cà phê năm 2020 và những năm tiếp theo. Ngoài ra trên địa huyện còn thực hiện một số dự án khác như liên kết với Công ty cổ phần Nafod Tây Bắc thực hiện trồng 12 ha chanh leo, trong đó có 09 ha sản xuất theo tiêu chuẩn VietGap và 03 ha sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ tại xã Tân Liên, Hướng Tân, Hướng Phùng. Theo đó Nhà nước hỗ trợ một phần cây giống, phân bón, vật tư khác và công ty sẽ hợp đồng cung cấp cây giống đảm bảo chất lượng, hỗ trợ về khoa học kỹ thuật và ký hợp đồng bao tiêu sản phẩm cho bà con nông dân. Đây có thể coi là mô hình liên kết giữa nhà nước, nhà nông và nhà doanh nghiệp đầu tiên trên địa bàn. Mô hình trồng cỏ nuôi bò sinh sản từ chương trình hỗ trợ phát triển một số cây trồng, vật nuôi tạo sản phẩm chủ lực có lợi thế cạnh tranh trên địa bàn huyện từng bước đem lại hiệu quả, người dân dần dần thay đổi phong tục, tập quán sản xuất từ chăn thả rộng sang nuôi nhốt kết hợp với trồng cỏ và làm chuồng trại. Nhờ vậy mà

công tác quản lý dịch bệnh ngày càng được tốt hơn. Thu nhập và đời sống của người dân không ngừng được cải thiện. Các chính sách an sinh xã hội, chăm sóc người có công và tạo việc làm cho người lao động được quan tâm thường xuyên. Vì vậy, tỷ lệ hộ nghèo của huyện hết năm 2019 đã giảm đáng kể, chỉ còn 21, 25% và hộ cận nghèo là 10,59%.¹

Ý thức bảo vệ môi trường đã có những chuyển biến tích cực; người dân đã hình thành thói quen giữ gìn vệ sinh môi trường xanh, sạch, đẹp. Đặc biệt phong trào chỉnh trang nông thôn, vệ sinh nông thôn, hưởng ứng các đợt phát động “*Tuần lễ chỉnh trang nông thôn mới*” đường làng, ngõ xóm được duy trì thường xuyên. Các tổ thu gom rác thải trên địa bàn toàn huyện hoạt động có hiệu quả. Đặc biệt, Hội phụ nữ các xã đã vận động hội viên thu gom và phân loại rác thải tại hộ gia đình, và trung chuyển về bãi rác để xử lý, thu gom và xử lý rác thải đường làng ngõ xóm tạo cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp.

Công tác quốc phòng - an ninh được cấp uỷ, chính quyền và nhân dân chung tay góp sức thực hiện. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện được đảm bảo, chủ động giải quyết tốt các vấn đề liên quan đến tôn giáo, an ninh nông thôn, bảo vệ chính trị nội bộ. Công tác khám, tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ bảo vệ Tổ quốc đảm bảo nhanh gọn, an toàn, hoàn thành 100% chỉ tiêu trên giao. Hằng năm, vào dịp ra quân huấn luyện đều lồng ghép Phong trào “*Lực lượng vũ trang chung sức xây dựng nông thôn mới*” đã góp phần tích cực cùng các địa phương đẩy nhanh tiến độ thực hiện và duy trì bền vững, nâng cao chất lượng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

Các hoạt động văn hoá, văn nghệ thể thao quần chúng được đẩy mạnh. Chất lượng giáo dục ngày càng tăng. Công tác phòng bệnh, chăm sóc sức khoẻ nhân dân đạt kết quả tốt, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế ngày một tăng. Hệ thống chính trị cơ sở không ngừng được củng cố và phát huy sức mạnh tổng hợp; đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã ngày càng hoàn thiện cả về chính trị, năng lực chuyên môn, tinh thần trách nhiệm và kỹ năng vận động quần chúng.

Trong năm 2019, toàn huyện đã huy động được 2.265 triệu đồng (ngày công và hiện vật quy đổi) từ đóng góp của người dân; xây dựng được 104 công trình đường giao thông nông thôn và đường ra khu sản xuất, 06 công trình trường học, 07 công trình văn hoá, 02 công trình nước sạch với tổng nguồn vốn 6.903 triệu đồng.

Tuy nhiên, nhìn một cách tổng thể, công tác xây dựng nông thôn mới của huyện vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra.

Thứ nhất, về công tác giáo dục. Do hoàn cảnh gia đình, giao thông đi lại khó khăn, việc làm sau khi đi học nên đã ảnh hưởng đến tâm lý học lên, bỏ học giữa chừng ở cấp trung học cơ sở (THCS) nên tỷ lệ trẻ từ 15-18 tuổi có bằng tốt nghiệp THCS một số xã vùng bản thấp. Điều kiện bảo đảm bảo phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, trẻ từ 6-11 tuổi đi học tiểu học còn nhiều khó khăn, một số trường mầm non thiếu đồ dùng đồ chơi cho trẻ, thiếu đội ngũ cô nuôi. Chất lượng phổ cập giáo dục THCS chưa vững chắc ở một số địa phương, tỷ lệ đạt chuẩn phổ cập THCS vẫn còn thấp.

Thứ hai, về phát triển y tế cơ sở. Cơ sở vật chất của các trạm y tế các xã xuống cấp, trang thiết bị thiếu, lạc hậu; chất lượng các

dịch vụ y tế tại các trạm y tế xã chưa đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của nhân dân; năng lực, trình độ chuyên môn của một số cán bộ y tế chưa đáp ứng với nhu cầu. Hoạt động khám chữa bệnh tại trạm y tế chưa được theo dõi, giám sát, kiểm tra thường xuyên, kịp thời.

Thứ ba, về lĩnh vực văn hoá. Trong các tiêu chí thuộc lĩnh vực văn hoá, tiêu chí số 6 về cơ sở vật chất văn hoá (*Nhà văn hoá và khu thể thao xã đạt chuẩn Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Tỷ lệ thôn có nhà văn hoá và khu thể thao thôn đạt quy định của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch*) là một trong những tiêu chí khó thực hiện. Nguồn vốn từ các chương trình, dự án không đảm bảo để triển khai và quỹ đất ở địa phương còn hạn chế. Bên cạnh đó công tác xã hội hoá từ đóng góp của nhân dân cũng còn khó khăn, đặc biệt đối với các xã vùng sâu, vùng xa.

Thứ tư, về công tác vệ sinh môi trường. Nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường ở cấp xã không có nên khó khăn trong việc hỗ trợ công tác thu gom, xử lý rác thải ở các xã vùng sâu, vùng xa chưa được triển khai thực hiện.

Thứ năm, về an ninh quốc phòng. Khu vực đất luyện tập, diễn tập hàng năm; đất thao trường huấn luyện, trường bắn của huyện đã được cấp sổ đỏ nhưng chưa có kinh phí đầu tư xây dựng các hạng mục công trình chiến đấu theo quy định. Công tác an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được quan tâm, chú trọng thực hiện, tuy nhiên tình hình phạm pháp hình sự, tệ nạn xã hội có chiều hướng gia tăng, diễn biến phức tạp, nhất là vi phạm pháp luật về ma túy.

Để phát huy những thành quả đã đạt được, khắc phục những khó khăn trong quá trình xây dựng nông thôn mới, theo tôi cần

tập trung thực hiện một số giải pháp sau:

Một là, nâng cao vai trò lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng, sự quản lý, điều hành của Nhà nước, sự phối hợp của các phòng, ban, ngành, đoàn thể từ huyện đến cơ sở trong việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền các xã phải chịu trách nhiệm về kết quả lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới tại địa phương mình.

Hai là, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân, nhất là cư dân nông thôn về mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng của việc xây dựng nông thôn mới; làm cho người dân hiểu được Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là hệ thống các giải pháp tổng hợp để phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới, nông dân là chủ thể của quá trình đó chứ không trông chờ vào sự đầu tư, hỗ trợ hoàn toàn của Nhà nước. Khuyến khích người dân áp dụng khoa học kỹ thuật, chọn hướng sản xuất, quyết định đầu tư, thâm canh. Tích cực giải quyết tốt những khó khăn, bức xúc vướng mắc trong sản xuất, phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội và nâng cao chất lượng cuộc sống. Khuyến khích, động viên Nhân dân chỉnh trang nhà cửa, sân vườn, tường rào, tạo môi trường, cảnh quan sạch đẹp, văn minh.

Ba là, huy động tối đa nguồn lực, tiếp tục lồng ghép có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội ở khu vực nông thôn ngày càng đồng bộ, hiệu quả. Gắn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới với Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững. Phát huy hiệu quả các chương

trình, dự án đầu tư, hỗ trợ của Nhà nước, các tổ chức phi chính phủ, các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng và của người dân. Quan tâm ưu tiên nguồn vốn đầu tư đối với các xã có tiêu chí đạt thấp, các xã đặc biệt khó khăn, biên giới. Tranh thủ và triển khai có hiệu quả các chương trình, dự án đầu tư theo Quyết định số 1385/QĐ-TTg ngày 21/10/2018 của Thủ tướng về hỗ trợ các thôn bản ấp của các xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới, vùng núi, bãi ngang ven biển xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2018-2020 để đẩy nhanh việc xây dựng nông thôn mới ở những xã thuộc Đề án. Bên cạnh nguồn vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, cần thực hiện tốt các chính sách về y tế, giáo dục, phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, đời sống cho người dân, từng bước cải thiện môi trường nông thôn.

Bốn là, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật công nghệ cao để đầu tư vào ngành nông nghiệp; xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ. Đổi mới tổ chức sản xuất trong các vùng sản xuất nguyên liệu chế biến theo chuỗi sản phẩm và chuỗi giá trị, trên cơ sở phát triển liên doanh, liên kết, vai trò doanh nghiệp chế biến làm nòng cốt theo hướng hình thành và phát triển các chuỗi giá trị gia tăng cao và bền vững. Liên kết các hộ sản xuất trong vùng với các doanh nghiệp theo chuỗi sản phẩm nông, công nghiệp với các mô hình liên kết đầu tư sản xuất - thu mua - chế biến - tiêu thụ thực hiện phương châm cùng chia sẻ trách nhiệm, rủi ro và lợi ích; các hình thức sản xuất theo hợp đồng đối với các hộ nông dân với các doanh nghiệp. Gắn sản xuất với công nghiệp chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị để nâng cao giá trị gia tăng đối

với các sản phẩm có lợi thế của huyện như: Cà phê, cao su, chuối, bơ. Đổi mới phát triển kinh tế hợp tác và hợp tác xã, khuyến khích hỗ trợ và tạo điều kiện phát triển kinh tế hợp tác trên cơ sở liên kết, liên minh giữa các hộ, các trang trại bằng nhiều hình thức, nhiều cấp độ để nâng cao hiệu quả kinh tế. Đổi mới và phát triển hệ thống quản lý và hệ thống tổ chức sản xuất, kinh doanh trong nông nghiệp; tăng cường sự liên kết, tham gia của các tổ chức xã hội. Gắn phát triển nông nghiệp với phát triển các loại hình du lịch cộng đồng, du lịch tâm linh...

Năm là, phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể trong tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân chung sức xây dựng nông thôn mới thiết thực, hiệu quả hơn. Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động; tăng cường xây dựng các mô hình giảm nghèo bền vững, mô hình sản xuất kinh doanh giỏi trong đoàn viên, hội viên; đẩy mạnh công tác giám sát và phản biện xã hội; tăng cường vận động hội viên, đoàn viên và Nhân dân tích cực tham gia xây dựng nông thôn mới, thi đua phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng - an ninh, góp phần xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh.

Xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ lâu dài và khó khăn nhưng với sự vào cuộc, sự cố gắng của cả hệ thống chính trị cùng với sự đồng lòng, chung sức của người dân, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân huyện Hướng Hoá sẽ sớm về đích, đưa Hướng Hoá sớm trở thành huyện miền núi kiểu mẫu./.

Báo cáo của UBND huyện Hướng Hoá ngày 13/01/2020 về Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới.

MỘT VÀI Suy Nghĩ

VỀ VIỆC ÁP DỤNG PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TÍCH CỰC CỦA GIẢNG VIÊN TẠI TRƯỜNG CHÍNH TRỊ LÊ DUẨN

ThS. NGUYỄN THỊ CHÍNH

Khoa Nhà nước và Pháp luật

Phương pháp dạy học tích cực chính là cách dạy mà ở đó giảng viên là người đưa ra những gợi mở cho một vấn đề và cùng người học bàn luận, tìm ra mấu chốt vấn đề cũng như những vấn đề liên quan. Phương pháp này lấy sự chủ động tìm tòi, sáng tạo, tư duy của người học làm nền tảng, giảng viên là người dẫn dắt và gợi mở vấn đề.

Nhận thức được tầm quan trọng của phương pháp dạy học tích cực đối với giảng dạy nói chung và giảng dạy tại trường chính trị nói riêng, năm 2015 Trường Chính trị Lê Duẩn đã phối hợp với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh mở lớp “Bồi dưỡng phương pháp dạy học tích cực cơ bản” cho giảng viên của Trường và các Trung tâm chính trị huyện, thị, thành phố trong toàn tỉnh với mục đích làm phong phú thêm phương pháp và rèn luyện thêm kỹ năng giảng dạy cho đội ngũ giảng viên.

Trong những năm qua, được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, Ban Giám hiệu Trường Chính trị Lê Duẩn cùng với sự nỗ lực cố gắng phát huy những kiến thức đã được học của đội ngũ giảng viên Nhà trường nên chất lượng giảng dạy đã được nâng lên đáng kể. Đa số giảng viên đã chủ động đổi mới phương pháp giảng dạy, thực hiện nghiêm phương châm gắn lý

luận với thực tiễn, qua đó góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng giảng dạy trong nhà trường.

Tuy nhiên, việc đổi mới phương pháp dạy học tích cực ở trường vẫn chưa đều khắp, chưa đi vào chiều sâu và chưa được thực hiện thường xuyên, liên tục. Nó chưa trở thành nhu cầu tự thân của mỗi giảng viên. Chính vì vậy, chất lượng các bài giảng chưa đồng đều. Bên cạnh những bài giảng hay vẫn còn một số bài giảng nặng tính lý luận, một chiều, giảng viên thiếu kỹ năng, phương pháp nên gây nhàm chán cho người học. Việc đổi mới phương pháp dạy học có kết quả tốt chỉ khi nào mỗi giảng viên coi việc đổi mới đó như một nhu cầu tự thân, không mang tính ép buộc, tự tìm tòi, không ngừng đổi mới và hoàn thiện tri thức, kỹ năng áp dụng và sáng tạo các phương pháp dạy học tích cực thì việc đổi mới phương pháp dạy học mới thực sự sâu rộng, có hiệu quả và bền vững.

Như vậy có thể thấy, cùng với kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm thì đổi mới phương pháp dạy học cũng là một giải pháp quan trọng để nâng cao chất lượng bài giảng. Vì vậy, để khắc phục những hạn chế, bất cập trong việc đổi mới phương pháp nhằm mang lại hứng thú hơn cho người học cần phải có những giải pháp đồng bộ phía giảng viên, học viên cũng như từ phía nhà trường.

1. Từ phía giảng viên

Trong những năm qua, việc áp dụng phương pháp dạy học tích cực nhằm mang lại hứng thú cho người học được nhiều giảng viên của nhà trường lựa chọn. Tuy nhiên đối với những giảng viên trẻ, kinh nghiệm chưa nhiều thì việc áp dụng phương pháp này gặp phải một số khó khăn:

Thứ nhất, tâm lý lo lắng về sĩ số lớp đông học viên nên khó áp dụng phương pháp dạy học tích cực.

Đây là khó khăn do hiểu sai về các phương pháp giảng dạy tích cực. Thực tế là có rất nhiều phương pháp giảng dạy tích cực phù hợp với các loại hình lớp học khác nhau. Chẳng hạn, lớp học đông học viên có thể áp dụng phương pháp hỏi - đáp, nêu ý kiến - ghi bảng, phương pháp tia chớp, phương pháp sàng lọc... Thậm chí, ngay cả phương pháp làm việc nhóm cũng có thể áp dụng được với lớp đông học viên. Chính vì vậy, người thầy phải biết lựa chọn và sử dụng phương pháp nào là phù hợp với đặc điểm của từng lớp học, từng đối tượng học viên. Điều này chứng tỏ sự thành công không chỉ phụ thuộc vào phương pháp mà là vào bản lĩnh và kỹ năng quản lý lớp của người thầy.

Thứ hai, tâm lý lo lắng học viên không tích cực phát biểu, thụ động. Tình trạng này tuy không phổ biến nhưng đôi khi ở một số lớp học viên chưa tích cực trong hoạt động học tập, dẫn đến việc giáo viên khó áp dụng phương pháp dạy học tích cực thành công. Tuy nhiên, nếu người thầy có kỹ năng, biết giao tiếp tốt và biết cách khuyến khích, biết khơi gợi những hiểu biết của học viên thì người thầy sẽ khiến cả lớp tham gia góp ý kiến trong giờ học. Việc học viên ngại phát biểu do giảng viên

chưa tìm được cách khơi lên ngọn lửa học tập ở học viên của mình.

Thứ ba, một số giảng viên lo lắng mất nhiều thời gian khi áp dụng phương pháp dạy học tích cực dẫn đến không thể giảng hết nội dung của bài. Điều này thường xảy ra với những giảng viên trẻ khi chưa thực sự làm chủ được bài giảng của mình. Tâm lý ôm đồm kiến thức, muốn nói hết những gì mình biết, giảng dạy theo phương pháp truyền thống một chiều là thầy giảng, trò chép chiếm hết thời gian của buổi học. Từ đó, giảng viên e ngại việc đối thoại, phát vấn nhiều sẽ không đủ thời gian thực hiện kế hoạch bài giảng, nhất là ở những bài học có nội dung dài trong khi thời gian phân bổ hạn hẹp. Tuy nhiên, cần phải biết rằng, người thầy giỏi là người cần biết chọn lọc nội dung để thiết kế buổi giảng sao cho hiệu quả nhất, không cần nói nhiều, nói hết mà chỉ cần nói đủ. Một tiết học thành công là tiết học có sự tương tác giữa thầy và trò, đem lại cảm hứng cho người học.

Thứ tư, giảng viên trẻ thường có tâm lý lo lắng, có thể không giải đáp được hết cả các vấn đề mà học viên thắc mắc. Để khắc phục được khó khăn này, trong rất nhiều phương pháp dạy học tích cực có phương pháp hỏi ý kiến chuyên gia, giảng viên có thể mời các học viên trong lớp am hiểu về điều đó để giải đáp, bởi chúng ta phải hiểu rằng kiến thức là vô tận, dù có là người thầy cũng không thể nào am hiểu tường tận được mọi vấn đề, cái mà người thầy có là ở phương pháp luận và điều đó sẽ giúp ta bổ sung thêm kiến thức thực tiễn và hoàn thiện mình hơn trong công tác giảng dạy.

Thứ năm, tư duy ngại thay đổi của một vài giảng viên. Mỗi sự thay đổi là phải bắt

tay vào cái mới, là việc chuẩn bị lại từ đầu. Điều này sẽ làm mất thời gian và công sức của giảng viên. Mặt khác, một số giảng viên lo ngại khi áp dụng các phương pháp mới có thể không thành công bằng các phương pháp thuyết giảng truyền thống mà mình đã quen thuộc bấy lâu nay, đặc biệt ở giai đoạn bắt đầu đổi mới.

Tóm lại, đổi mới phương pháp dạy học muốn đạt hiệu quả cao và bền vững, trước hết phải xuất phát từ bản thân giảng viên. Với tư cách là chủ thể của hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, giảng viên phải vượt qua các trở ngại tâm lý cơ bản đã nêu, chỉ khi nào đổi mới dạy học trở thành nhu cầu tự thân trong mỗi giảng viên thì hoạt động dạy học ấy mới thực sự khởi sắc.

2. Từ phía học viên

Học viên trong Nhà trường là cán bộ, công chức, viên chức từ các đơn vị, địa phương trong tỉnh với nhiều độ tuổi khác nhau. Trong mỗi lớp học, bên cạnh những học viên sôi nổi thì vẫn còn một số học viên chưa thật sự hào hứng trong học tập. Điều đó cũng gây trở ngại cho giảng viên khi áp dụng phương pháp dạy học mới. Những trở ngại đó được thể hiện như:

Thứ nhất, một số học viên ngại làm việc, chỉ thích ghi. Điều này xuất phát từ cách dạy học truyền thống, thầy đọc - trò chép. Với phương pháp này học viên không phải hoạt động, suy nghĩ. Thậm chí, nếu người thầy sử dụng phương pháp này không hiệu quả, không thu hút thì nhiều học viên còn làm việc riêng. Để khắc phục được tình trạng này, giảng viên phải sử dụng phương pháp tích cực mà phương pháp đó phải tạo được sự kích thích và hứng thú cho học viên, lấy học viên làm trung tâm của buổi học, phải

để học viên có cơ hội hoạt động, phải cho họ thấy được lợi ích của phương pháp dạy học tích cực.

Thứ hai, một số học viên cảm thấy chưa tự tin, chưa mạnh dạn phát biểu trước tập thể, đặc biệt là những ý kiến mang tính phản biện vấn đề. Vì vậy, giảng viên có thể khắc phục khó khăn này bằng cách khuyến khích, động viên hay khen ngợi học viên. Giảng viên phải biết lựa chọn phương pháp để tạo cơ hội cho mọi học viên được hoạt động, được tham gia, được tranh luận bởi trong quá trình tranh luận sẽ hình thành nên lập trường riêng của người học. Thậm chí, cách chỉ định trực tiếp cũng rất hiệu quả để tạo cơ hội cho học viên, bởi có nhiều người muốn phát biểu nhưng lại không tự tin đưa tay để xin phát biểu trước lớp.

Thứ ba, học viên lo ngại thầy áp dụng phương pháp mới nhưng vẫn thi theo kiểu cũ. Đây cũng là một trong những lo ngại mà học viên không mấy hứng thú để tham gia phương pháp dạy học tích cực, bởi thực tế một số học viên sôi nổi trong các buổi học nhưng điểm thi lại không cao. Vì vậy, thiết nghĩ, Nhà trường cần áp dụng việc ra đề thi mở, khuyến khích tư duy sáng tạo và phản biện của học viên. Đề thi nên mang tính ứng dụng cao để học viên phát huy cao nhất khả năng của mình và tạo dấu ấn riêng.

Như vậy, có thể thấy rằng, có nhiều trở ngại từ phía giảng viên và học viên khi áp dụng các phương pháp dạy học tích cực. Để khắc phục những trở ngại đó nhằm đưa các bài giảng đến với học viên được sinh động hơn, hứng thú hơn, thiết nghĩ cần thực hiện các giải pháp sau:

Một là, mỗi giảng viên phải chủ động tìm tòi các phương pháp giảng dạy tích

bộ phận của Nhà trường qua các khâu quản lý đào tạo, bồi dưỡng để công tác chủ nhiệm đạt hiệu quả.

Thời gian qua, công tác phối hợp trong quản lý học viên của chủ nhiệm lớp ở Trường Chính trị Lê Duẩn đã có những thuận lợi rất cơ bản, đó là:

Ban Giám hiệu, Phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học luôn tạo mọi điều kiện để chủ nhiệm lớp thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, chủ động trong công tác phối hợp quản lý học viên được hiệu quả; Ban Giám hiệu luôn tin tưởng phân công và hướng dẫn cho các giảng viên, đặc biệt tạo cơ hội cho các giảng viên trẻ được tham gia công việc chủ nhiệm lớp để có môi trường rèn luyện, thể hiện khả năng của mình, tích lũy kinh nghiệm để nắm bắt tâm lý, đặc thù đối tượng người học, nhằm rèn luyện bản lĩnh người giảng viên và xử lý những tình huống sư phạm. Đây là một động lực giúp giảng viên trẻ nỗ lực phấn đấu, cống hiến trí tuệ và sự nhiệt tình cho công việc.

Đối với các lớp mở liên kết, có sự phối hợp tham gia của các đồng chủ nhiệm lớp, đó là những cán bộ quản lý có kinh nghiệm, trách nhiệm và có chức vụ, uy tín tại các trung tâm chính trị huyện, thị, thành phố; các sở, ban, ngành của đơn vị mở liên kết cùng phối hợp với các chủ nhiệm lớp của Nhà trường. Các đồng chủ nhiệm lớp luôn duy trì mối quan hệ chặt chẽ, thống nhất trong công tác quản lý lớp như: quản lý sĩ số, ổn định tổ chức lớp học, theo dõi ý thức học tập, rèn luyện và phối hợp với các khoa chuyên môn ký xác nhận điều kiện môn học, điều đó giúp cho công tác quản lý đào tạo, bồi dưỡng của nhà trường có nhiều chuyển biến tích cực.

Trong điều kiện cơ sở vật chất của trường còn nhiều hạn chế, vì vậy muốn quản lý học viên đạt kết quả tốt phải có sự cộng tác, giúp đỡ, hỗ trợ của tập thể cán bộ nhà trường. Sự

phối hợp nhịp nhàng giữa chủ nhiệm với Phòng Tổ chức, hành chính, thông tin, tư liệu đã giúp cho quá trình quản lý lớp, quản lý học viên được tốt hơn, như tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, chế độ chính sách (nếu có), phục vụ học tập, chỗ ăn, chỗ ở tại ký túc xá kịp thời cho học viên trong quá trình học tập, rèn luyện.

Các chủ nhiệm lớp đều nhận thức và phát huy được vai trò của ban cán sự lớp, dựa vào ban cán sự để triển khai thực hiện các công việc của Nhà trường và của lớp một cách nhanh chóng và hiệu quả.

Bên cạnh những thuận lợi đó, công tác phối hợp trong quản lý học viên của chủ nhiệm lớp vẫn còn gặp một số hạn chế, khó khăn bởi nhiều lý do khách quan và chủ quan như:

Công tác phối hợp quản lý học viên ở một số chủ nhiệm lớp là giảng viên trẻ đạt hiệu quả chưa cao. Do tuổi đời, tuổi nghề còn ít nên chưa có nhiều kinh nghiệm xử lý các tình huống phát sinh trong quản lý học viên. Một số chủ nhiệm lớp vẫn còn thiếu chủ động trong việc cập nhật các văn bản liên quan đến công tác chủ nhiệm và quản lý học viên dẫn đến cách tổ chức, quản lý vẫn còn một số hạn chế, lúng túng.

Một số giảng viên lên lớp chưa thực sự phối hợp tốt trong quản lý sĩ số, chỉ tập trung bài giảng, khi ký sổ đầu bài không nêu nhận xét diễn biến tình hình buổi học, do vậy khó khăn cho chủ nhiệm lớp trong việc nắm bắt quá trình tham gia học tập và rèn luyện của học viên, trong lúc điều này đặc biệt có ý nghĩa khi song hành cơ chế kiểm tra, giám sát quản lý sĩ số học viên đối với các lớp liên kết đặt tại huyện, thị hay đặt ở địa điểm ngoài trường.

Trong thực hiện kế hoạch giảng dạy, một số trường hợp khoa chuyên môn hoặc giảng viên trực tiếp đứng lớp vì lý do nào đó thay đổi đổi lịch học, nhưng chủ nhiệm lớp không

nhận được thông tin, nên khá thụ động khi xử lý phản hồi kế hoạch học tập đối với học viên. Việc thiếu thông tin trong việc đổi bài, đổi lịch giảng gây khó khăn cho chủ nhiệm lớp trong thực hiện tổ chức hoạt động học bù, học lại...

Đa số đồng chủ nhiệm ở các lớp liên kết là những cán bộ lãnh đạo, quản lý ở địa phương, vì vậy việc nghiên cứu và nắm bắt quy chế, quy định của Học viện về quản lý lớp học chưa kịp thời và đầy đủ, do đó còn trở ngại trong phối hợp thực hiện nhiệm vụ; một số đồng chủ nhiệm lớp trong quản lý học viên vẫn còn nể nang, chưa phản ánh chính xác tình hình lớp học và học viên dẫn đến khó khăn cho chủ nhiệm lớp trong việc đưa ra phương pháp quản lý lớp, học viên hiệu quả.

Hiện nay, chưa có văn bản quy định cụ thể về công tác phối hợp trong quản lý học viên, các quy định chỉ mang tính chung chung nên chủ nhiệm lớp thường lúng túng trong quá trình giải quyết các vấn đề nảy sinh của lớp học như: phân định trách nhiệm giữa chủ nhiệm và đồng chủ nhiệm lớp dẫn đến khó khăn trong công tác phối hợp quản lý học viên các lớp liên kết ở ngoài trường; chưa có cơ chế phối hợp giữa chủ nhiệm lớp với khoa chuyên môn và phòng chức năng nên chủ nhiệm lớp bị động khi phối hợp xử lý các tình huống liên quan đến học viên; các quy định về cơ chế và trách nhiệm các bên trong phối hợp thực hiện quy trình học bù, học lại chưa có văn bản hướng dẫn nên còn thiếu tính thống nhất trong phối hợp để thực hiện.

Một số cơ quan đơn vị có học viên được cử đi học chưa thực sự phối hợp tốt với nhà trường trong việc tạo điều kiện về thời gian, sắp xếp bố trí công việc hợp lý để học viên yên tâm học tập. Vì vậy, đã gây khó khăn cho chủ nhiệm lớp trong quản lý sĩ số, quản lý việc học bù và học lại cũng như khó khăn trong đánh giá rèn luyện của học viên.

Đối với các lớp bồi dưỡng quản lý nhà nước, bồi dưỡng các chức danh phối hợp với Sở Nội vụ, Nhà trường thường bị động về thời gian mở lớp, dẫn đến tình trạng chủ nhiệm lớp rất khó khăn trong khâu tiếp nhận học viên, phân loại và chốt danh sách học viên do có sự thay đổi học viên liên tục. Chính vì vậy đã xảy ra tình trạng lớp học đã diễn ra một vài ngày nhưng học viên vẫn chưa kịp nhập học, có trường hợp có tên trong danh sách đi học nhưng không theo học nên phải bổ sung danh sách nhiều lần, điều đó khiến chủ nhiệm lớp mất nhiều thời gian và công sức trong ổn định lớp học.

Từ những vấn đề đã nêu ở trên, trong thời gian tới, để nâng cao hiệu quả công tác phối hợp trong quản lý học viên của chủ nhiệm lớp ở Trường Chính trị Lê Duẩn, thiết nghĩ cần phải thực hiện có hiệu quả một số giải pháp sau:

Thứ nhất, quy định đầy đủ hơn về việc phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa chủ nhiệm lớp với giảng viên, khoa chuyên môn, phòng chức năng để có biện pháp hỗ trợ, khắc phục kịp thời khó khăn, vướng mắc trong quản lý học viên. Giảng viên tham gia giảng dạy có trách nhiệm phối hợp với chủ nhiệm lớp trong công tác quản lý sĩ số, hỗ trợ chủ nhiệm lớp xử lý các vấn đề nảy sinh để đảm bảo chất lượng đào tạo, bồi dưỡng. Phòng Tổ chức, hành chính, thông tin, tư liệu xây dựng cơ chế phối hợp với chủ nhiệm lớp trong công tác phục vụ lớp học kịp thời, hiệu quả về mọi mặt như: phòng học, trang thiết bị giảng dạy, chỗ ăn, ở tại ký túc xá; đồng thời chủ nhiệm lớp nắm bắt, phản ánh những vướng mắc của học viên để Phòng xử lý.

Thứ hai, trách nhiệm giữa hai bên. Phối hợp chặt chẽ giữa đơn vị cử đi học, đơn vị liên kết mở lớp để quản lý học viên. Định kỳ hoặc cuối khóa học, Nhà trường gửi phiếu thông báo kết quả học tập và thời gian học

trên lớp của học viên về đơn vị. Các cơ quan, đơn vị có học viên theo học cần xác định đi học là một trong những nhiệm vụ chính của cán bộ, lấy kết quả học tập là tiêu chí bình xét thi đua, xét danh hiệu hằng năm. Trường hợp học viên nghỉ học nhiều, nghỉ học không có lý do, Nhà trường có công văn thông báo cho đơn vị cử cán bộ đi học biết, để cùng có biện pháp khắc phục, đảm bảo sĩ số lớp học. Xây dựng các quy định phân công nhiệm vụ của chủ nhiệm lớp và đồng chủ nhiệm lớp đối với các lớp liên kết để có cách thức phối hợp quản lý học viên rõ ràng, hiệu quả. Các đơn vị, địa phương phối hợp mở lớp cần có sự chủ động, bám sát kế hoạch để tuyển sinh nhằm tạo thuận lợi trong ổn định tổ chức lớp học.

Thứ ba, tăng cường vai trò, trách nhiệm của Phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học trong quản lý, theo dõi và thông tin đến chủ nhiệm. Mỗi tháng một lần, Phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học tổ chức gặp mặt các chủ nhiệm lớp để các chủ nhiệm có thông tin chính thức về tình hình hoạt động của các lớp như: sĩ số học viên, các phần đã học, đã thi, một số vấn đề nảy sinh (nếu có), trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm giữa các chủ nhiệm lớp... Qua đó, Phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học có cơ sở để tham mưu Ban Giám hiệu đề ra những giải pháp xử lý kịp thời các tình huống xảy ra, định hướng và hướng dẫn chủ nhiệm lớp trong công tác quản lý học viên.

Thứ tư, tổ chức họp và tổng kết công tác chủ nhiệm lớp, đồng chủ nhiệm lớp, qua đó để trao đổi những điểm mới đối với chương trình, quy chế học; quán triệt các quy định, nội quy của Nhà trường và truyền đi những thông điệp về xây dựng lớp học nghiêm túc, hiệu quả để tạo sự đồng nhất trong tổ chức, thống nhất trong tư tưởng và cùng trao đổi kinh nghiệm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc đối với

những lớp đặc thù, đối tượng đặc thù ở các loại hình lớp học và học viên.

Thứ năm, chủ động trong phối hợp chặt chẽ với trung tâm chính trị huyện/thị; các đơn vị sở, ban, ngành mở lớp liên kết và đồng chủ nhiệm lớp trong việc hoàn chỉnh hồ sơ và quản lý sĩ số học viên; theo dõi và bám sát để nắm bắt diễn biến tình hình lớp học, qua đó kịp thời giải quyết các vấn đề vướng mắc của học viên trong quá trình học tập và rèn luyện. Các trung tâm chính trị huyện, thị và đơn vị mở liên kết cần tạo điều kiện thuận lợi để các đồng chí tham gia công tác đồng chủ nhiệm lớp phối hợp quản lý lớp học một cách hiệu quả nhất.

Thứ sáu, tích cực phối hợp với các giảng viên và các khoa chuyên môn để bám sát việc học tập, ý thức học tập của học viên nhằm đánh giá chính xác và tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của học viên trong quá trình học tập; giữ vai trò khâu nối và thông tin hoạt động giữa Ban Giám hiệu, Phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học, chủ động báo cáo xin ý kiến chỉ đạo liên quan đến một số trường hợp học viên cụ thể (nếu vấn đề vượt quá thẩm quyền), không tùy tiện trong xử lý và cũng không bị động, ỷ lại, chờ đợi khi công việc thuộc thẩm quyền quy định.

Thứ bảy, hoàn thiện các quy trình, cũng như phân định các bên trong quá trình quản lý học viên cụ thể. Trong công tác quản lý học viên tránh tâm lý cả nể, ngại va chạm của các bên phối hợp, lúc đó mới đánh giá thực chất khách quan công tác quản lý học viên.

Tin rằng, việc thực hiện thường xuyên và đồng bộ những giải pháp trong công tác phối hợp của chủ nhiệm lớp ở Trường Chính trị Lê Duẩn chắc chắn sẽ tạo nên những chuyển biến đáng kể trong công tác quản lý học viên. Điều đó sẽ góp phần thiết thực nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế trong thời kỳ mới./.

PHÁT TRIỂN CÁC LÀNG NGHỀ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ CẦN PHẢI GẮN VỚI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

ThS. NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH

Khoa Lý luận cơ sở

Bảo vệ môi trường là một nội dung cơ bản không thể tách rời trong đường lối, chủ trương và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; là cơ sở quan trọng bảo đảm phát triển bền vững và thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Chính vì vậy, Đảng và Nhà nước ta luôn coi trọng công tác bảo vệ môi trường. Đặc biệt, trong những năm trước đây, ô nhiễm môi trường chủ yếu xảy ra ở các thành phố, các khu công nghiệp thì nay, trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, ô nhiễm môi trường lại là vấn đề đang báo động ở nông thôn, nhất là vấn đề ô nhiễm làng nghề ở các địa phương.

Làng nghề là một trong những nét đặc thù của nông thôn Việt Nam nói chung, tỉnh Quảng Trị nói riêng, bởi đây là nơi có truyền thống văn hóa lâu đời cùng sự phát triển đa dạng các ngành nghề truyền thống gắn với sản phẩm nông nghiệp. Việc phát triển các làng nghề truyền thống ở nông thôn sẽ cho phép mở rộng khả năng khai thác các tiềm lực kinh tế của từng địa phương và phù hợp với xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn. Theo đó, các làng nghề là cầu nối giữa nông nghiệp và công nghiệp, giữa nông thôn

và thành thị, giữa truyền thống và hiện đại, là nấc thang phát triển quan trọng trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

Những năm qua, hoạt động làng nghề ở tỉnh Quảng Trị đã có bước phát triển lớn, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người dân khu vực nông thôn, giảm tỉ lệ đói nghèo, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Tuy nhiên, bên cạnh sự phát triển sôi động đó, tình trạng ô nhiễm môi trường ở một số làng nghề đã trở thành vấn đề đáng lo ngại, ảnh hưởng đến cuộc sống và sức khỏe của người dân. Vì vậy, phát triển làng nghề gắn với bảo vệ môi trường là vấn đề cốt lõi và trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của từng cơ sở và người dân làng nghề để duy trì, phát triển bền vững làng nghề ở Quảng Trị.

Bảo vệ môi trường làng nghề được pháp luật quy định tại Điều 70 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014. Nội dung của Pháp luật Bảo vệ môi trường làng nghề bao gồm: bảo vệ nguồn nước trong môi trường làng nghề, bảo vệ không khí trong môi trường làng nghề, xử lý các chất thải trong môi trường làng nghề, bảo vệ đất đai và nguồn tài nguyên đất trong môi trường làng nghề, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, di tích lịch sử trong môi trường làng nghề. Thực hiện tốt chính sách bảo vệ

môi trường là hoạt động nhằm đưa chính sách, pháp luật bảo vệ môi trường làng nghề vào cuộc sống, cụ thể hóa những quy định, biện pháp về bảo vệ môi trường làng nghề vào trong hoạt động thực tiễn của người dân ở địa phương. Chính vì vậy, việc thực hiện chính sách bảo đảm môi trường làng nghề là một yếu tố quan trọng nhằm bảo đảm sự phát triển bền vững các nghề truyền thống ở địa phương, góp phần thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế - xã hội.

Trên địa bàn tỉnh Quảng Trị hiện có 61 làng nghề khác nhau, trong đó có 46 làng nghề truyền thống chia làm 7 nhóm theo sản phẩm. Nhóm sản phẩm mây tre đan; chổi đốt; nón lá; nước mắm; sản xuất bán bánh; thêu ren; nấu rượu men lá, rượu cần... Hầu hết các làng nghề gắn với sản phẩm nông nghiệp của làng, xã làm ra, có lợi thế cử địa phương nên các cơ sở sản xuất trong làng nghề chủ yếu là các hộ gia đình, quy mô sản xuất vừa và nhỏ, công nghệ lạc hậu, thiếu đồng bộ, thiếu mặt bằng sản xuất nên nằm xen kẽ trong các khu dân cư. Đa số các làng nghề sản xuất thủ công nên chưa đầu tư xây dựng hệ thống xử lý chất thải dẫn đến ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, nhất là ô nhiễm không khí, bụi, nguồn nước, khí thải, chất thải... Mặt khác cơ sở hạ tầng hạn chế dẫn đến việc áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp chưa triển khai thiếu tính đồng bộ. Trong các làng nghề trên, làng nghề làm bún là một trong những “điểm nóng” về ô nhiễm nước thải, chất thải. Tại thôn Linh Chiêu (xã Triệu Sơn, huyện Triệu Phong) có 334 hộ dân thì có đến 70% số hộ dân làm bún với khoảng 25 máy làm bún, ngoài ra còn có các hộ gia đình làm thủ công nhỏ lẻ, bình quân mỗi ngày sản xuất và đưa ra thị trường

hơn 10 tấn bún, có hộ sản xuất 1 tấn bún/ 1 ngày. Trong khi đó, quy trình làm bún từ việc vo gạo, ngâm nước, nghiền, ủ bột... đến khi ra sản phẩm đòi hỏi phải cho ra lượng nước thải lớn, nguy cơ gây ô nhiễm rất cao. Trước tình hình đó, địa phương đã cho triển khai Dự án khu công nghiệp làng nghề sản xuất bún Thượng Trạch, xã Triệu Sơn, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị nhằm ổn định sản xuất bún, giảm ô nhiễm môi trường. Tuy nhiên, dự án chỉ triển khai vài hạng mục rồi bỏ hoang từ năm 2014. Những năm gần đây, với sự hỗ trợ của Nhà nước, của các dự án, một số hộ dân đã tự ý thức xây bể lắng, hệ thống xử lý nước thải nhưng số lượng còn ít. Vì vậy, mỗi ngày vẫn có lượng nước thải trực tiếp ra các hệ thống kênh mương, vườn nhà của làng. Hàm lượng COD, BOD5, TSS, Colifom trong nước mặt cao gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng xấu đến sức khỏe người dân. Ngoài ra, các chất hữu cơ trong nước thải bị phân hủy yếm khí tạo ra mùi hôi khó chịu gây ô nhiễm không khí.

Xuất phát từ thực tế trên, năm 2014 Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị ban hành quyết định phê duyệt Kế hoạch thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới, khắc phục ô nhiễm, cải thiện môi trường trên địa bàn tỉnh đến năm 2020. Trong đó ưu tiên xử lý ô nhiễm tại các làng bún Linh Chiêu (xã Triệu Sơn, huyện Triệu Phong), Thượng Trạch (Triệu Sơn, huyện Triệu Phong), Cẩm Thạch (xã Thanh An, huyện Cam Lộ)... Đến nay, hệ thống xử lý nước thải làng Thượng Trạch đã đưa vào sử dụng, làng nghề bún Cẩm Thạch và Linh Chiêu đang tiến hành triển khai xây dựng hệ thống xử lý nước thải, dự kiến sẽ đưa vào sử dụng cuối năm 2020.

Quảng Trị có bờ biển dài 75km, có 4 huyện ven biển là Vĩnh Linh, Gio Linh, Triệu Phong, Hải Lăng với 12 xã, thị trấn giáp biển và 4 xã cửa lạch cùng huyện đảo Cồn Cỏ nằm cách bờ 28 km. Với hơn 2300 tàu thuyền các loại, trong đó hơn 208 tàu đánh bắt xa bờ. Hàng năm cung cấp hàng trăm ngàn tấn hải sản, giúp ngư dân có nguyên liệu dồi dào cho nghề làm nước mắm. Một số hộ dân làm nước mắm ở các làng chủ yếu sử dụng phương thức sản xuất truyền thống, hệ thống xử lý nước thải khu sản xuất tập trung chưa được đầu tư nên nước thải, bã mắm đều thải xuống hồ ga, ống cống rồi ngấm vào đất cát. Bình quân mỗi hộ sản xuất nước mắm, các loại mắm cũng có vài chục lu chậu, có hộ sử dụng lên đến 300 - 400 lu chậu đựng mắm. Các lu chậu này thường bỏ xen kẽ trong các hộ gia đình gần khu dân cư sinh sống nên bốc mùi hôi, ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường. Tuy nhiên, năm 2019, Trung tâm Khuyến nông tỉnh Quảng Trị đã triển khai mô hình chế biến nước mắm bằng phương pháp khép kín tại xã Triệu Lăng (huyện Triệu Phong). Công nghệ này là một sự thay đổi lớn trong nghề chế biến nước mắm, là phương thức chuyển từ hình thức chế biến thủ công sang chế biến mang tính công nghiệp mà vẫn giữ được chất lượng sản phẩm làng nghề nước mắm.

Nếu ở phương thức sản xuất thủ công, các cơ sở sản xuất theo hướng truyền thống, cá ở trong các lu hoặc các bể xi măng được phơi nắng trực tiếp, nước mắm được chiết bằng phương pháp lọc. Phương pháp này chưa đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, gây ô nhiễm môi trường xung quanh do lượng đạm thối bốc mùi mạnh, các cơ sở chế biến nước mắm chủ yếu đặt dụng cụ

chứa mắm trong nhà xưởng nên khó phơi nắng, một số dụng cụ đặt ngoài trời dễ có ánh nắng nhưng ảnh hưởng môi trường xung quanh. Với mô hình chế biến nước mắm bằng phương pháp phơi kín của Trung tâm Khuyến nông Quảng Trị triển khai đã mang lại hiệu quả không chỉ về mặt kinh tế, đặc biệt phương pháp phơi kín góp phần quan trọng bảo vệ môi trường sống của người dân làng nghề chế biến nước mắm.

Như vậy, thực tế ô nhiễm môi trường ở các làng nghề trên địa bàn tỉnh Quảng Trị do nhiều nguyên nhân như: ý thức chấp hành luật bảo vệ môi trường của các cơ sở, hộ sản xuất, kinh doanh ở các làng nghề chưa cao. Một số địa phương chưa quan tâm coi trọng công tác bảo vệ môi trường làng nghề. Các cơ sở sản xuất các làng nghề chủ yếu tự phát, manh mún, sản xuất theo phương thức truyền thống, số hộ dân tham gia làm nghề ngày càng đông trong khi hình thức sản xuất lạc hậu gây ô nhiễm môi trường làng nghề. Kinh phí dành cho hoạt động bảo vệ làng nghề thấp gây khó khăn cho hoạt động quản lý, xử lý môi trường làng nghề. Ngoài ra, hiện nay hệ thống pháp luật bảo vệ môi trường ở Việt Nam còn bộc lộ nhiều hạn chế, nhiều văn bản chưa ngang tầm với yêu cầu thực tế nhưng vẫn được ban hành.

Ngoài ra, một số cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp đang xen lẫn giữa các khu dân cư như: Nghề mộc, hàn cửa sắt các loại, nhà máy tinh bột sắn, xay xát, chế biến dầu lạc, tái chế các sản phẩm từ nhựa, làm vôi (từ vôi hén)... cũng chưa có công nghệ xử lý chất thải gây ô nhiễm môi trường và gây tiếng ồn trong khu dân cư.

Xuất phát từ tình hình thực tế của nhiều địa phương, để bảo vệ môi trường nói chung,

môi trường làng nghề nói riêng, cần thực hiện đồng bộ một số giải pháp sau:

Thứ nhất, tỉnh Quảng Trị cần xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi đối với các mô hình xã hội hóa, phát triển dịch vụ công trong xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề; xây dựng cơ chế quản lý nhằm bảo vệ môi trường làng nghề. Triển khai các loại mô hình xã hội hóa bảo vệ môi trường, cụ thể đối với từng loại làng nghề, gắn với các hoạt động kinh tế - xã hội và văn hóa của làng nghề.

Thứ hai, khẩn trương hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật, đặc biệt là các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường nông thôn đang thiếu, chưa thống nhất hoặc chưa phù hợp với thực tế. Đối với các làng nghề cần ban hành các chính sách đồng bộ từ quy hoạch đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cho phát triển làng nghề, như cung cấp điện, nước, thông tin liên lạc, xử lý môi trường... đến việc di dời các cơ sở kinh doanh gây ô nhiễm môi trường ra xa các khu dân cư. Cần có chính sách hỗ trợ đối với các doanh nghiệp về vốn, thuế, công nghệ... để các doanh nghiệp thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường.

Thứ ba, nâng cao ý thức, trách nhiệm, trình độ hiểu biết của pháp luật của mọi người trong việc gìn giữ, bảo vệ môi trường làng nghề, gắn hoạt động bảo vệ, quản lý môi trường làng nghề với thực hiện các nội dung tiêu chí xây dựng nông thôn mới. Nâng cao ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường làng nghề thể hiện trong các đợt tập huấn cho các cơ sở sản xuất làng nghề ở tỉnh Quảng Trị. Mục đích nhằm từng bước hình thành thói quen chấp hành pháp luật; giúp người lao động giải quyết hài hòa các mối quan hệ xã hội theo pháp luật.

Thứ tư, bảo vệ môi trường là một công việc khó, cần đến nhiều nguồn lực. Một

trong những nguồn lực quan trọng để công việc này thành công cần có sự đầu tư về mặt tài chính. Thiếu nguồn lực tài chính, thì nhiệm vụ bảo vệ môi trường không thể mang lại hiệu quả cao. Vì vậy Nhà nước cần tiếp tục chỉ đạo việc huy động, bố trí hợp lý các nguồn vốn nhằm tăng cường đầu tư phát triển khoa học công nghệ bảo vệ môi trường, chẳng hạn đẩy nhanh tiến độ các công trình, dự án xử lý nước thải làng nghề; xây dựng các chính sách, giải pháp hỗ trợ để từng bước cải thiện chất lượng môi trường tại các làng nghề trên địa bàn.

Thứ năm, đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường. Kiên quyết đình chỉ hoạt động của các cơ sở tổ chức, cá nhân, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh gây ô nhiễm môi trường; xử lý trách nhiệm người đứng đầu địa phương nơi để xảy ra tình trạng ô nhiễm môi trường gây bức xúc trong nhân dân. Đồng thời chuyển giao công nghệ sạch, xử lý chất thải cho các cơ sở sản xuất có quy mô nhỏ theo hướng vận hành đơn giản, ổn định, tiết kiệm chi phí và xử lý môi trường hiệu quả.

Vấn đề bảo vệ môi trường không chỉ là vấn đề riêng của từng quốc gia, từng địa phương mà đây là vấn đề có ý nghĩa chiến lược toàn cầu. Quảng Trị tiến hành phát triển làng nghề trong điều kiện lực lượng sản xuất nói riêng và kinh tế - xã hội nói chung còn thấp nên không tránh khỏi những thiếu sót, hạn chế trong việc bảo vệ môi trường ở các làng nghề. Do vậy, thực hiện tốt các giải pháp trên sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các làng nghề trên địa bàn tỉnh Quảng Trị phát triển bền vững đồng thời đảm bảo môi trường sống của người dân ở địa phương./.

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ ĐOÀN CƠ SỞ Ở TỈNH QUẢNG TRỊ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

ThS. DƯƠNG THỊ CHÂU PHỤNG

Khoa Xây dựng Đảng

Thể hiện nhuần tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, trong quá trình lãnh đạo, Đảng luôn quan tâm đến công tác cán bộ đoàn Thanh niên và xác định: “Xây dựng Đoàn là xây dựng Đảng trước một bước”. Cán bộ đoàn có vị trí, vai trò quan trọng, được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ đoàn kết, tập hợp đoàn viên, thanh niên thông qua tổ chức đoàn, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam; tổ chức các phong trào hành động cách mạng của thanh niên, góp phần tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Với phương châm “Chất lượng cơ sở là trọng tâm, cán bộ là then chốt, đoàn kết, tập hợp thanh niên là nhiệm vụ hàng đầu”, thời gian qua, Tỉnh đoàn Quảng Trị đã triển khai, tổ chức nhiều cách làm hay, sáng tạo, giải pháp tích cực, phù hợp với tình hình, điều kiện của địa phương để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ đoàn các cấp. Nhờ vậy, cán bộ đoàn từ tỉnh đến cơ sở từng bước được củng cố và kiện toàn, đa số đều đạt tiêu chuẩn về độ tuổi, trình độ chuyên môn, tâm huyết với công tác thanh niên.

Trước khi tiến hành sáp nhập các đơn vị hành chính cấp xã, tỉnh Quảng Trị có 446 cơ sở đoàn, trong đó có 221 đoàn cơ sở, 225 chi đoàn cơ sở, với 41.205 đoàn viên. Toàn tỉnh có 68 cán bộ đoàn cấp tỉnh; 486 cán bộ đoàn cấp huyện; 395 Bí thư đoàn xã, phường, thị trấn và Bí thư đoàn cơ sở các khối khác. Trong thời gian qua, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn Quảng Trị đã luôn quan tâm đến công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đoàn nói chung, trong đó có đội ngũ cán bộ đoàn cơ sở nói riêng.

Để nâng cao chất lượng cán bộ đoàn cơ sở, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo việc quán triệt, triển khai đến các tổ chức cơ sở đoàn trong toàn tỉnh các nội dung như: Nghị quyết số 25-

NQ/TW, ngày 05/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa”; Quyết định số 289-QĐ/TW, ngày 08/02/2010 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “Việc ban hành Quy chế cán bộ đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh”. . . Ban Thường vụ Tỉnh đoàn đã tham mưu với Tỉnh ủy trong việc lựa chọn, bố trí, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng và chuẩn hóa đội ngũ cán bộ Đoàn từ tỉnh đến cơ sở theo tiêu chuẩn quy định. Do đó, đội ngũ cán bộ Đoàn cơ sở được củng cố, kiện toàn, trình độ ngày được nâng cao, có tinh thần làm việc sáng tạo, năng động, nhiệt tình, tâm huyết đáp ứng yêu cầu của công tác Đoàn và phong trào thanh thiếu niên trong giai đoạn mới.

Ban Thường vụ Tỉnh Đoàn cũng đã ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng trong đó xây dựng chỉ tiêu, lộ trình đào tạo theo hướng quy hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh đoàn và các đơn vị sự nghiệp. Việc lựa chọn cán bộ tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng đều tuân thủ theo quy chế hoạt động, phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ, khả năng, năng lực cán bộ. Từ năm 2015 đến nay, Tỉnh đoàn đã phối hợp với Trường Chính trị Lê Duẩn mở 02 lớp Trung cấp lý luận chính trị - hành chính cho 140 học viên là cán bộ đoàn cấp cơ sở. Ngoài ra, các cấp bộ đoàn đã giới thiệu cán bộ tham gia các lớp bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cán bộ đoàn, ngoại ngữ, tin học... để nâng cao chất lượng cán bộ đoàn. Đối với cấp huyện, mỗi năm các đơn vị chủ động phối hợp với Trung tâm Hoạt động Thanh thiếu niên Quảng Trị tổ chức bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ đoàn cấp cơ sở từ 05 đến 07 lớp với số lượng trên 400 học viên tham gia.

Các cấp bộ đoàn trong tỉnh đã chú trọng xây dựng quy hoạch đội ngũ, tham mưu với cấp ủy đưa vào quy hoạch, tạo nguồn những cán bộ đoàn có phẩm chất

và năng lực tốt; quan tâm tạo môi trường để cán bộ đoàn phát huy năng lực, sở trường thông qua việc luân chuyển về cơ sở nhằm rèn luyện kỹ năng, tích lũy kinh nghiệm. Đoàn đã giới thiệu nhiều cán bộ trưởng thành qua thực tiễn cơ sở để tạo nguồn cán bộ trẻ cho cấp ủy Đảng, chính quyền. Bên cạnh đó, công tác đánh giá, bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử vào các chức danh lãnh đạo được các cấp bộ đoàn triển khai đúng quy trình, bảo đảm tiêu chuẩn, độ tuổi theo quy định của Đảng, Đoàn về công tác cán bộ. Trên cơ sở đội ngũ cán bộ được quy hoạch, tổ chức Đoàn các cấp đã xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Cấp ủy, chính quyền ở nhiều địa phương đã quan tâm, tạo điều kiện để đội ngũ cán bộ đoàn được học tập nâng cao trình độ chuyên môn, lý luận chính trị. Tính đến thời điểm hiện tại, 100% cán bộ đoàn từ cấp huyện trở lên có trình độ chuyên môn đại học.

Tổ chức Đoàn Thanh niên các cấp đã tổ chức hoặc phối hợp tổ chức các lớp tập huấn nghiệp vụ nhằm từng bước chuẩn hóa đội ngũ, nhất là chương trình tập huấn cho Bí thư, Phó Bí thư Đoàn xã, phường, thị trấn. Theo đó, 100% cán bộ đoàn các cấp đã được tập huấn kỹ năng, nghiệp vụ công tác đoàn, hội. Năm 2019, toàn tỉnh tổ chức được 15 lớp tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ cho 1.120 lượt cán bộ đoàn, hội, đội từ tỉnh đến cơ sở. Tại các lớp tập huấn, học viên được hướng dẫn các kỹ năng, phương pháp công tác như: kỹ năng nắm bắt, định hướng tư tưởng cho thanh niên; cách thức thành lập và hoạt động các tổ tiết kiệm và vay vốn; các giải pháp nâng cao chất lượng đoàn viên, kỹ năng cán bộ đoàn (kỹ năng tuyên truyền miệng, tổ chức sinh hoạt tập thể, các diễn đàn, đối thoại thanh niên), tuyên truyền cơ chế, chính sách liên quan đến công tác thanh niên; thực hành nghi thức Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh; phương pháp tổ chức các trò chơi dành cho thiếu nhi; tuyên truyền phòng, chống ma túy, bảo đảm trật tự an toàn giao thông... Đồng thời, các học viên cũng được trao đổi, chia sẻ những kinh nghiệm về công tác đoàn và phong trào thanh, thiếu niên.

Ngoài ra, tổ chức đoàn còn thường xuyên tổ chức các “sân chơi nghiệp vụ”, các hội thi Bí thư chi đoàn

giỏi và Tổng phụ trách giỏi, giúp đội ngũ cán bộ đoàn, Đội giao lưu học hỏi, trao đổi và bổ sung kiến thức, kỹ năng. Bên cạnh các chương trình tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ nhằm nâng cao chất lượng cán bộ đoàn cơ sở, Tỉnh Đoàn thường xuyên cử cán bộ xuống cơ sở để nắm bắt tình hình, kịp thời chỉ đạo, định hướng hoạt động đoàn. Đặc biệt, thực hiện hiệu quả chủ trương “1 + 3”, cán bộ đoàn các cấp 1 năm dự ít nhất 3 lần sinh hoạt chi đoàn ở địa bàn dân cư, cán bộ Tỉnh Đoàn 1 năm tối thiểu có 3 đợt công tác tại cơ sở. Chính vì vậy, chất lượng đội ngũ cán bộ đoàn ở cơ sở không ngừng được nâng lên, đem lại hiệu quả nhất định trong phong trào thanh niên.

Mặc dù đã có những chuyển biến nhất định song công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đoàn ở cơ sở hiện nay vẫn còn bộc lộ một số hạn chế như: chất lượng đội ngũ cán bộ đoàn ở cơ sở có lúc, có nơi chưa đáp ứng yêu cầu; nhiều cán bộ đoàn ở cơ sở chưa chủ động trau dồi, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng công tác và năng lực tổ chức; việc bố trí, luân chuyển cán bộ làm công tác đoàn các cấp còn gặp nhiều khó khăn; chưa đào tạo được nhiều cán bộ trẻ có trình độ ở cơ sở nên chưa phát huy hiệu quả; việc sắp xếp bộ máy, tinh giảm biên chế, sáp nhập các đơn vị hành chính đã ảnh hưởng đến đội ngũ cán bộ đoàn ở cơ sở như thừa biên chế, một số đồng chí phải nghỉ việc; hoạt động của cơ sở đoàn ở những khu vực vùng sâu, vùng xa chưa đáp ứng được yêu cầu trong tình hình mới.

Thời gian tới, để công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đoàn cơ sở đạt hiệu quả, các cấp bộ đoàn tiếp tục tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ đoàn ở cơ sở có chất lượng, đáp ứng yêu cầu trong thời kỳ mới, thiết nghĩ cần thực hiện vào một số giải pháp chủ yếu cơ bản sau:

Thứ nhất, hiện nay tỉnh Quảng Trị đang tiến hành sáp nhập các đơn vị hành chính cấp xã. Do đó, các cấp ủy đảng cần có cơ chế, chính sách đồng bộ trong phát hiện, thu hút, đào tạo, bồi dưỡng và mệnh dạn, tin tưởng trong việc bố trí, sắp xếp, sử dụng nguồn nhân lực trẻ có trình độ, chuyên môn vào làm việc trong hệ thống chính trị; có cơ chế đãi ngộ thỏa đáng, phù

hợp với năng lực của mỗi cá nhân; tạo điều kiện, môi trường cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh để cán bộ đoàn cấp cơ sở yên tâm công tác.

Thứ hai, tổ chức đoàn các cấp cần đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan, tổ chức chuyên về đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện thanh thiếu nhi. Đồng thời có sự phân cấp, gắn với trách nhiệm, quyền lợi rõ ràng về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đoàn giữa các đơn vị, nhất là ở cấp cơ sở. Xây dựng mục tiêu, kế hoạch đào tạo, phù hợp với từng đối tượng. Nội dung đào tạo, bồi dưỡng phải bảo đảm trang bị đủ kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ theo yêu cầu công việc. Kiến thức cơ bản phải cung cấp cho người học phương pháp nghiên cứu, phương pháp phát hiện, xử lý, giải quyết các vấn đề thực tiễn.

Thứ ba, Ban Thường vụ Đoàn các cấp phối hợp trao đổi và kiến nghị các cấp có thẩm quyền quan tâm, chọn cử cán bộ đoàn đang giữ chức vụ hoặc được quy hoạch giữ các chức vụ chủ chốt tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng về kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ, lý luận chính trị, bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước để đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn cán bộ theo quy định. Ban Thường vụ Đoàn các cấp tăng cường tập huấn theo chuyên đề, các kỹ năng, kiến thức cần thiết cho cán bộ đoàn theo phân cấp quản lý như công tác tuyên giáo, xây dựng đoàn, công tác kiểm tra, giám sát, tập huấn báo cáo viên, tuyên truyền viên, xây dựng lực lượng nòng cốt của đoàn, các lớp thiết kế tuyên truyền cho đoàn, công tác đoàn kết, tập hợp thanh niên...; chủ động trao đổi, học tập kinh nghiệm hay của các đơn vị bạn; thường xuyên sơ kết và nhân rộng các cách làm hay trong công tác xây dựng đoàn cho đội ngũ các bộ đoàn các cấp.

Thứ tư, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn cần tiếp tục đổi mới chính sách đãi ngộ, đẩy mạnh các phong trào hành động cách mạng của thanh niên ở cơ sở để phát hiện, lựa chọn và rèn luyện cán bộ đoàn cấp cơ sở. Cần nghiên cứu và ban hành chế độ phụ cấp cho cán bộ đoàn cấp cơ sở, đặc biệt là cán bộ đoàn ở các xã vùng đặc thù như vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Có chế độ hỗ trợ kinh phí về học tập, đào tạo, bồi dưỡng để cán bộ đoàn cơ sở yên tâm công tác, gắn bó hơn với công tác đoàn. Cần thực hiện tốt công

tác thi đua khen thưởng kịp thời cho các tập thể và cá nhân xuất sắc tương xứng với những cống hiến nhằm tạo phong trào thi đua trong cán bộ đoàn ở cấp cơ sở.

Thứ năm, trong bối cảnh hiện nay, mỗi cán bộ đoàn cấp cơ sở cần phát huy vai trò nêu gương, tiên phong, gương mẫu, tự học của bản thân trong học tập, lao động, đạo đức, lối sống. Các cấp bộ Đoàn cần hướng dẫn nội dung đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đoàn phù hợp nhiệm vụ và đặc thù đơn vị, địa phương như lựa chọn các nội dung phù hợp, thiết thực, coi trọng tính tự giác rèn luyện của đoàn viên; thực hiện công tác kiểm tra, đánh giá hàng năm, có tuyên dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân thực hiện tốt; nghiên cứu nhân rộng những mô hình hay, cách làm hiệu quả trong triển khai thực hiện; nghiên cứu lồng ghép các nội dung rèn luyện đoàn viên với việc cụ thể hóa việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, gắn với thực hiện nhiệm vụ được giao của từng đoàn viên thanh niên. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Kết luận số 07-KL/TWĐTN-BKT, ngày 14/02/2019 của Hội nghị lần thứ tư, Ban Chấp hành Trung ương Đoàn khoá XI về “Một số giải pháp nâng cao chất lượng công tác cán bộ Đoàn giai đoạn 2019 - 2022” và các quy định của Đảng, của Đoàn, của Nhà nước có liên quan.

Kết luận của Ban Chấp hành Trung ương Đoàn khoá XI về “Một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng công tác cán bộ Đoàn trong giai đoạn 2019 - 2022” đã nhấn mạnh: “... nâng cao chất lượng công tác cán bộ Đoàn là nhiệm vụ trọng tâm, vừa cấp bách, vừa thường xuyên, liên tục, lâu dài, có ý nghĩa quyết định tới sự phát triển của tổ chức Đoàn... mặt khác, công tác cán bộ Đoàn là bộ phận quan trọng trong công tác cán bộ của Đảng, cán bộ Đoàn là nguồn cung cấp cán bộ cho hệ thống chính trị...”. Vì vậy, trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đoàn là một yêu cầu tất yếu, thường xuyên, có tính kế thừa, đổi mới và hoàn thiện trên tất cả các nội dung. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đoàn ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Trị hiện nay càng có ý nghĩa to lớn trong việc tiếp tục phát huy sức mạnh tuổi trẻ trong sự nghiệp xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp./.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG THƯ VIỆN ĐẠT CHUẨN, ĐÁP ỨNG YÊU CẦU NGHIÊN CỨU, GIẢNG DẠY Ở TRƯỜNG CHÍNH TRỊ LÊ DUẨN GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

ThS. NGUYỄN THỊ DIỆU HẰNG
Khoa Nhà nước và pháp luật

Hiện nay, có rất nhiều quan niệm khác nhau về thư viện. Với ý nghĩa truyền thống, thư viện là kho sưu tập sách, báo và tạp chí. Theo Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên Hợp Quốc (UNESCO) thì “Thư viện, không phụ thuộc vào tên gọi, là bất kỳ bộ sưu tập có tổ chức của sách, báo, tài liệu các loại, ấn phẩm định kỳ...”. Ở Việt Nam, căn cứ vào Khoản 1, Điều 3, Luật Thư viện năm 2019 (có hiệu lực từ ngày 01/7/2020) thì “Thư viện là thiết chế văn hóa, thông tin, giáo dục, khoa học thực hiện việc xây dựng, xử lý, lưu giữ, bảo quản, cung cấp tài nguyên thông tin phục vụ nhu cầu của người sử dụng”.

Trường Chính trị Lê Duẩn, tỉnh Quảng Trị là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy, thực hiện chức năng, nhiệm vụ tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý của hệ thống chính trị cấp cơ sở, cán bộ, công chức, viên chức ở địa phương; tham gia tổng kết thực tiễn, nghiên cứu khoa học về xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị ở địa phương (theo Quy định 09-QĐi/TW). Để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình, Trường Chính trị Lê Duẩn đã và đang không ngừng nâng cao chất lượng giảng dạy và nghiên cứu khoa học nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho tỉnh nhà. Bên cạnh đó, Nhà trường quan tâm đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học và các thiết chế văn hóa khác, trong đó có thư viện nhà trường nhằm góp phần hỗ trợ việc tự nghiên cứu, học tập, cung cấp các tài liệu chính thống phục vụ công tác giảng dạy và học tập của cán bộ, giảng viên và học viên.

Thư viện được bố trí ở tầng 1, thuộc khối nhà giảng đường với diện tích 65m². Thư viện Trường Chính trị Lê

Duẩn có chức năng, nhiệm vụ thu nhận, lưu trữ và phổ biến các tài liệu của nhà trường như đề tài nghiên cứu khoa học đã được nghiệm thu, tài liệu hội thảo, chương trình đào tạo, bồi dưỡng, giáo trình, tập bài giảng, khóa luận và các dạng tài liệu khác; các ấn phẩm tài trợ, tặng biếu và tài liệu trao đổi giữa các thư viện. Đồng thời tổ chức xử lý, sắp xếp, lưu trữ, bảo quản, quản lý tài liệu và thông tin; chỉ dẫn, kiểm tra, kiểm soát bạn đọc tiếp cận, khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn thông tin và tài liệu, các sản phẩm và dịch vụ thông tin thư viện. Bên cạnh đó, thư viện Nhà trường có nhiệm vụ tổ chức, quản lý cán bộ, tài sản theo sự phân cấp của Hiệu trưởng; bảo quản, kiểm kê định kỳ tài liệu, cơ sở vật chất kỹ thuật và các tài sản khác; tiến hành thanh lý các tài liệu, thiết bị lạc hậu, cũ nát theo quy định của Nhà nước và quy định của Trường. Thực hiện báo cáo định kỳ và báo cáo đột xuất về tình hình hoạt động của Thư viện với Ban Giám hiệu theo đúng quy định.

Trong những năm qua, thư viện Nhà trường đã được đầu tư bàn ghế, giá sách, tủ đựng tài liệu và lắp đặt điều hòa tạo không gian thoáng mát, thuận tiện cho bạn đọc tra cứu thông tin. Số lượng tài liệu trong thư viện khá đa dạng và phong phú với hơn 3000 đầu sách, trong đó bao gồm sách tham khảo, sách chuyên ngành, báo, tạp chí các loại của Trung ương, địa phương, ... phục vụ cán bộ, giảng viên và học viên tìm hiểu và nghiên cứu. Đồng thời, hàng quý, Thư viện thực hiện việc đặt trên 13 loại báo và 10 loại tạp chí để đáp ứng nhu cầu bạn đọc. Chính vì vậy, Thư viện đã thể hiện tốt vai trò của mình góp phần không nhỏ trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Trường Chính trị Lê Duẩn.

Tuy nhiên hiện nay, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của thư viện số, thư viện điện tử đã ảnh hưởng không nhỏ đến vị thế, vai trò của ngành thư viện nói chung và Thư viện Trường Chính trị Lê Duẩn nói riêng. Chính sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin nên phương pháp dạy và học của Nhà trường cũng đang từng bước thay đổi để đáp ứng yêu cầu nghiên cứu và học tập. Trong khi đó, thiết chế thư viện vẫn chưa kịp thay đổi, chuyển mình để phù hợp với xu thế của thời đại.

Các hoạt động tổ chức, quản lý thư viện vẫn còn mang nặng tính truyền thống. Bên cạnh đó, thư viện chưa trang bị các thiết bị thông minh, hệ thống máy tính nối mạng để phục vụ bạn đọc tra cứu thông tin. Phòng thư viện chưa thực hiện hết các công năng vốn có; cán bộ thư viện thiếu tính chủ động trong công việc, chưa đạt hiệu quả cao trong khâu kết nối với bạn đọc, kỹ năng máy tính còn hạn chế,... Thực tế từ năm 2015 đến nay cho thấy, chủ yếu là các giảng viên đến đọc, mượn tài liệu để tự nghiên cứu nâng cao chất lượng bài giảng, thực hiện công tác nghiên cứu khoa học, trong khi số lượng học viên, bạn đọc đến mượn tài liệu, sách báo ở thư viện rất hạn chế. Do vậy, trong thời gian tới cần có những giải pháp phù hợp để phát triển thư viện theo hướng hiện đại nhằm phục vụ tốt yêu cầu dạy - học tại Trường Chính trị Lê Duẩn.

Xuất phát từ thực tiễn nói trên, nhằm xây dựng thư viện đạt chuẩn, đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, giảng dạy ở Trường Chính trị Lê Duẩn giai đoạn hiện nay, tác giả đề xuất một số giải pháp như sau:

Một là, đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của thư viện.

Hiện nay, thư viện chủ yếu hoạt động theo phương thức truyền thống, thụ động. Mở cửa và đóng cửa theo đúng giờ quy định, bố trí tài liệu một cách máy móc, rập khuôn mà chưa tính đến hiệu quả, chất lượng thông tin phục vụ bạn đọc. Do vậy, cần đổi mới phương thức hoạt động của thư viện theo hướng chủ động, tích cực. Cán bộ thư viện cần chủ động, sáng tạo các hoạt động, tổ chức các chuyên đề trọng điểm hàng tháng, hàng quý để thu hút bạn đọc đến thư viện.

Cán bộ thư viện có thể trao đổi với giảng viên, giáo viên chủ nhiệm lớp để kết hợp các buổi thảo luận được tổ chức theo từng nhóm (tổ) ngay tại phòng thư viện nhằm tìm hiểu, tranh luận các chủ đề, chủ điểm và thu hút học viên tìm tòi, nghiên cứu các nguồn thông tin chính thống, bổ ích của Thư viện. Cán bộ thư viện cần chủ động đề xuất với Đảng ủy, Ban Giám hiệu nhà trường, Công đoàn, Chi đoàn tổ chức các cuộc thi tìm hiểu theo chủ đề về sách, các chuyên đề, những nhân vật lịch sử, các nhà chính trị gia, chính khách, diễn giả trong và ngoài nước, lồng ghép với các diễn đàn của Chi bộ, tìm hiểu các Nghị quyết của Đảng, chính sách của Nhà nước....

Ngoài ra, cán bộ thư viện cần có kế hoạch chủ động giới thiệu các loại sách, tư liệu trên trang Web của Nhà trường hay lồng ghép vào các buổi thảo luận của các lớp (trước hết thí điểm tại các lớp học tập trung) để giới thiệu đến giảng viên, học viên những chủ đề hay, những tài liệu tham khảo hấp dẫn người nghe.

Hai là, phát triển thư viện điện tử kết hợp với thư viện truyền thống để xây dựng thư viện mở, tiến tới xây dựng thư viện số.

Với xu thế phát triển của công nghệ hiện nay, cách thức hoạt động của thư viện truyền thống gặp phải rất nhiều khó khăn. Do vậy, Nhà trường cần phải xây dựng và đưa vào vận hành thư viện điện tử. Việc xây dựng thư viện điện tử nhằm đáp ứng hai yêu cầu đòi hỏi đặt ra, đó là quản lý, điều hành thư viện bằng phần mềm và đưa thông tin đến với bạn đọc không còn bị bó buộc bởi không gian và thời gian.

Việc số hoá thư viện là một quá trình lâu dài đòi hỏi nhân lực và vật lực. Tuy nhiên đó là xu hướng tất yếu đảm bảo hoạt động của thư viện không còn bó hẹp trong khuôn viên nhà trường. Ngoài ra, trong tương lai cần liên kết với thư viện số khác, nhất là thư viện Trường Chính trị các tỉnh bạn và một số Trường, Học viện khác nhằm đa dạng hóa những nguồn thông tin, học hỏi lẫn nhau và quảng bá thương hiệu Trường Chính trị Lê Duẩn.

Ba là, Nhà trường cần đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất cho thư viện.

2. Tăng cường vai trò đại diện của Công đoàn nhằm chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nữ CNVCLĐ.

3. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nữ, xây dựng người nữ CNVCLĐ có sức khỏe, tri thức, kỹ năng nghề nghiệp, năng động, sáng tạo, có lối sống văn hoá, có lòng nhân hậu

4. Xây dựng gia đình nữ CNVCLĐ no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc.

5. Xây dựng đội ngũ cán bộ nữ, nâng cao chất lượng hoạt động Ban Nữ công công đoàn các cấp, góp phần xây dựng tổ chức Công đoàn vững mạnh.

Thực hiện Nghị quyết 6B, Ban Chấp hành (BCH) Công đoàn, Ban nữ công Trường Chính trị Lê Duẩn đã tổ chức thực hiện có hiệu quả những nhiệm vụ để phát huy vị trí, vai trò của nữ công đoàn viên trong quá trình phát triển toàn diện của Nhà trường.

Hiện nay, Trường Chính trị Lê Duẩn có 39 CNVCLĐ, trong đó nữ công đoàn viên (CĐV) có 22 đồng chí (chiếm 56% trong toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên Nhà trường), 20 nữ CĐV là đảng viên. Về chất lượng nữ CĐV: toàn Trường có 12 đồng chí nữ có trình độ thạc sỹ, 06 đồng chí có trình độ đại học, 01 đồng chí có trình độ trung cấp, 03 đồng chí đã tốt nghiệp phổ thông trung học. Trong đó, số nữ cán bộ tham gia cấp uỷ Đảng của Nhà trường có 03 đồng chí; 03 đồng chí nữ giữ các chức danh lãnh đạo trong Ban Giám hiệu, Trường và Phó khoa, phòng; 01 nữ CĐV tham gia Ban Chấp hành Công đoàn chiếm 20% số thành viên tham gia BCH Công đoàn; 80% nữ CĐV là tổ trưởng Tổ Công đoàn các khoa, phòng. Độ tuổi trung bình của nữ CĐV là 40, cao nhất là 52 tuổi, thấp nhất là 29 tuổi. Nữ CĐV Trường Chính trị Lê Duẩn có nhận thức chính trị nhạy bén, tuyệt đối tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, vào sự nghiệp đổi mới đất nước và sự phát triển của Nhà trường.

Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, kịp thời của Công đoàn viên chức tỉnh, Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường; sự năng động sáng tạo của BCH Công đoàn và sự tham gia tích cực của

các nữ CĐV, việc thực hiện những nhiệm vụ của Nghị quyết 6B về công tác vận động nữ công nhân, viên chức, lao động trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước ở Trường Chính trị Lê Duẩn đạt được những kết quả đáng ghi nhận.

Thứ nhất, nhiệm vụ nâng cao nhận thức về công tác phụ nữ và bình đẳng giới.

Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các khoa, phòng quán triệt sâu sắc các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên về công tác phụ nữ và phong trào phụ nữ trong tình hình mới, nhất là Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị và Chương trình hành động của Đảng ủy Nhà trường về “Công tác phụ nữ trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước”; Chiến lược Quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2020; Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Phụ nữ Việt Nam lần thứ XII, Nghị quyết Đại hội đại biểu Phụ nữ tỉnh Quảng Trị lần thứ XIV... Năm chắc đặc điểm, tình hình nhiệm vụ, Ban Nữ công đã tham mưu cho cấp ủy, lãnh đạo các khoa, phòng phối hợp chặt chẽ với Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ tỉnh Quảng Trị, gắn kết công tác giáo dục, tuyên truyền với thực hiện tốt nhiệm vụ cụ thể của từng lĩnh vực công tác.

Thứ hai, nhiệm vụ tăng cường vai trò đại diện của Công đoàn nhằm chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nữ CNVCLĐ.

Công đoàn Nhà trường đã thực hiện tốt công tác tư vấn, hướng dẫn lao động nữ ký hợp đồng lao động; giám sát việc thực hiện chế độ chính sách của đoàn viên lao động nữ, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng cho chị em. Các chế độ chính sách cho lao động nữ được thực hiện đầy đủ, tạo điều kiện để chị em hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị định 85/2015/NĐ-CP ngày 01/10/2015 của Chính phủ, quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Lao động về chính sách đối với lao động nữ.

Công đoàn Nhà trường cũng đã vận động chị em tích cực tham gia các hoạt động xã hội, nhân

đạo từ thiện, đền ơn đáp nghĩa, ủng hộ giáo dục ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn; vận động chị em tham gia xây dựng các loại quỹ như Quỹ “Mái ấm công đoàn”, “Quỹ tương trợ”, tham gia “Hiển máu nhân đạo”, “Hỗ trợ địa chỉ nhân đạo” do Hội Chữ thập đỏ tỉnh phát động ...

Thứ ba, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nữ, xây dựng người nữ CNVCLĐ có sức khỏe, tri thức, kỹ năng nghề nghiệp, năng động, sáng tạo, có lối sống văn hoá, có lòng nhân hậu.

Công tác bồi dưỡng, đào tạo nâng cao trình độ cho chị em đã được Nhà trường chỉ đạo thực hiện tốt. Hằng năm, cùng với việc động viên, khuyến khích chị em tự học, tự nghiên cứu, Nhà trường đã chọn những đồng chí có đủ tiêu chuẩn gửi đi đào tạo ở các trường trong và ngoài nước. Giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2020, đã có 08 nữ CĐV tham gia chương trình đào tạo thạc sĩ, nâng cao trình độ chuyên môn (07 đồng chí đã tốt nghiệp, 01 đồng chí đang học), 05 nữ CĐV được chuyển ngạch giảng viên lên giảng viên chính.¹ Đây là cơ hội để chị em học tập nâng cao trình độ và có điều kiện để góp phần vào hoàn thành nhiệm vụ chính trị được giao. Cũng trong giai đoạn 2010-2020 đã có 7 nữ CĐV được kết nạp vào Đảng, góp phần nâng cao tỷ lệ và năng lực lãnh đạo của các tổ chức cơ sở đảng trong Đảng bộ.

Nhằm phát huy tốt vai trò của CĐV nữ trong thực hiện nhiệm vụ chính trị mà Thường vụ Tỉnh ủy giao, Nhà trường đã chỉ đạo Ban Nữ công chú trọng gắn kết chặt chẽ các phong trào thi đua của phụ nữ với các cuộc vận động lớn, nhất là Phong trào thi đua “Phụ nữ Trường Chính trị Lê Duẩn tích cực học tập, lao động sáng tạo hoàn thành tốt nhiệm vụ, xây dựng gia đình hạnh phúc”, Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” và việc đẩy mạnh học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Thứ tư, nhiệm vụ xây dựng gia đình nữ CNVCLĐ no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc.

Công đoàn Nhà Trường đã tổ chức tốt công tác truyền thông về các chuẩn mực xây dựng gia

đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, nữ công gia chánh, phòng chống bạo lực gia đình; chăm sóc giáo dục con ngoan, con khỏe; công tác truyền thông về dân số, sức khỏe sinh sản, về kế hoạch hóa gia đình, phòng chống tệ nạn xã hội, nâng cao nhận thức về giới, về các chuẩn mực xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, nữ công gia chánh.

Thứ năm, xây dựng đội ngũ cán bộ nữ, nâng cao chất lượng hoạt động Ban Nữ công, góp phần xây dựng tổ chức Công đoàn vững mạnh.

Tỷ lệ nữ tham gia BCH công đoàn giai đoạn 2010-2020 đạt 30 đến 40%; công đoàn Nhà trường có 58% nữ đoàn viên công đoàn. Nhà trường đã thực hiện tốt chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về cơ cấu tỷ lệ nữ đảm nhiệm vai trò quản lý trong bộ máy lãnh đạo của Nhà trường. Hiện nay, tỷ lệ nữ cán bộ giữ các chức danh lãnh đạo trong Ban Giám hiệu, Trường và Phó khoa, phòng ở Trường Chính trị Lê Duẩn có 03 đồng chí, chiếm 25% tổng số cán bộ lãnh đạo của Nhà trường. Số nữ cán bộ tham gia cấp ủy Đảng của Nhà trường có 03 đồng chí, chiếm 43% thành viên tham gia cấp ủy. Cán bộ nữ có chức vụ của các tổ chức đoàn thể trong Nhà trường là 02 đồng chí, chiếm hơn 20% tổng số lãnh đạo đoàn thể các cấp. 100% số cán bộ nữ CĐV Nhà trường được bồi dưỡng, tập huấn nội dung về bình đẳng giới, lồng ghép giới trong hoạt động công đoàn².

Trên cơ sở quán triệt và thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, hướng dẫn của cấp trên về công tác phụ nữ, hằng năm, Nhà trường đã tập trung vào việc bổ sung, kiện toàn Ban Nữ công đủ về số lượng (4 người, bao gồm 01 đồng chí trưởng ban, 03 đồng chí ủy viên), đảm bảo về chất lượng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ: trong 04 đồng chí có 03 đồng chí có trình độ thạc sĩ chiếm 75% tổng số thành viên của ban, 01 đồng chí có trình độ đại học, chiếm 25% tổng số thành viên của ban. Các đồng chí được lựa chọn vào Ban Nữ công đều có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực thực hiện công tác nữ công.

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc thực hiện Nghị quyết 6B-TLĐ ở Trường Chính trị Lê Duẩn còn gặp một số khó khăn như: Ban Nữ công Nhà trường được thành lập khá muộn. Từ năm 2018 trở đi mới thành lập Ban Nữ công trực thuộc BCH Công đoàn cơ sở Nhà trường, thực hiện công tác liên quan đến nữ công. Ban Nữ công mới thành lập chưa có nhiều kinh nghiệm, bên cạnh đó còn phải thực hiện nhiệm vụ chuyên môn được giao nên hoạt động nữ công chưa thực sự có chiều sâu, chưa chủ động tham mưu BCH Công đoàn trong triển khai nhiệm vụ nên còn lúng túng, phụ thuộc vào chỉ đạo chung của BCH. Nhiều đồng chí nữ đang trong độ tuổi sinh đẻ nên ít nhiều ảnh hưởng đến công việc chung của Công đoàn, hoạt động nữ công của Nhà trường. Việc tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ cho cán bộ nữ công chưa được quan tâm đúng mức, nên thường lúng túng khi tổ chức.

Để thực hiện có hiệu quả hơn nữa Nghị quyết 6b/NQ - TLĐ về công tác vận động nữ CNVCLĐ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước ở Trường Chính trị Lê Duẩn, tôi xin đề xuất một số vấn đề sau:

Một là, đối với Đảng ủy Nhà trường, thường xuyên quán triệt sâu sắc các chỉ thị, nghị quyết, hướng dẫn của cấp trên về công tác phụ nữ trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước; quan tâm chăm lo xây dựng đội ngũ nữ CDV có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức, năng lực công tác tốt, phát huy tính năng động, đề cao tinh thần trách nhiệm ở mỗi vị trí việc làm vì sự phát triển chung của Nhà trường.

Hai là, đối với Ban Giám hiệu, lãnh đạo các khoa, phòng, thực hiện quy hoạch gắn với đào tạo, bồi dưỡng và bố trí, sử dụng cán bộ nữ, bảo đảm yêu cầu phát triển liên tục, bền vững đội ngũ cán bộ nữ thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Quan tâm xây dựng chính sách như nâng lương, nâng ngạch, chăm sóc sức khỏe, bảo hiểm y tế, thi đua khen thưởng... với các đối tượng cán bộ nữ.

Ba là, đối với Ban Chấp hành Công đoàn, thực hiện tốt chính sách bình đẳng giới. Tiếp tục tuyên truyền, giáo dục để nâng cao nhận thức, quan điểm về bình đẳng giới và công tác cán bộ nữ trong các cấp ủy Đảng, tổ chức, đoàn thể trong Nhà trường. Quan tâm xây dựng quy hoạch, tạo nguồn cán bộ nữ, nâng cao năng lực của phụ nữ về mọi mặt nhằm tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong tất cả các lĩnh vực.

Bốn là, vận động nữ CDV thực hiện phong trào “Giỏi việc nước, đảm việc nhà”, phong trào thi đua “Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc” gắn với đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo tinh thần Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị bằng những việc làm thiết thực, hiệu quả, phấn đấu có trên 90% nữ CBCC đạt danh hiệu “Hai giỏi”; chăm lo bảo vệ quyền, lợi ích của nữ CDV; tổ chức tốt hoạt động kỷ niệm ngày 8/3 và 20/10 hàng năm.

Năm là, đối với Ban Nữ công, tiếp tục phát huy vai trò đổi mới nội dung và phương thức nâng cao hiệu quả hoạt động nữ công. Tăng cường sự chỉ đạo của Đảng ủy, Ban Giám hiệu, Ban Chấp hành công đoàn đối với công tác nữ, phân công uỷ viên trực tiếp phụ trách công tác nữ công của Công đoàn.

Công đoàn viên nữ ở Trường Chính trị Lê Duẩn luôn tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường. Phát huy truyền thống, phẩm chất tốt đẹp của các thế hệ phụ nữ đi trước, hưởng ứng thực hiện các phong trào thi đua bằng những việc làm thiết thực, hiệu quả, tích cực học tập, phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, ngày càng khẳng định vai trò, vị thế của mình, xứng đáng với tám chữ vàng mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trao tặng cho phụ nữ Việt Nam “Anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang”./.

^{1,2} *Báo cáo Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 6B-TLĐ của Công đoàn Trường Chính trị Lê Duẩn*

MỘT VÀI SUY NGHĨ VỀ SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP TÌNH HUỐNG TRONG GIẢNG DẠY PHẦN HỌC “NGHIỆP VỤ CÔNG TÁC ĐẢNG Ở CƠ SỞ” TRONG CHƯƠNG TRÌNH TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH

CN. PHẠM XUÂN NGỌC
Khoa Xây dựng Đảng

Một trong những yêu cầu đặt ra trong giảng dạy lý luận chính trị đó là nâng cao chất lượng giảng dạy bằng cách gắn lý luận với thực tiễn. Dùng lý luận để giải quyết các vấn đề thực tiễn và thông qua thực tiễn mà kiểm nghiệm tính đúng đắn, phù hợp của lý luận. Vì vậy, quá trình giảng dạy được đánh giá đạt chất lượng khi cung cấp được những kiến thức cơ bản và từ đó giải quyết những vấn đề thực tiễn đang đặt ra. Phương pháp tình huống là một phương pháp rất hiệu quả trong việc đáp ứng những yêu cầu này.

Phương pháp tình huống trong giảng dạy là đưa ra các tình huống (có thật hoặc giả định) chứa đựng nội dung bài giảng để học viên tự phân tích tìm hướng giải quyết, qua đó truyền tải các nội dung bài giảng đến học viên một cách sinh động, sâu sắc, giúp học viên tự nhận thức được vấn đề một cách dễ dàng, chủ động và hứng thú hơn. Việc sử dụng phương pháp này được áp dụng trong các phần học trong chương trình Trung cấp lý luận chính trị - hành chính nói chung và trong phần học Nghiệp vụ công tác Đảng ở cơ sở nói riêng.

Phần Nghiệp vụ công tác Đảng ở cơ sở trong chương trình Trung cấp Lý luận chính trị - hành chính do Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh ban hành bao gồm có 9 bài; đây là những bài học cơ bản, đầu tiên về Nghiệp vụ công tác Đảng, vừa mang tính lý

luận vừa mang tính nghiệp vụ cụ thể về công tác xây dựng tổ chức đảng, nhất là tổ chức đảng ở cấp cơ sở, gắn liền với các đối tượng học viên trong đó bao gồm đảng viên, cấp ủy viên, phó bí thư và bí thư chi bộ, cán bộ dự nguồn khỏi Đảng, đoàn thể; có những học viên tuổi đời cao, có những hiểu biết sâu về nghiệp vụ cụ thể trong công tác Đảng. Bên cạnh đó, có không ít học viên tuổi đời và tuổi đảng còn trẻ làm việc trong các cơ quan, doanh nghiệp ít có điều kiện tiếp cận các văn bản liên quan đến nội dung bài học. Vì vậy, thông qua các tình huống mà giảng viên đưa ra, học viên sẽ được tiếp cận với những vấn đề phát sinh từ thực tiễn, qua đó vận dụng lý luận đã được học để giải quyết một vấn đề cụ thể trong thực tế, đồng thời rèn luyện kỹ năng cần thiết cho học viên. Với đặc thù như vậy nên việc cung cấp kiến thức và kỹ năng cần thiết cho học viên cần được giảng viên nghiên cứu kỹ lưỡng và lựa chọn phương pháp phù hợp. Một trong những phương pháp giảng dạy được vận dụng linh hoạt trong các bài của phần học này đó là phương pháp dạy học bằng tình huống.

Từ thực tiễn giảng dạy một số bài trong phần học này, bản thân nhận thấy, việc áp dụng phương pháp tình huống bước đầu đã tạo ra những ưu điểm sau:

Thứ nhất, nâng cao tính chủ động, sáng tạo và sự hứng thú của người học; khi giảng viên chủ động đưa những tình huống thực tế

phù hợp vào trong nội dung bài giảng sẽ tạo nên sự sôi nổi, hứng thú, tranh luận và chủ động trong quá trình nhận thức, từ đó học viên nắm được lý luận một cách hiệu quả hơn thông qua việc giải quyết tình huống. Bên cạnh đó, phương pháp này còn giúp học viên nâng cao kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng phân tích, giải quyết vấn đề, kỹ năng trình bày, bảo vệ và phản biện ý kiến trước đám đông. Để giải quyết tình huống, học viên được yêu cầu làm việc trong một nhóm, từ đó cả nhóm cùng phân tích và thảo luận để đưa ra giải pháp, sau đó trình bày giải pháp của nhóm mình trước lớp. Trong quá trình làm việc học viên rút ra được kinh nghiệm làm việc theo nhóm, chia sẻ kiến thức, thông tin để cùng đạt đến mục tiêu chung. Học viên cũng học được cách tôn trọng và lắng nghe ý kiến của các học viên khác để làm cho vốn kiến thức của mình phong phú hơn.

Thứ hai, phương pháp tình huống góp phần nâng cao tính thực tiễn của môn học. Sau khi học viên đã được giảng viên cung cấp các kiến thức lý luận, một bài tập tình huống sẽ giúp học viên có cái nhìn sâu hơn và thực tiễn hơn về vấn đề lý luận đã được nghiên cứu. Thông qua việc xử lý tình huống, học viên sẽ có điều kiện để vận dụng linh hoạt các kiến thức lý luận đã được giảng viên cung cấp vào thực tiễn công việc ở cơ quan, đơn vị nơi mình đang công tác.

Thứ ba, sử dụng phương pháp tình huống góp phần nâng cao trình độ chuyên môn, kiến thức thực tiễn và phương pháp sư phạm cho giảng viên. Để xây dựng được tình huống có hiệu quả, đòi hỏi giảng viên phải nghiên cứu tìm tòi, không ngừng làm giàu vốn tri thức của mình để có năng lực tư duy, có thông tin kịp thời, chính xác từ thực tiễn, để phân tích, lý giải tình huống một cách khoa học.

Thứ tư, trong quá trình tổ chức thực hiện phương pháp tình huống, giảng viên trong

vai trò của người dẫn dắt sẽ tiếp thu được rất nhiều kinh nghiệm và những giải pháp mới từ phía người học, nhất là từ những học viên đã có quá trình công tác thực tiễn lâu năm. Đồng thời, giảng viên cũng có thể phát hiện ra những điểm bất hợp lý hoặc sai sót của tình huống để điều chỉnh, bổ sung ở những giờ giảng tiếp theo.

Tuy nhiên, để xây dựng một bài tập tình huống đạt hiệu quả, đáp ứng yêu cầu thực tiễn, bảo đảm tính định hướng, cập nhật các quy định của Đảng và Nhà nước đòi hỏi giảng viên phải nắm vững kiến thức lý luận; lựa chọn mẫu tình huống, xác định cách mô tả, sưu tầm tài liệu liên quan; cập nhật các văn bản quy định, hướng dẫn của Đảng, cấp ủy cấp trên liên quan đến tình huống. Tình huống phải ngắn gọn, rõ ràng để người học có thể nhanh chóng nhận diện được yêu cầu thực hiện, lập luận chặt chẽ nhằm tránh tình huống học viên có thể sẽ đưa ra các phương án khác nhau hoặc tranh cãi khi tình huống không mô tả hoặc đặt ra những điều kiện cụ thể. Giảng viên cần phải xác định đối tượng người học để từ đó xây dựng tình huống cho phù hợp. Bên cạnh đó, tình huống đưa ra cần phải có sự hợp tác tích cực từ người học. Nếu không đáp ứng được các yêu cầu trên sẽ ảnh hưởng phần nào đến mức độ, hiệu quả của phương pháp này.

Từ những kết quả đạt được, đồng thời khắc phục những hạn chế còn tồn tại trong việc sử dụng phương pháp tình huống trong giảng dạy phần học Nghiệp vụ công tác Đảng ở cơ sở. Bản thân xin được đề xuất một số giải pháp sau:

Một là, tình huống cần phải chọn lọc, có tính thực tiễn, gắn chặt với nội dung bài giảng. Giảng viên cần dành thời gian nghiên cứu để tìm ra những tình huống phù hợp với nội dung từng bài giảng, từng đối tượng người học; tình huống có thể do giảng viên

tự xây dựng hoặc sử dụng tình huống từ các nguồn tài liệu khác, tình huống không quá dễ nhưng cũng không quá khó. Việc lựa chọn tình huống như thế nào và khi nào được sử dụng phải được cân nhắc, ví dụ: khi tìm hiểu Bài 3: Công tác cán bộ của tổ chức cơ sở đảng và nghiệp vụ về công tác cán bộ thì giảng viên cần đưa ra các tình huống liên quan đến công tác cán bộ như quy hoạch cán bộ, đào tạo cán bộ, đánh giá cán bộ, bổ nhiệm cán bộ, chính sách cán bộ, .. nội dung tình huống đưa ra sẽ liên quan đến những vấn đề phức tạp nảy sinh trong quá trình thực hiện công tác cán bộ ở cơ sở, từ đó rút ra những vấn đề cần nắm vững về công tác cán bộ, hiểu rõ hơn về công tác cán bộ ở tổ chức cơ sở đảng hiện nay để có chính sách bố trí, sử dụng cán bộ. Với nội dung của Bài 4: Tổ chức sinh hoạt đảng bộ, chi bộ và đại hội đảng bộ, chi bộ ở cơ sở; những tình huống có thể được lựa chọn liên quan đến quy trình tổ chức một buổi sinh hoạt chi bộ, đảng bộ. Đối với nội dung Bài 7: Công tác kiểm tra, giám sát của tổ chức cơ sở đảng và nghiệp vụ công tác kiểm tra, giám sát thì những tình huống có thể được sử dụng như hình thức xử lý những vi phạm hoặc có dấu hiệu vi phạm đối với tổ chức đảng và đảng viên thông qua công tác kiểm tra, giám sát hay quy trình thực hiện công tác kiểm tra, giám sát...

Hai là, tình huống phải đảm bảo tính Đảng, tính thời sự. Nguyên tắc tính Đảng là yêu cầu cơ bản nhằm bảo đảm sự nhất quán, đúng quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Khi đưa ra tình huống giảng viên cần lựa chọn nội dung phù hợp với bài giảng, chuẩn bị phương án trả lời đúng quy định, hướng dẫn của Đảng, cấp ủy cấp trên. Bên cạnh đó, việc lựa chọn vấn đề xây dựng tình huống cần lựa chọn những vấn đề nổi cộm, bức xúc hoặc vấn đề dễ nảy sinh sai phạm, thiếu sót trong các tổ chức cơ

sở đảng nói chung và tại địa phương hoặc cơ quan, đơn vị nói riêng.

Ba là, sử dụng phương pháp tình huống cần có sự chuẩn bị công phu của giảng viên và người học. Giảng viên cần cung cấp các kiến thức về mặt lý thuyết có liên quan đến tình huống, cần phải giải thích chi tiết tình huống để học viên hiểu rõ các vấn đề cần giải quyết từ đó yêu cầu học viên chuẩn bị tài liệu có liên quan để có thể giải quyết được những tình huống đó. Đồng thời giảng viên cần chuẩn bị trước những phương án trả lời cho từng tình huống, có thể đó là các tình huống phát sinh khi học viên yêu cầu giảng viên giải đáp hoặc bổ sung thêm. Giảng viên cần lưu ý đến quá trình điều hành giải quyết tình huống của học viên để tạo bầu không khí cởi mở, sôi nổi.


Bốn là, sau mỗi tình huống, giảng viên cần tổng kết, rút ra kết luận và giải pháp có liên quan đến nội dung bài học. Sau khi ghi nhận các ý kiến của các nhóm và từng thành viên trong nhóm, giảng viên sẽ dựa vào đó đánh giá vấn đề đang thảo luận. Có thể có những vấn đề không mang lại kết quả như mong muốn, có những vấn đề có kết quả đúng sai rõ ràng, nhưng giảng viên sẽ là người neo chốt về tình huống đó để giúp học viên có thể hiểu rõ hơn cách thức giải quyết của mình.

Như vậy, việc áp dụng phương pháp giảng dạy bằng tình huống trong đào tạo trung cấp lý luận chính trị là một phương pháp mang lại hiệu quả thiết thực đối với học viên. Thông qua phương pháp này, giảng viên đã tạo ra môi trường thuận lợi để học viên tự tìm tòi, nghiên cứu, trao đổi, bổ sung vốn kiến thức cho bản thân và áp dụng vào thực tiễn công tác. Đồng thời, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, chất lượng đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị của Nhà trường trong giai đoạn hiện nay./.

GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TRIỆU PHONG

CN. NGUYỄN HẢI LÝ

Khoa Lý luận cơ sở

 Huyện Triệu Phong có diện tích tự nhiên 353,364 km²; dân số 88.852 người (tính đến 31/12/2019). Hầu hết dân cư sống ở nông thôn và dựa vào nông nghiệp là chính (thành thị là 4.320 người; nông thôn là 84.532 người). Gần 2/3 tổng số lao động của huyện (65%) đang làm việc trong các ngành nông, lâm, ngư nghiệp. Giá trị sản xuất nông nghiệp ước đạt 844,885 tỷ đồng (năm 2019) chiếm 26,1% tổng giá trị sản xuất các ngành. Như vậy, có thể thấy cơ cấu kinh tế Triệu Phong đang chuyển dịch theo hướng tích cực đặc biệt là ngành nông nghiệp vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng cao do đó việc hướng dẫn và tạo điều kiện để các chủ thể kinh tế tự chủ (kinh tế hộ, kinh tế trang trại) mạnh dạn đầu tư phát triển sản xuất theo hướng tổ chức kinh tế hợp tác xã là hết sức cần thiết.

Theo Luật Hợp tác xã (HTX) năm 2012 thì HTX là tổ chức kinh tế tập thể, đồng sở hữu, có tư cách pháp nhân, do ít nhất 07 thành viên tự nguyện thành lập và hợp tác tương trợ lẫn nhau trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm nhằm đáp ứng nhu cầu chung của thành viên, trên cơ sở tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ trong quản lý hợp tác xã. Thực tiễn cho thấy vai trò HTX nói chung và HTX nông nghiệp nói riêng đã khai thác tiềm năng và lợi thế so sánh phục vụ phương thức sản xuất nông nghiệp. Vì vậy cho phép huy động, khai thác đất đai, sức lao động và các nguồn lực khác một cách đầy đủ, hợp lý và có hiệu quả, góp phần tích cực thúc đẩy sự tăng trưởng, phát triển của ngành nông nghiệp và kinh tế nông thôn. HTX góp phần tích cực thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển các loại cây trồng, vật nuôi có giá trị hàng hóa cao, khắc

phục dần tình trạng sản xuất manh mún, tạo vùng sản xuất chuyên môn hóa, tập trung hóa cao, đẩy nhanh nông nghiệp sang sản xuất hàng hóa. Thúc đẩy phát triển công nghiệp, nhất là công nghiệp chế biến và dịch vụ sản xuất ở nông thôn. Tạo động lực đẩy mạnh ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ vào sản xuất, nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực; tạo việc làm, tăng thu nhập cho lao động nông thôn, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn theo hướng tích cực; thúc đẩy phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn.

Nhận thức được vai trò HTX, Triệu Phong đẩy mạnh, phát triển HTX nông nghiệp là một hướng đi đúng gắn với việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Cụ thể, sau khi triển khai thực hiện Nghị quyết 13-NQ/TW5 và Luật Hợp tác xã năm 2012, đến năm 2019, Triệu Phong đã thực hiện chuyển đổi HTX theo Luật HTX năm 2012 thành công 100% HTX nông nghiệp.

Theo Báo cáo của Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn năm 2019 toàn huyện có 85 HTX kinh doanh dịch vụ trong lĩnh vực sản xuất nông - ngư nghiệp (80 HTX sản xuất kinh doanh dịch vụ tổng hợp, 4 HTX dịch vụ thủy nông, 01 HTX chăn nuôi). Tổng số thành viên các HTX nông nghiệp 21.356 thành viên. Thời gian qua, có nhiều HTX làm tốt vai trò là “bà đỡ” cho các hộ nông dân liên kết với nhau để chuyển từ sản xuất nhỏ manh mún, phát triển thành sản xuất hàng hóa tập trung quy mô lớn, hiệu quả cao. Các HTX này đã vận động, tổ chức cho các hộ nông dân chuyển ghép ruộng đất, thực hiện dồn điền đổi thửa, chỉnh trang đồng ruộng. Khắc phục được hạn chế về ruộng đất manh mún chia cắt, hình thành những cánh đồng lớn, tạo điều kiện thuận lợi cho

việc ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, đưa cơ giới hóa vào đồng ruộng, nâng cao năng suất, chất lượng cây trồng, gia tăng giá trị sản phẩm thu hoạch và thu nhập cho nông dân. Bên cạnh đó, các HTX nông nghiệp thường tổ chức cung ứng một số dịch vụ đầu vào cho sản xuất của các hộ xã viên (cung ứng vật tư, giống, phân bón, tư vấn hỗ trợ chuyển giao quy trình kỹ thuật, vay vốn...), một số HTX còn tổ chức tiêu thụ sản phẩm, hoặc trực tiếp làm dịch vụ tiêu thụ sản phẩm không phải thông qua trung gian là tư thương. Nhờ vậy, người sản xuất nhỏ chẳng những tránh được tình trạng bị ép giá, mà giá trị sản phẩm, lợi nhuận và hiệu quả sản xuất được tăng lên, nhất là đối với những hộ nông dân nghèo thiếu kinh nghiệm và thiếu vốn đầu tư. Nhờ vậy, doanh thu bình quân 632 triệu đồng/HTX, lợi nhuận bình quân 120 triệu đồng/HTX, tổng tài sản các HTX 1.659 triệu đồng, trong đó tài sản lưu động là 620 triệu đồng, tài sản cố định là 1.039 triệu đồng.

Về quy mô có 04 HTX có quy mô toàn xã: 3 HTX dịch vụ thủy nông (Triệu Văn, Triệu An, Triệu Lăng), 01 HTX kinh doanh dịch vụ nông nghiệp (KDDVNN) tổng hợp (Triệu Thuận). 01 HTX có quy mô liên thôn (HTX KDDVNN tổng hợp An Thành); 06 HTX KDDVNN tổng hợp có quy mô thôn tách đôi (Quảng Điền A, Quảng Điền B, Trà Liên Đông, Trà Liên Tây, Nhan Biều, Nhan Biều 3); 74 HTX có quy mô thôn. Trong năm 2019, có 12 HTX xây dựng điển hình tiên tiến, đến đã có 07 HTX được công nhận HTX điển hình tiên tiến cấp tỉnh; 02 HTX Sản xuất KDDVNN Triệu Thuận, HTX nông sản sạch Triệu Phong được UBND tỉnh đã công nhận HTX kiểu mới. Hiện nay đang tiến hành khảo sát và đề nghị công nhận HTX kiểu mới cho HTX An Lợi, HTX Thượng Phước và HTX Linh An, trong năm 2020 triển khai xây dựng thêm 3-4 HTX trở thành HTX kiểu mới. Phát triển ổn định 4 HTX dịch vụ thủy nông.

Bên cạnh những kết quả đạt được, kinh tế tập thể và HTX trong những năm qua vẫn còn bộc lộ một số hạn chế sau:

Một là, phần lớn các HTX chưa thoát khỏi cung cách quản lý của cơ chế cũ, tuy có lãi nhưng lãi chưa thực chất, do việc lập phương án thu chi chưa hợp lý

(thu chi qua dịch vụ, cân đối giữa thu và chi số còn lại trích lập các quỹ, trả công quản lý, xử lý công nợ). Tài sản, nguồn vốn nghèo nàn, dư nợ trong xã viên lớn.

Hai là, đa số HTX tập trung điều hành sản xuất trên lĩnh vực nông nghiệp. Hoạt động chủ yếu là các dịch vụ mang tính phục vụ như: dịch vụ thủy nông, dịch vụ bảo vệ thực vật, bảo nông, giao thông nội đồng... các dịch vụ mở như: tín dụng nội bộ, vật tư nông nghiệp, tiêu thụ sản phẩm còn nhiều hạn chế, hiệu quả đem lại chưa cao.

Ba là, cơ sở vật chất kỹ thuật lạc hậu, phần lớn các HTX không tích lũy vốn từ sản xuất kinh doanh để tái đầu tư nên khi mở rộng sản xuất kinh doanh đã gặp khó khăn trong việc huy động vốn, một số HTX quy mô quá nhỏ bé, ngành nghề kinh doanh ít... .

Bốn là, chất lượng đội ngũ quản lý của HTX nông nghiệp ở Triệu phong tuy có nâng lên nhưng chưa qua đào tạo cơ bản (chủ yếu tập huấn ngắn hạn). Công tác tổ chức điều hành quản lý chủ yếu dựa vào kinh nghiệm, tuổi đời cao, chế độ đãi ngộ thấp, không thu hút người có trình độ vào công tác tại HTX. Cán bộ quản lý cấp xã về HTX không có chuyên trách chỉ kiêm nhiệm, ít am hiểu về kinh tế hợp tác dẫn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh dịch vụ còn thấp, chủ yếu là dịch vụ đầu vào nên chưa tương xứng với tiềm năng và vị thế của kinh tế tập thể. Ngoài ra, việc tuyên truyền luật và văn bản dưới luật đến tận hộ xã viên HTX gặp nhiều khó khăn. Vì vậy, tuy các HTX đã chuyển đổi song vẫn còn nhiều cán bộ và xã viên chưa nắm bắt đầy đủ các nội dung của luật, do đó việc tham gia của xã viên còn mang tính hình thức, ghi danh (tồn tại khi chia ruộng theo Nghị định 64/NĐ-CP). Rất nhiều HTX còn lấy suất ruộng để tính cổ phần và các khoản thu hàng năm.

Để nâng cao hiệu quả hoạt động của khu vực kinh tế tập thể, Hợp tác xã nói chung, Hợp tác xã nông nghiệp nói riêng, trong thời gian tới cần thực hiện đồng bộ một số giải pháp sau:

Thứ nhất, cần chỉ đạo củng cố để 100% các HTX hiện có hoạt động theo đúng tính chất mô hình HTX kiểu mới; cần rà soát, đánh giá lại, xác định rõ nguồn gốc tài sản hình thành, giải quyết dứt điểm nợ đọng kéo

dài, xem xét lại xã viên thực sự có nhu cầu hợp tác sản xuất, tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ, góp vốn vào HTX, giảm bớt số thành viên.

Thứ hai, đổi mới nhận thức về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của kinh tế tập thể, HTX trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Cụ thể, đó là nhận thức đúng đắn về HTX nông nghiệp kiểu mới. Nhất là tổ chức ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật giống mới cho thâm canh chuyển đổi cơ cấu cây trồng mới. Làm tốt công tác dồn điền đổi thửa, cải tạo đồng ruộng, thực hiện cơ giới hoá nông nghiệp, tích cực phát triển ngành nghề dịch vụ mới nhất là cung cấp vật tư, chế biến tiêu thụ sản phẩm, tín dụng nội bộ và xây dựng nông thôn mới. Đẩy mạnh Thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/HU “Về xây dựng cánh đồng lớn, phát triển trang trại, gia trại giai đoạn 2016-2020”, khuyến khích các thành phần kinh tế liên doanh, liên kết với các HTX, hộ nông dân để xây dựng cánh đồng lớn, phát triển trang trại, gia trại, hình thành các hình thức tổ chức sản xuất hiệu quả, nhất là khâu tìm kiếm thị trường, tiêu thụ sản phẩm, tạo thương hiệu hàng hóa, chuyển giao khoa học kỹ thuật và công nghệ,...

Thứ ba, tập trung phát triển các dịch vụ mở như: tín dụng nội bộ, vật tư nông nghiệp, tiêu thụ sản phẩm phát triển ngành nghề dịch vụ mới. Xúc tiến thành lập các mô hình HTX kiểu mới ở những HTX có điều kiện được đại đa số thành viên tán thành theo mô hình liên kết cụm, liên kết vùng từ cung ứng dịch vụ đầu vào, xây dựng quy trình sản xuất chuẩn để kết nối thị trường tiêu thụ phù hợp với sản phẩm nông nghiệp mà huyện có lợi thế như sản nguyên liệu, gỗ rừng trồng, chăn nuôi lợn, bò,... gắn với nhãn hiệu hàng hóa. Đặc biệt, đối với các HTX có quy mô nhỏ, phạm vi hoạt động hẹp trước mắt cần làm tốt vai trò “bà đỡ” cho kinh tế hộ trong việc cung ứng các dịch vụ đầu vào cho thành viên, đồng thời đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động các thành viên tự nguyện tham gia góp vốn, sử dụng dịch vụ của HTX; tiến tới hình thành liên kết cụm, liên kết vùng trong sử dụng dịch vụ đầu vào (mua gốc), xây dựng quy trình sản xuất chuẩn để kết nối thị trường tiêu thụ, xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu góp phần tăng sức mạnh

giao dịch trên thị trường, nâng cao giá trị gia tăng. Lập hồ sơ đề xuất với Liên minh HTX tỉnh cho vay vốn để hoạt động có hiệu quả mô hình HTX.

Thứ tư, đào tạo lại lực lượng trực tiếp tham gia điều hành HTX đã được chuyển đổi sang HTX kiểu mới. Đưa những người trẻ có trình độ về làm việc tại HTX với một cơ chế khuyến khích đủ hấp dẫn, môi trường làm việc thuận lợi, thậm chí phải nghĩ đến phương án thuê những giám đốc, kế toán trưởng về trực tiếp quản lý theo hình thức khoán. Đẩy mạnh công tác khuyến nông, cung cấp thông tin, thị trường; tham quan, tập huấn, đào tạo nâng cao trình độ cho người lao động về quy trình sản xuất. Nâng cao năng lực tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế hợp tác trong lĩnh vực nông nghiệp. Thường xuyên đào tạo, tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ quản lý nhà nước về kinh tế hợp tác. Đồng thời kết hợp tham quan học tập các mô hình hay hiệu quả trong và ngoài huyện.

Ngoài ra, cần tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến quan điểm chính sách của Đảng và Nhà nước về kinh tế tập thể, HTX. Thông qua công tác tuyên truyền Luật Hợp Tác Xã năm 2012, Nghị định 151/2007/NĐ-CP của Chính phủ về tổ chức và hoạt động Tổ hợp tác, Kết luận số 56-KL/TW ngày 21/02/2013 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khoá IX) về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể.

Tin rằng nếu thực hiện đồng bộ các giải pháp sẽ giúp các HTX nông nghiệp kiểu mới vượt qua vướng mắc, khó khăn, lớn mạnh hơn nữa, đóng góp cho sự phát triển bền vững của ngành nông nghiệp Triệu Phong nói riêng và tỉnh Quảng Trị nói chung./.

(1). Niên giám Thống kê Quảng Trị năm 2018

(2). Báo cáo Tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2019, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện Triệu Phong.

(3). Báo cáo số 214/BC-NN của Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Triệu Phong ngày 12 tháng 9 năm 2019

(4). Khoản 1 Điều 3 Luật Hợp tác xã năm 2012

TỌA ĐÀM KHOA HỌC KỶ NIỆM 90 NĂM NGÀY THÀNH LẬP ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM (03/02/1930 - 03/02/2020).

Chiều ngày 03/02/1930, Trường Chính trị Lê Duẩn đã tổ chức Tọa đàm khoa học với chủ đề “Đảng Cộng sản Việt Nam - Người lãnh đạo, tổ chức mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam”.

Tại buổi Tọa đàm, các đại biểu đã trình bày 6 tham luận, ôn lại chặng đường 90 năm lịch sử vẻ vang của Đảng Cộng sản Việt Nam, những thành tựu mà nhân dân ta đã đạt được từ khi có Đảng lãnh đạo, nhất là sau gần 35 năm thực hiện đường lối đổi mới, đồng thời thảo luận những nội dung về các bài học kinh nghiệm của Đảng ta trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam; những biểu hiện suy thoái về đạo đức, lối sống; tình trạng tham nhũng; thực hiện nghiêm túc việc tự phê bình và phê bình... Phát biểu kết thúc Tọa đàm, ThS. Nguyễn Hữu Thánh, Bí thư Đảng ủy - Hiệu trưởng Nhà trường ghi nhận và đánh giá cao những tham luận, những ý kiến đóng góp tâm huyết, trách nhiệm của các đảng viên, các đại biểu tham dự. Đồng thời nhấn mạnh: Tự hào về Đảng quang vinh, Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, mỗi tổ chức đảng, mỗi cán bộ, đảng viên cần phải phát huy hơn nữa truyền thống vẻ vang của Đảng, hết lòng phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân; xứng đáng là chỗ dựa vững chắc, niềm tự hào tin yêu của nhân dân. Thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII), về “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ và Nghị quyết 35-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 22/10/2018 về “Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới. Đồng chí yêu cầu cán bộ, đảng viên, giảng viên, học viên Nhà trường cần nhận thức sâu sắc, giữ vững bản lĩnh chính trị, kiên quyết đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, để Đảng ta thực sự “lãnh đạo đức là văn minh”/.

CÁC CHI BỘ TRỰC THUỘC ĐẢNG BỘ TRƯỜNG CHÍNH TRỊ LÊ DUẨN TỔ CHỨC THÀNH CÔNG ĐẠI HỘI NHIỆM KỲ 2020 - 2022

Từ ngày 25 đến ngày 27 tháng 2 năm 2020, các chi bộ trực thuộc Đảng bộ Trường Chính trị Lê Duẩn đã tổ chức Đại hội nhiệm kỳ 2020 - 2022.

Với tinh thần làm việc nghiêm túc, dân chủ và sự chỉ đạo kịp thời, sâu sát của Đảng ủy Trường, đại hội các chi bộ đã thông qua báo cáo chính trị của chi bộ nhiệm kỳ 2017-2020 trình tại đại hội và xem xét lựa chọn những đảng viên tiêu biểu, có phẩm chất chính trị vững vàng, có trình độ, kinh nghiệm và năng lực công tác để bầu vào Chi ủy và các chức danh Bí thư, Phó Bí thư Chi bộ nhiệm kỳ 2020 - 2022.

KHỐI THI ĐUA CÁC CƠ QUAN ĐẢNG KÝ KẾT GIAO ƯỚC THI ĐUA NĂM 2020

Chiều ngày 16/3/2020, tại Trường Chính trị Lê Duẩn, Khối Thi đua các cơ quan Đảng tỉnh Quảng Trị (gồm có 9 đơn vị: Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ban Dân vận Tỉnh ủy, Ban Nội chính Tỉnh ủy, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Đảng ủy Khối Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh, Trường Chính trị Lê Duẩn, Báo Quảng Trị) đã tổ chức Hội nghị ký kết giao ước thi đua năm 2020.

Hội nghị đã thông qua dự thảo Quy chế hoạt động, Kế hoạch thi đua và Bảng tiêu chí chấm điểm thi đua của Khối năm 2020 với nhiều nội dung trọng tâm như: thực hiện nhiệm vụ chính trị, công tác xây dựng Đảng và các tổ chức, đoàn thể; thực hiện các quy định của Đảng, Nhà nước, đơn vị; công tác thi đua, khen thưởng.

Tại hội nghị, đại diện các đơn vị đã thảo luận, trao đổi, đóng góp ý kiến và làm rõ thêm một số nội dung liên quan nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả hoạt động của Khối, đồng thời thực hiện ký cam kết giao ước thi đua năm 2020.